

CƠ QUAN HỢP TÁC QUỐC TẾ NHẬT BẢN (JICA)  
BỘ NÔNG NGHIỆP VÀ PTNT-NƯỚC CỘNG HÒA XHCN VIỆT NAM

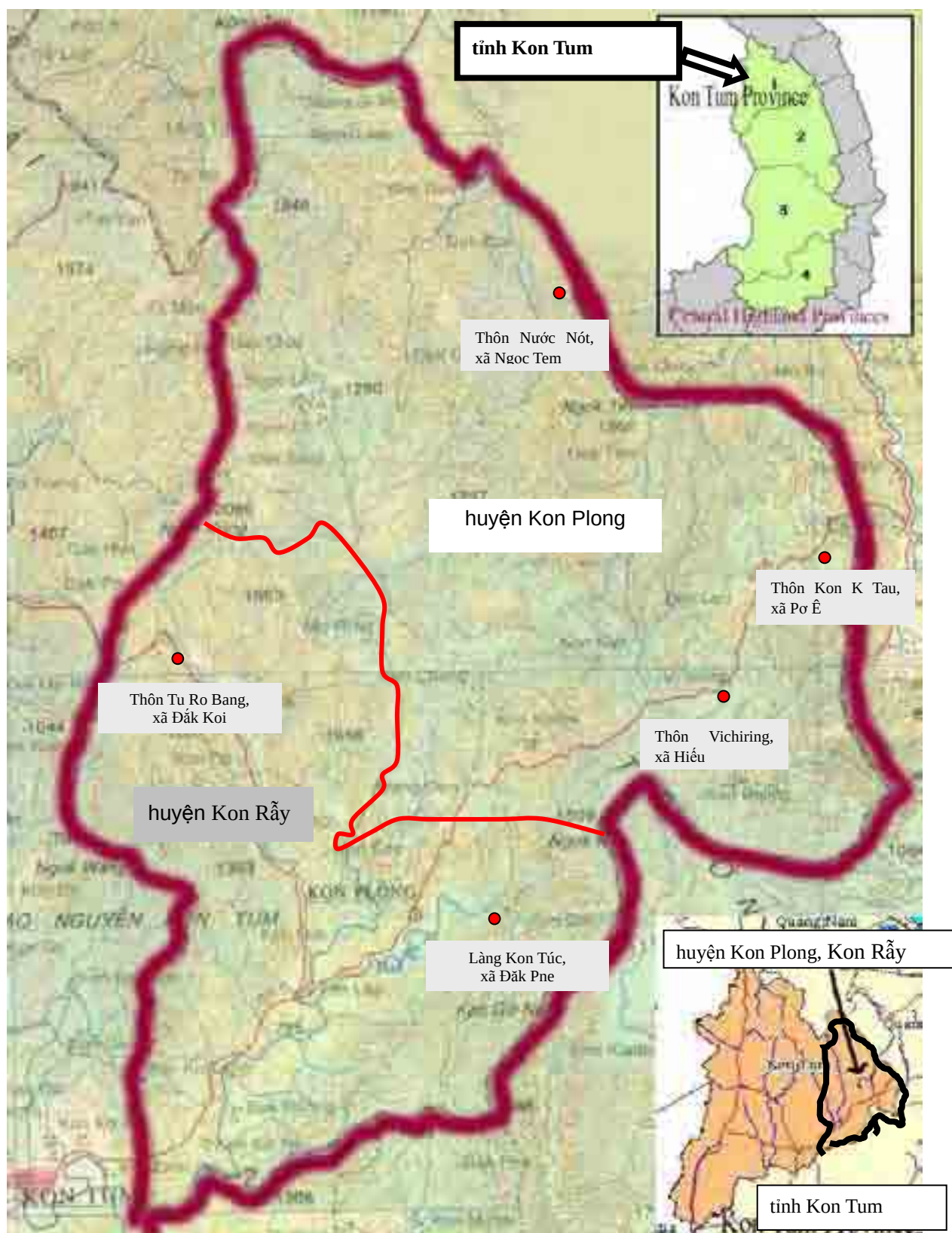
Dự án Hỗ trợ Dân làng Quản lý Rừng Bền vững  
ở Tây Nguyên, Việt Nam

# Báo cáo Hoàn thành

Tháng 10/2008

Hiệp Hội Tư Vấn Lâm Nghiệp Hải Ngoại Nhật Bản (JOFCA)





**Bản đồ địa điểm dự án**

## Nội dung của Báo Cáo

|                                                                             |    |
|-----------------------------------------------------------------------------|----|
| Giới thiệu.....                                                             | 1  |
| 1. Bối cảnh của Dự án .....                                                 | 2  |
| 1.1 Bối cảnh đề xuất.....                                                   | 2  |
| 1.2 Mục tiêu Dự án.....                                                     | 2  |
| 1.3 Phạm vi hoạt động của Dự án .....                                       | 3  |
| 2. Phương pháp thực hiện.....                                               | 5  |
| 2.1 Mô hình và đầu vào.....                                                 | 5  |
| 2.2 Cấu trúc của chương trình Hỗ trợ dân làng.....                          | 7  |
| 2.3 Biểu đồ phát triển của các hoạt động .....                              | 7  |
| 3. Kết quả dự án .....                                                      | 9  |
| 3.1 Việc thực hiện kế hoạch cải thiện sinh kế tại mỗi thôn mô hình.....     | 9  |
| 3.1.1 Việc thực hiện kế hoạch canh tác bền vững .....                       | 9  |
| 3.1.2 Kế hoạch tập huấn kỹ thuật.....                                       | 45 |
| 3.2 Thực hiện kế hoạch nâng cao năng lực .....                              | 50 |
| 3.3 Hỗ trợ nâng cao năng lực tiếp thị cho dân làng.....                     | 51 |
| 3.4 Thực hiện khóa giáo dục về môi trường.....                              | 54 |
| 3.5 Thực hiện tập huấn quản lý rừng có sự tham gia của cộng đồng (CFM)..... | 55 |
| 3.6 Theo dõi, giám sát Dự án .....                                          | 61 |
| 3.7 Đánh giá về sự tham gia/ công tác xã hội hóa.....                       | 66 |
| 3.8 Các hội nghị chuyên đề mở rộng cho các thôn khác.....                   | 70 |
| 3.9 Việc lập dự thảo kế hoạch giảm nghèo tại các thôn khác.....             | 73 |
| 3.10 Tập huấn RECOFTC .....                                                 | 75 |
| 3.11 Hợp JCC và Hội thảo tổng kết.....                                      | 76 |
| 4. Lịch thực hiện các hoạt động (Kết quả) .....                             | 81 |
| 5. Thay đổi ma trận thiết kế dự án (PDM) .....                              | 84 |
| 6. Hồ sơ đầu vào.....                                                       | 91 |
| 6.1 Hồ sơ chuyên gia.....                                                   | 91 |
| 6.2 Hồ sơ thiết bị của dự án.....                                           | 95 |
| 6.3 Hồ sơ mua sắm.....                                                      | 97 |
| 7. Đầu ra của dự án.....                                                    | 98 |

|                                                                                     |         |
|-------------------------------------------------------------------------------------|---------|
| 8. Bộ máy để quản lý và thực hiện Dự án tốt hơn .....                               | 101     |
| 8.1 Phân công nhiệm vụ cho Xúc tác viên xã (CF) tại làng mẫu .....                  | 101     |
| 8.2 Việc hình thành Ban Phát triển thôn (VDB).....                                  | 101     |
| 8.3 Việc đưa vào Hệ thống Ngân hàng Vật nuôi (Giới thiệu ngân hàng vật nuôi).....   | 102     |
| 8.4 Theo dõi, giám sát Dự án bằng việc tổ chức các cuộc họp/ hội thảo định kỳ ..... | 102     |
| 8.5 Việc đưa vào hình thức Theo dõi Giám sát có sự tham gia .....                   | 103     |
| <br>9. Đánh giá dự án .....                                                         | <br>104 |
| 9.1 Thành tựu .....                                                                 | 104     |
| 9.2 Tính hiệu quả.....                                                              | 106     |
| 9.3 Tác động.....                                                                   | 109     |
| 9.4 Tính bền vững .....                                                             | 112     |
| 9.5 Mức độ thành quả và những vấn đề quan tâm trong thiết lập thôn mô hình .....    | 116     |
| <br>10. Bài học kinh nghiệm .....                                                   | <br>120 |
| 10.1 Bài học kinh nghiệm dưới góc độ điều kiện tự nhiên và kỹ thuật.....            | 121     |
| 10.2 Bài học kinh nghiệm từ góc độ kinh tế-xã hội .....                             | 126     |
| 10.3 Bài học kinh nghiệm từ góc độ quản lý .....                                    | 130     |
| 10.4 Bài học kinh nghiệm từ góc độ tổ chức.....                                     | 134     |
| <br>11. Đề xuất và kiến nghị.....                                                   | <br>138 |

## **Phụ lục**

1. Danh sách cá nhân tham gia hoạt động canh tác bền vững ở từng thôn mẫu, từng năm và từng hoạt động
2. Ngân hàng vật nuôi ở mỗi thôn mẫu
3. Báo cáo về khóa tập huấn hỗ trợ nâng cao năng lực tiếp cận thị trường
4. Ý kiến về phương thức tiếp thị mới tại các thôn mẫu nơi thực hiện tập huấn tiếp thị
5. Báo cáo về khóa giáo dục nhận thức về môi trường cho người lớn
6. Báo cáo về khóa tập huấn CFM
7. Kế hoạch CFM 5 năm tại thôn Vichiring
8. Kế hoạch CFM năm 2008 tại thôn Vichiring
9. Qui ước bảo vệ và phát triển rừng tại thôn Vichiring
10. Kết quả đánh giá có sự tham gia theo nhóm
11. Kế hoạch cải thiện sinh kế cho 10 thôn khác
12. Kế hoạch hoạt động năm 2008
13. Kết quả khảo sát tính hiệu quả của các hoạt động dự án
14. Kết quả khảo sát tính bền vững của các hoạt động dự án

## Hình ảnh

|                                                             |    |
|-------------------------------------------------------------|----|
| Hình 2.1.1 Mô hình đầu vào.....                             | 5  |
| Hình 2.2.1 Sơ đồ của chương trình hỗ trợ dân làng .....     | 7  |
| Hình 2.3.1 Biểu đồ phát triển công việc/các hoạt động ..... | 8  |
| Hình 4.1 Lịch thực hiện cho từng hoạt động.....             | 82 |
| Hình 6.1.1 Lịch chuyên gia Nhật làm việc.....               | 94 |

## Bảng

|                                                                                                                      |     |
|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-----|
| Bảng3.1.1 Số hộ dân tham gia các hoạt động SFP - theo thôn.....                                                      | 10  |
| Bảng3.1.2 Tổng số các hộ tham gia các hoạt động SFP - theo hoạt động.....                                            | 11  |
| Bảng3.1.3 Số hoạt động đã thực hiện ở các thôn mô hình .....                                                         | 12  |
| Bảng3.1.4 Các hoạt động nông nghiệp được khởi đầu trong năm 2008 .....                                               | 12  |
| Bảng3.1.5 Tóm tắt các đợt tập huấn được tổ chức trong quá trình thực hiện dự án .....                                | 46  |
| Bảng3.2.1 Danh sách các khóa tập huấn về nâng cao năng lực .....                                                     | 50  |
| Bảng3.3.1 Danh sách các lớp đào tạo nâng cao năng lực tiếp thị .....                                                 | 52  |
| Bảng3.3.2 Nội dung đào tạo về marketing cho dân làng .....                                                           | 53  |
| Bảng3.4.1 Danh sách các khóa giáo dục ý thức về môi trường .....                                                     | 55  |
| Bảng3.5.1 Danh sách các hoạt động về CFM .....                                                                       | 55  |
| Bảng3.5.2 Chương trình chi tiết “Tập huấn cầm tay chỉ việc các kĩ năng lâm nghiệp về khai thác chọn ” .....          | 58  |
| Bảng3.5.3 Chương trình chi tiết “Tập huấn kỹ thuật lâm sinh trong phát triển lâm sản ngoài gỗ và làm giàu rừng”..... | 60  |
| Bảng3.5.4 Chương trình chi tiết “Hội nghị chuyên đề mở rộng về CFM ” .....                                           | 61  |
| Bảng3.6.1 Phương pháp theo dõi giám sát Dự án .....                                                                  | 65  |
| Bảng6.1.1 Trách nhiệm công việc của mỗi chuyên gia trong suốt quá trình công tác .....                               | 91  |
| Bảng6.2.1 Danh sách thiết bị .....                                                                                   | 95  |
| Bảng6.3.1 Ngân sách và thanh toán do phía Nhật bản cung cấp.....                                                     | 97  |
| Bảng9.3.1 Mức độ mở rộng từ các thôn mô hình sang các thôn khác .....                                                | 111 |
| Bảng9.4.1 Tính bền vững của các hoạt động được dân làng thực hiện và các hoạt động .....                             | 113 |
| Bảng9.4.2 Khảo sát tính khả thi của việc mở rộng các hoạt động theo đơn vị thôn và hoạt động.....                    | 114 |

## Các từ viết tắt

|             |                                         |
|-------------|-----------------------------------------|
| ADB:        | Ngân hàng phát triển châu á             |
| APO:        | Kế hoạch thực hiện hàng năm             |
| CAP:        | Lập kế hoạch hành động cộng đồng        |
| CBP:        | Kế hoạch xây dựng năng lực              |
| CDP:        | Kế hoạch phát triển xã                  |
| CFM:        | Quản lý rừng cộng đồng                  |
| CPC:        | Ủy ban nhân dân xã                      |
| Sở NN&PTNT: | Sở nông nghiệp và phát triển nông thôn  |
| CLN:        | Cục lâm nghiệp                          |
| Sở TN&MT:   | Sở tài nguyên và môi trường             |
| DPC:        | Ủy ban nhân dân huyện                   |
| Sở KH&ĐT:   | Sở kế hoạch và đầu tư                   |
| ED:         | Phòng kinh tế                           |
| EU:         | Cộng đồng Châu Âu                       |
| FPMB:       | Ban quản lý các dự án Lâm Nghiệp        |
| FPU:        | Đơn vị kiểm lâm                         |
| FSSP:       | Chương trình hỗ trợ lĩnh vực Lâm Nghiệp |
| JBIC:       | Ngân hàng hợp tác quốc tế Nhật Bản      |
| JCC:        | Ủy ban điều phối chung                  |
| JFY:        | Năm tài khoá Nhật Bản                   |
| JICA:       | Cơ quan hợp tác quốc tế Nhật Bản        |
| KfW:        | Kreditanstalt fuer Wiederauf            |
| LIP:        | Kế hoạch Phát Triển Sinh Kế             |
| Bộ NN&PTNT: | Bộ Nông Nghiệp & Phát Triển Nông Thôn   |
| M&E:        | Theo dõi & Đánh giá                     |
| M/M:        | Biên bản họp                            |
| Bộ KH&ĐT:   | Bộ Kế Hoạch & Đầu Tư                    |
| NGO:        | Tổ chức phi chính phủ                   |
| OJT:        | Tập huấn cầm tay chỉ việc               |
| UBND:       | UBND                                    |
| PDM:        | Biểu đồ dự án                           |
| PLA:        | Hành động và học có sự tham gia         |
| PO:         | Kế hoạch thực hiện                      |
| PPC:        | Ủy ban nhân dân tỉnh                    |
| PRA:        | Đánh giá nhanh nông thôn có sự tham gia |
| PTD:        | Phát triển kỹ thuật có sự tham gia      |
| R/D:        | Biên bản thảo luận                      |



|          |                                                                        |
|----------|------------------------------------------------------------------------|
| SFP:     | Kế hoạch canh tác bền vững                                             |
| CCLN:    | Chi cục Lâm Nghiệp                                                     |
| TOT:     | Tập huấn cho tập huấn viên                                             |
| RECOFTC: | Trung Tâm Tập Huấn Lâm Nghiệp Cộng Đồng Vùng Châu Á và Thái Bình Dương |
| VDB:     | Ban Phát Triển Thôn                                                    |
| VDP:     | Kế hoạch phát triển thôn                                               |
| VSP:     | Chương trình hỗ trợ dân làng                                           |
| WB:      | Ngân hàng thế giới                                                     |
| 5MHRP:   | Chương trình trồng mới 5 triệu ha rừng                                 |

## **Giới thiệu**

Báo cáo cuối kỳ nói rõ hơn về các hoạt động trong các năm của dự án “Hỗ trợ dân làng quản lý rừng bền vững tại Tây nguyên” (sau đây gọi là “Dự án”), thực hiện ở nước Cộng Hòa Xã Hội Chủ Nghĩa Việt Nam trong ba năm và ba tháng, kể từ tháng Sáu năm 2005, phù hợp với R/D và M/M mà Nhà Nước liên quan là Chính phủ Nước Cộng Hòa xã Hội chủ nghĩa Việt Nam và Văn phòng JICA Việt Nam đã thỏa thuận, ký và trao đổi vào tháng Tư năm 2005.

## **1. Bối cảnh của Dự án.**

### **1.1 Bối cảnh đề xuất**

Nằm ở phía Nam dãy Trường Sơn, Tây Nguyên là một khu vực quan trọng chiếm một trong những vùng có diện tích rừng tự nhiên rộng lớn nhất Việt Nam. Quản lý rừng bền vững có thể được coi là một vấn đề chính trị quan trọng ở Việt Nam. Tuy nhiên, do lâm trường có trách nhiệm quản lý rừng ở khu vực này thiếu kế hoạch hành động để quản lý rừng bền vững nên rất cần thiết phải xây dựng một kế hoạch quản lý rừng và thực hiện kế hoạch. Dựa trên thực tế này và theo yêu cầu của Chính phủ Việt Nam, một nghiên cứu phát triển (Nghiên cứu Tiền khả thi về Kế hoạch Quản lý Lâm nghiệp tại Tây Nguyên của Nước Cộng hoà Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam, từ đây trở đi gọi là Nghiên cứu Phát triển) đã được thực hiện ở tỉnh Kon Tum tại Tây Nguyên trong vòng hai năm một tháng, bắt đầu từ tháng 2-2000, nhằm đưa vào quản lý rừng bền vững tại đây. Theo Nghiên cứu Phát triển này, khu vực cho tác nghiệp lâm nghiệp được xác định từ khoảng 230,000 ha đất trong huyện Kon Plong cũ thuộc tỉnh Kon Tum, dựa trên phân tích kết quả khảo sát tài nguyên rừng, khảo sát tình hình kinh doanh của 6 Lâm trường, điều tra kinh tế-xã hội và điều tra đa dạng sinh học trong huyện. Quy hoạch quản lý rừng đã được lập, bao gồm không những qui hoạch về lâm sinh và khai thác mà còn gồm cả chương trình hỗ trợ người dân bản, bảo vệ động vật hoang dã và bảo tồn cũng như chương trình nâng cao năng lực thể chế. Ngoài ra, trong số 6 Lâm trường, một Lâm trường (Lâm trường Mang La) cũng đã được chọn và Nghiên cứu Phát triển đã được thực hiện với tư cách là khu vực mô hình.

Theo các đề xuất trong Nghiên cứu Phát triển, tỉnh Kon Tum đã nhận thấy các hoạt động du canh của người dân bản là yếu tố chủ yếu gây ra suy thoái rừng và do đó cần phải có biện pháp giảm thiểu bằng cách tăng cường các hoạt động sản xuất khác nhằm quản lý rừng một cách bền vững. Tuy nhiên, các cơ quan chính quyền ở tỉnh Kon Tum có ít kinh nghiệm hỗ trợ phát triển các hoạt động sản xuất có thể thay thế được du canh và còn thiếu nguồn lực kỹ thuật và nhân lực. Do đó, Chính phủ Việt Nam đã đề nghị được có một dự án hợp tác kỹ thuật đóng góp vào thiết lập cơ sở quản lý lâm nghiệp bền vững thông qua hỗ trợ các hoạt động sản xuất thay thế, tạo nguồn thu nhập để giảm thiểu du canh tại tỉnh Kon Tum. Đáp ứng yêu cầu này, Cơ quan Hợp tác Quốc tế Nhật Bản (JICA) đã cử hai chuyên gia ngắn hạn đến làm việc từ tháng 3 đến tháng 5 năm 2004 và đã chuẩn bị một kế hoạch dự thảo cơ sở cho một dự án dựa trên khảo sát hiện trường và trao đổi với các bên hữu quan Việt Nam. Sau khi có kết quả khảo sát của hai chuyên gia này, JICA đã cử một phái đoàn đánh giá khảo sát sang làm việc vào tháng 11 năm ngoái và cũng đã trao đổi về dự thảo kế hoạch cơ sở cho dự án. Sau đó JICA đã ký với Chính phủ Việt Nam một Bản Ghi nhớ (R/D) và đạt được thoả thuận về thực hiện dự án trong 3 năm 3 tháng bắt đầu từ tháng 6/2005.

### **1.2 Mục tiêu Dự án**

Mục tiêu của dự án là giới thiệu các phương thức sản xuất tiên bộ trong nông nghiệp, lâm nghiệp, chăn nuôi và cải thiện năng suất và hiệu quả của những hoạt động sản xuất hiện tại qua đó giảm sự phụ thuộc của người dân vào các hoạt động đốt rừng làm nương rẫy trong khu vực núi rừng Tây Nguyên, góp phần quản lý rừng bền vững. Ngoài ra, dự án đã chuẩn bị tiền đề cho việc nhân rộng đầu ra của dự

án thông qua các hoạt động tại các thôn mô hình. Chính phủ Việt Nam có thể triển khai các hoạt động để nhân rộng các mô hình thành công của dự án đến các khu vực khác sau khi dự án kết thúc.

“Mục tiêu dài hạn”, “Mục tiêu tổng thể”, “Mục đích dự án” và “Các đầu ra của dự án” được đề cập trong PDM như sau,

(1) Mục tiêu Dài hạn

Áp lực lên tài nguyên rừng do hoạt động du canh của người dân bản trong tỉnh Kon Tum được giảm thiểu.

(2) Mục tiêu Tổng thể

- 1) Các mô hình thành công ở năm thôn mô hình được nhân rộng ra các thôn khác trong hai huyện
- 2) Đời sống người dân bản ở hai huyện có 5 thôn mô hình được cải thiện

(3) Mục đích Dự án

Các hoạt động nông nghiệp, lâm nghiệp, chăn nuôi và nông-lâm nghiệp tại các thôn mô hình được cải thiện.

(4) Đầu ra

- 1) Kiến thức và kỹ năng của người dân bản về nông nghiệp, lâm nghiệp, chăn nuôi và nông-lâm nghiệp được cải thiện.
- 2) Năng lực cán bộ chính phủ trong thực hiện và quản lý các Dự án cải thiện sinh kế được nâng cao.
- 3) Năng lực của người dân bản về tiếp thị các sản phẩm nông nghiệp, lâm nghiệp, và chăn nuôi được nâng cao.
- 4) Kiến thức của người dân bản và cán bộ chính phủ về sử dụng rừng và đất bền vững được nâng cao.
- 5) Chuẩn bị để nhân rộng kết quả Dự án sang các vùng khác.

### 1.3 Phạm vi hoạt động của Dự án

Dự án sẽ được thực hiện trong ba năm ba tháng. Các hoạt động triển khai từng năm được trình bày sau đây:

Các công việc sau đây chủ yếu được triển khai trong năm đầu từ tháng 6 2005 đến tháng 3/ 2006,

- 1) Thu thập/ phân tích các tài liệu, thông tin hiện có, 2) Chuẩn bị Báo cáo khởi động, 3) Thảo luận về Dự án với các cơ quan hữu quan, 4) Tiến hành khảo sát dữ liệu cơ sở, 5) Chuẩn bị Chương trình hỗ trợ dân làng (Kế hoạch Cải thiện sinh kế và Kế hoạch Xây dựng năng lực), 6) Giám sát, chỉ đạo việc thực hiện hợp đồng phụ trong chương trình hỗ trợ dân làng,, 7) Tổ chức các Hội nghị Ủy Ban Điều Phối chung, 8) Chuẩn bị Báo cáo tiến độ.

Công việc sau đây chủ yếu được triển khai trong năm thứ hai từ tháng 4/ 2006 đến tháng 3/ 2007,

1) Thảo luận về Dự án với các tổ chức liên quan, 2) Thực hiện chương trình hỗ trợ dân làng, 3) Hướng dẫn và giám sát hợp đồng phụ thực hiện nghiên cứu thị trường, 4) Thực hiện giáo dục môi trường, 5) Thực hiện hoạt động truyền thông đại chúng, 6) Chuẩn bị báo cáo tiến độ.

Công việc sau đây chủ yếu được triển khai trong năm thứ ba bắt đầu từ tháng 4/ 2007 đến tháng 3/ 2008:

1) Thảo luận về Dự án với các tổ chức có liên quan, 2) Triển khai thực hiện chương trình hỗ trợ cho người dân, 3) Hỗ trợ tăng cường năng lực thị trường, 4) Thực hiện khoá tập huấn về giáo dục môi trường, 5) Triển khai các hoạt động tập huấn về Quản lý rừng cộng đồng, 6) Tổ chức hội thảo mở rộng đến các thôn bản khác, 7) Chuẩn bị bản kế hoạch sơ bộ về việc cải thiện sinh kế cho các thôn khác, 8) Giám sát và đánh giá, 9) Triển khai hoạt động PR, 10) Tổ chức hội nghị Ủy ban điều phối, 11) Chuẩn bị báo cáo tiến độ.

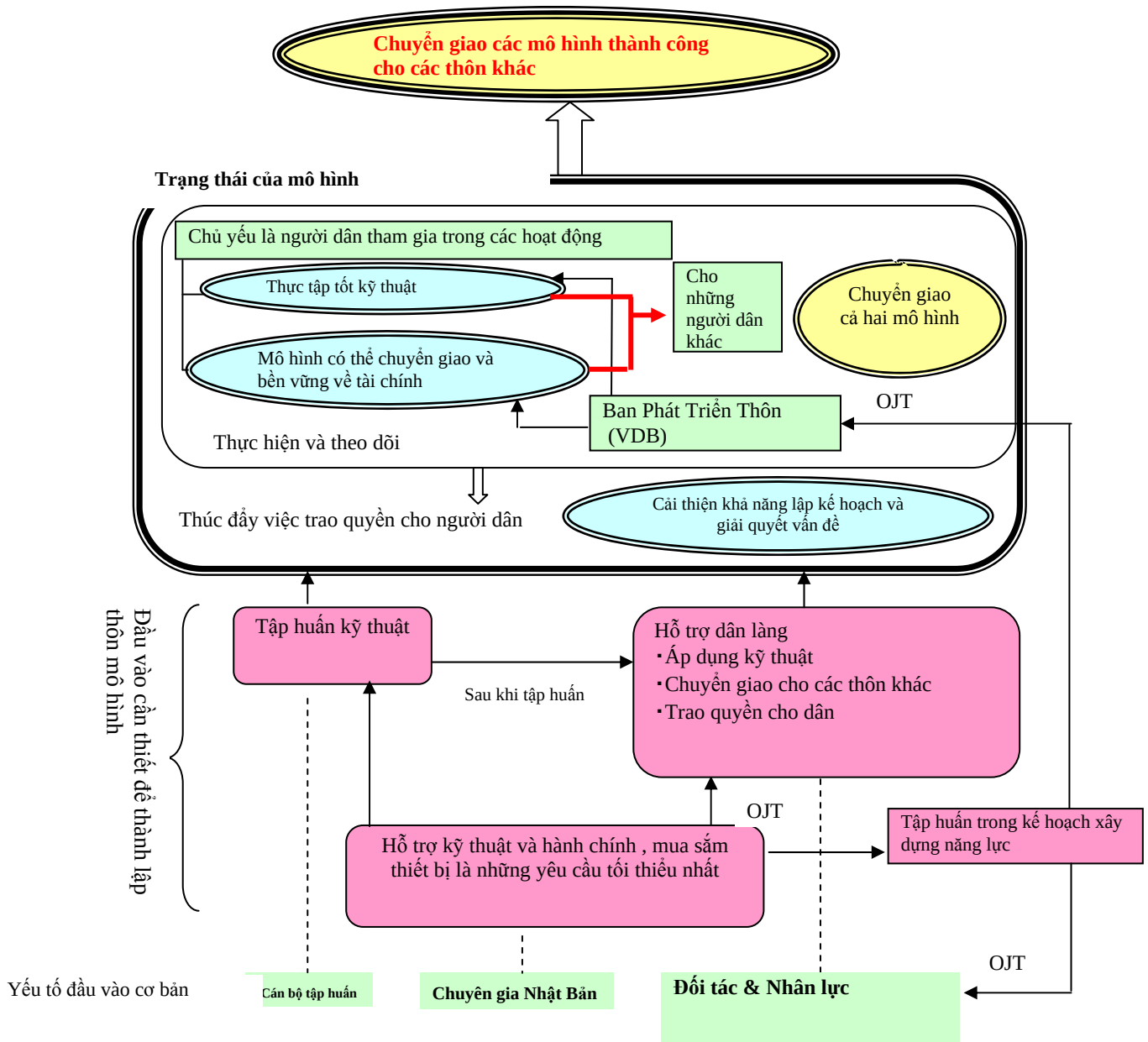
Các nội dung công việc sau đây chủ yếu được triển khai trong năm thứ tư, bắt đầu từ tháng 4/ 2008 đến tháng 9/ 2008,

1) Thảo luận về Dự án với các cơ quan hữu quan, 2) Thực hiện Chương trình Hỗ trợ Dân làng, 3) Hỗ trợ tăng cường năng lực tiếp cận thị trường, 4) Thực hiện tập huấn về Quản lý rừng cộng đồng, 5) Tổ chức các hội nghị chuyên đề mở rộng cho các làng khác, 6) Chuẩn bị bản thảo Kế hoạch Cải thiện sinh kế ở các làng khác, 7) Theo dõi, đánh giá, 8) Thực hiện các hoạt động PR, 9) Tổ chức Hội thảo cuối cùng kết hợp với cuộc họp Ủy ban điều phối chung , 10) Chuẩn bị Hướng dẫn mở rộng, 11) Chuẩn bị Báo cáo tổng kết và các kết quả khác của Dự án.

## 2. Phương pháp thực hiện.

### 2.1 Mô hình và đầu vào

Trong chương này, trước khi giải thích về phương pháp thực hiện cần nói đến việc thiết lập các thôn mô hình, khối lượng đầu vào để thiết lập các thôn mô hình và chuyển giao các mô hình cho các thôn khác. Thiết lập các thôn mô hình, đầu vào để xây dựng thôn mô hình và các thành phần thực thi hoạt động chủ yếu được mô tả trong hình 2.1.1.



Hình 2.1.1 Mô hình đầu vào

Các thôn mô hình cần đáp ứng các điều kiện sau:

- 1) Thiết bị và vật tư đầu vào để thực hiện các hoạt động là đầu tư ban đầu với số lượng chỉ ở mức tối cần, bền vững về tài chính, phương pháp thực hiện ngân hàng vật nuôi có thể chuyển giao được....và đầu tư ban đầu phải kết nối với phương pháp thực hiện.
- 2) Ban Phát triển thôn gồm có dân làng và cán bộ đại diện trong xã phải làm việc tốt để quản lý ngân hàng vật nuôi đồng thời theo dõi các hoạt động đề ra....
- 3) Thay vì tất cả các hộ gia đình trong thôn đều thực hiện các hoạt động như nhau, nên khuyến khích những hộ nào ham thích các hoạt động và thực hiện tốt các hoạt động tham gia vào việc tuyên truyền các thông tin cho các hộ khác trong thôn.
- 4) Thực hiện được các hoạt động đã được giới thiệu về nông nghiệp, lâm nghiệp, chăn nuôi và nông lâm kết hợp. Những hoạt động này sẽ góp phần làm tăng tính đa dạng và số lượng sản phẩm bán ra thị trường.
- 5) Các hoạt động đã được giới thiệu về nông nghiệp, lâm nghiệp, chăn nuôi và nông lâm kết hợp trở thành mô hình có hiệu quả trông thấy, và lan tỏa sang các hộ khác trong thôn mô hình chủ yếu bằng phương thức “khuyến nông giữa nông dân-nông dân”.
- 6) Dân làng quan tâm đến ý tưởng bền vững về sử dụng đất và rừng, đặt ra luật lệ để duy trì được môi trường rừng chung quanh thôn bản. Chấp thuận việc giao đất giao rừng dựa vào khung Quản lý rừng cộng đồng là điều kiện cơ bản cho việc này.
- 7) Thông qua thực hiện các hoạt động từ 1) đến 6), việc trao quyền cho dân làng sẽ được thúc đẩy, năng lực lập kế hoạch và giải quyết vấn đề cũng sẽ được cải thiện.
- 8) Tất cả các hoạt động ở trên, từ 1) đến 7) trở thành một khối và được nhìn nhận như một phương pháp để chuyển giao cho các thôn khác.

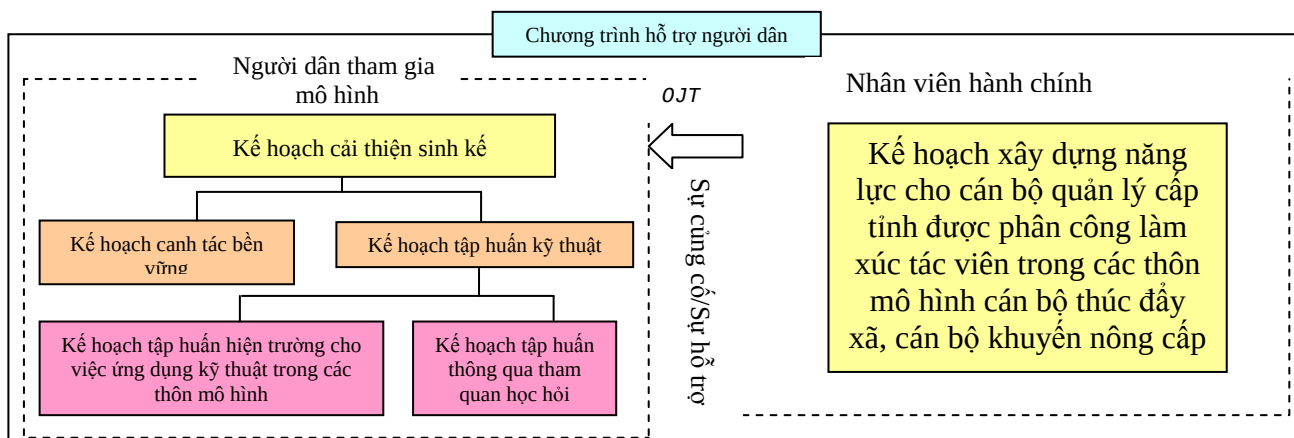
Để phát triển thôn mẫu và thiết lập hệ thống để chuyển giao cho các thôn khác, cần phải cung cấp đầu vào, chẳng hạn như: (1) tập huấn kỹ thuật, (2) thúc đẩy để nâng cao việc trao quyền cho dân làng, (3) các chuyên gia Nhật bản, (4) vật tư và thiết bị, và (5) tập huấn Kế hoạch xây dựng năng lực, chủ yếu cho cán bộ đối tác. Hơn thế nữa, để lập thành một khối nơi mà các nguồn lực nâng cao sinh kế kết nối với nhau để làm việc, các nguồn lực này phải thống nhất và hành động có hiệu quả. Do vậy, dự án đã nỗ lực để các đầu vào được cung cấp vào thời gian thích hợp nhất. Chính vì điều này, lập kế hoạch đầu vào cho các thiết bị và vật tư với số lượng đủ phải được thực hiện phù hợp với thời gian tập huấn kỹ thuật bằng phương thức OJT, kiên trì thúc đẩy dựa trên mối quan hệ tin tưởng lẫn nhau, kiến tạo được các kỹ năng để chuyển giao cho dân thôn qua các khóa tập huấn, và thúc đẩy việc chuyển giao một cách có hiệu quả các kỹ năng, các hoạt động đem lại hiệu quả trông thấy cho dân ở các thôn khác.

Hơn thế nữa, cần xác định rõ vai trò của các cá nhân để tránh sự trùng lặp khi cung cấp đầu vào. Dự án đã nỗ lực để nhận rõ được các đầu vào mang lại hiệu quả.

Dự án thực hiện chương trình hỗ trợ dân làng như đã đề cập trong chương 2.2 và thiết lập cơ chế quản lý và thực hiện dự án tốt hơn mô tả trong chương 8 nhằm thiết lập mô hình mục tiêu như đã đề cập ở trên

## 2.2 Cấu trúc của chương trình Hỗ trợ dân làng

Để thiết lập các mô hình được nói đến trong chương 2.1, dự án đã thực hiện chương trình hỗ trợ dân làng có cấu trúc mô tả trong hình. 2.2.1.



Hình 2.2.1 Sơ đồ của chương trình hỗ trợ dân làng

Trong kế hoạch xây dựng năng lực, nâng cao năng lực hành chính thông qua xây dựng năng lực thực tiễn đã được thực hiện để thúc đẩy việc cải thiện sinh kế cho dân làng. Bên cạnh đó, để tạo điều kiện cho cán bộ hành chính tham gia và thúc đẩy các hoạt động cải thiện sinh kế cho dân làng, khi thực hiện kế hoạch cải thiện sinh kế việc trao quyền cho dân bằng việc sử dụng phương pháp cùng tham gia đã được thúc đẩy qua OJT. Với những hoạt động như thế, mô hình thành công được thiết lập.

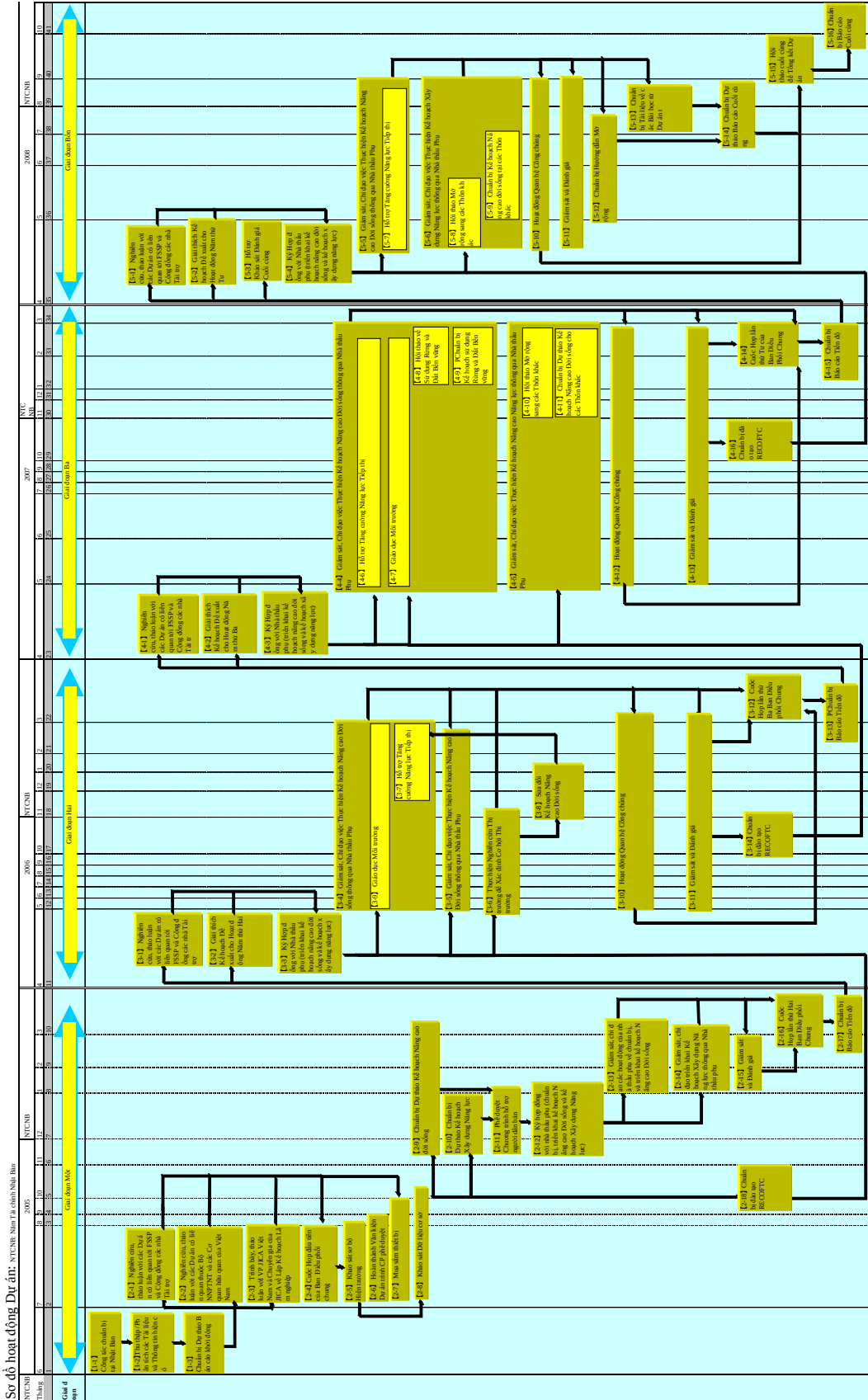
Kế hoạch cải thiện sinh kế ở các thôn mẫu gồm có (1) Kế hoạch canh tác bền vững cho dân (kế hoạch hành động về nông nghiệp, lâm nghiệp, chăn nuôi, thủy sản và nông-lâm-chăn thả kết hợp và (2) Kế hoạch tập huấn kỹ thuật. Kế hoạch tập huấn kỹ thuật bao gồm i) Kế hoạch tập huấn tại thực địa ở các thôn mô hình và ii) Tập huấn thông qua đi thăm các thôn tiên tiến và tham quan chéo giữa các thôn mô hình. Mặt khác, kế hoạch nâng cao năng lực cũng bao gồm việc nâng cao năng lực cho cán bộ cấp tỉnh phụ trách tại mỗi thôn mô hình (CF) để thúc đẩy kế hoạch cải thiện sinh kế, cán bộ khuyến nông cấp xã và cán bộ hành chính (chủ yếu chịu trách nhiệm phân tích và đánh giá) ở cấp tỉnh và cấp huyện.

## 2.3 Biểu đồ phát triển của các hoạt động

Các hoạt động đã được thực hiện với một ít thay đổi nhằm phù hợp với phương pháp thực hiện nói đến trong chương 3 Báo cáo Khởi động. Biểu đồ phát triển của các hoạt động trong suốt thời đoạn được dựa vào phương pháp thực hiện mô tả dưới đây, trong hình 2.3.1



Hình 2.3.1 Biểu đồ phát triển công việc/các hoạt động



### 3. Kết quả dự án

Dự án bắt đầu được thực hiện vào tháng 6/2005, tập trung vào chương trình hỗ trợ dân làng. Các hoạt động chính bao gồm: 1) Thực hiện kế hoạch cải thiện đời sống, gồm có kế hoạch canh tác bền vững và kế hoạch tập huấn kỹ thuật; 2) Thực hiện kế hoạch nâng cao năng lực; 3) Hỗ trợ để tăng cường khả năng tiếp thị; 4) Thực hiện khóa giáo dục về môi trường; 5) Thực hiện tập huấn quản lý rừng có sự tham gia của cộng đồng; 6) Theo dõi và giám sát dự án; 7) Đánh giá có sự tham gia của cộng đồng; 8) Các hội nghị chuyên đề mở rộng sang các thôn khác; 9) Chuẩn bị dự thảo kế hoạch cải thiện sinh kế cho dân các thôn khác; 10) Tập huấn RECOFTC; và 11) Họp ủy ban điều phối chung và hội thảo cuối cùng. Dưới đây là kết quả của từng hoạt động.

#### 3.1 Việc thực hiện kế hoạch cải thiện sinh kế tại mỗi thôn mô hình

Kế hoạch cải thiện sinh kế (LIP) bao gồm kế hoạch canh tác bền vững (SFP) và kế hoạch cải thiện đời sống (LIP) như đã trình bày ở mục 2.2. Các kế hoạch cải thiện sinh kế hàng năm đã được lập theo phương thức có sự tham gia của cộng đồng và theo hướng từ dưới lên với qui trình 1) tổ chức hội thảo; 2) tóm tắt các kết quả của hội thảo và lập kế hoạch ban đầu; 3) nghiên cứu tính khả thi dựa trên các kết quả và kế hoạch ban đầu; và 4) lập dự thảo kế hoạch cải thiện sinh kế.

Trong quá trình thực hiện LIP, những cơ chế sau đây đã được áp dụng để thiết lập được các mô hình thành công. Có thể thấy rằng các cơ chế này có hiệu quả về mặt quản lý dự án cũng như trong việc tạo ra/thúc đẩy tính chủ động và sự bền vững.

- i) Bổ nhiệm CF
- ii) Thiết lập Ban phát triển thôn
- iii) Giới thiệu Hệ thống ngân hàng vật nuôi
- iv) Giám sát dự án bằng việc tổ chức hội thảo/họp định kỳ
- v) Giới thiệu phương thức giám sát và đánh giá có sự tham gia của cộng đồng

Để biết thêm chi tiết về các cơ chế này, vui lòng tham khảo mục 8. Liên quan đến hệ thống ngân hàng vật nuôi, các qui định mới nhất của mỗi thôn mô hình được trình bày tại Phụ lục 2.

##### 3.1.1 Việc thực hiện kế hoạch canh tác bền vững

#### (1) Tiến trình tổng quát và các kết quả

Cho đến cuối tháng 7/2008, có 218 hộ (chiếm 73% tổng số hộ tại 5 thôn mô hình) đã tham gia vào các hoạt động canh tác bền vững và đã triển khai được 22 mô hình canh tác.

Tiến độ thực hiện các hoạt động canh tác trong 3 năm được tóm tắt ở bảng sau. Để biết thêm chi tiết, vui lòng tham khảo các danh sách đối tượng tham gia trong Phụ lục 1.

Năm 2008, tỉ lệ dân làng tham gia đạt đến 100% trong 2 thôn mô hình; thôn Vichiring ở xã Hiếu và thôn Tu Ro Bang xã Đăk Kôi. Trái lại, chỉ có 53% dân ở thôn Kon Tuc xã Đak Pne tham gia các hoạt động này - tỉ lệ thấp nhất trong 5 năm thôn mô hình. Trong năm 2007, tỉ lệ dân thôn này tham gia cũng ít nhất nhưng có tăng hơn, từ 40% (2007) lên 53% (2008). Ở thôn Nước Nốt xã Ngọc Tem tỉ lệ dân tham gia tăng khá cao từ 69% (2007) lên 83% (2008). Chỉ thôn Kon Ktau xã Pờ Ê là tỉ lệ dân tham gia không tăng mấy, chỉ nhỉnh lên một chút từ 63% (2007) lên 66% (2008).

Bảng 3.1.1 Số hộ dân tham gia các hoạt động SFP - theo thôn

|                    | Huyện Kon Plong |      |      |           |      |      |          |      |      | Huyện Kon Rẫy |      |      |          |      |      | Tổng cộng |      |      |
|--------------------|-----------------|------|------|-----------|------|------|----------|------|------|---------------|------|------|----------|------|------|-----------|------|------|
|                    | Pờ Ê            |      |      | Hiếu      |      |      | Ngọc Tem |      |      | Đăk Pnê       |      |      | Đăk Kôi  |      |      |           |      |      |
|                    | Kon Ktau        |      |      | Vichiring |      |      | Nước Nốt |      |      | Kon Túc       |      |      | TuRoBang |      |      |           |      |      |
| Năm                | 2006            | 2007 | 2008 | 2006      | 2007 | 2008 | 2006     | 2007 | 2008 | 2006          | 2007 | 2008 | 2006     | 2007 | 2008 | 2006      | 2007 | 2008 |
| Số hộ dân tham gia | 17              | 40   | 42   | 7         | 22   | 32   | 13       | 54   | 65   | 17            | 38   | 50   | 7        | 27   | 29   | 61        | 181  | 218  |
| Tỉ lệ tham gia (%) | 27              | 63   | 66   | 22        | 69   | 100  | 17       | 69   | 83   | 18            | 40   | 53   | 24       | 93   | 100  | 21        | 61   | 73   |
| Tổng số hộ dân     | 64              |      |      | 32        |      |      | 78       |      |      | 94            |      |      | 29       |      |      | 297       |      |      |

Ghi chú:

- Các con số trong năm 2008 là số các hộ dân đang tham gia tính đến cuối tháng 7/2008
- Một vài con số năm 2006 và 2007 không bằng các con số được trình bày trong Báo cáo tiến độ (2) hay (3) vì có chỉnh sửa.

Tổng số các hộ dân tham gia tăng lên rất cao vào năm 2007 - từ 61 hộ (2006) lên 181 hộ (2007). Năm 2008, có 37 hộ mới bắt đầu các hoạt động và tổng số các hộ tham gia là 218 hộ. Chi tiết về số các hộ dân tăng thêm trong năm 2008 được trình bày dưới đây.

|                             |                                                                                                                                            |
|-----------------------------|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
| Thôn Kon Ktau , xã Pờ Ê     | Chỉ tăng thêm 2 hộ - từ 40 đến 42. Trong năm 2007 có 24 hộ không tham gia nhưng số hộ này tăng lên không nhiều.                            |
| Thôn Vichiring , xã Hiếu    | Tăng đáng kể từ 22 đến 32 hộ, đạt tỉ lệ 100%. Cụ thể là tăng trong các hoạt động như trồng tre, trồng cây ăn quả, nuôi cá và nuôi trâu bò. |
| Thôn Nước Nốt, Xã Ngọc Tem  | Tăng đáng kể từ 54 đến 65 hộ. Chủ yếu tăng ở các hoạt động trồng cây ăn quả và làm vườn nhà.                                               |
| Thôn Kon Tuc Xã Đăk Pne     | Tăng đáng kể từ 38 đến 50 hộ. Chủ yếu là tăng trong hoạt động trồng bời lời.                                                               |
| Thôn Tu Ro Bang, xã Đăk Kôi | Năm 2007 có 27 trong tổng số 29 hộ tham gia các hoạt động, và năm 2008 đạt tỉ lệ tham gia 100%.                                            |

Bảng 3.1.2 Tổng số các hộ tham gia các hoạt động SFP - theo hoạt động

| Hoạt động                     | Huyện Kon Plong |      |      |           |      |      |          |      |      |      | Huyện Kon Rẫy |      |      |          |      |      |      |      |    |     | Tổng cộng |  |  |  |
|-------------------------------|-----------------|------|------|-----------|------|------|----------|------|------|------|---------------|------|------|----------|------|------|------|------|----|-----|-----------|--|--|--|
|                               | Pờ Ê            |      |      | Hiế u     |      |      | Ngọc Tem |      |      |      | Đăk Pnê       |      |      | Đăk Kôi  |      |      |      |      |    |     |           |  |  |  |
|                               | Kon Ktau        |      |      | Vichiring |      |      | Nước Nốt |      |      |      | Kon Túc       |      |      | TuRoBang |      |      |      |      |    |     |           |  |  |  |
|                               | 2006            | 2007 | 2008 | 2006      | 2007 | 2008 | 2006     | 2007 | 2008 | 2006 | 2007          | 2008 | 2006 | 2007     | 2008 | 2006 | 2007 | 2008 |    |     |           |  |  |  |
| As at                         | 10              | 34   | 34   | 1         | 1    | 12   |          |      |      | 1    | 1             | 2    | 3    | 5        | 15   | 1    | 3    | 10   | 15 | 44  | 73        |  |  |  |
| 1. Lâm phần ủ                 | 4               | 4    | 5    | 1         | 2    | 2    |          |      |      | 3    | 7             | 7    |      | 15       | 18   | 2    | 18   | 18   | 10 | 46  | 50        |  |  |  |
| 2. Nuôi gia súc *1            | 5               | 5    | 7    |           | 3    | 6    |          |      |      |      |               |      |      |          |      |      |      |      | 5  | 8   | 13        |  |  |  |
| 3. Nuôi trâu bò               | 2               | 2    | 2    | 3         | 3    | 3    |          |      |      | 5    | 7             | 7    | 5    | 5        | 5    | 3    | 7    | 7    | 18 | 24  | 24        |  |  |  |
| 4. Nuôi heo nái               |                 | 1    | 1    |           | 1    | 1    |          |      |      |      | 1             | 1    |      | 1        | 1    |      | 1    | 1    | 0  | 5   | 5         |  |  |  |
| 5. Nuôi heo thịt              |                 | 3    | 4    |           | 0    | 0    |          |      |      |      | 8             | 10   |      | 0        | 4    |      | 5    | 5    | 0  | 16  | 23        |  |  |  |
| 6. Nuôi heo lai F1            |                 |      |      |           |      |      |          |      |      |      | 6             | 6    | 3    | 5        | 5    |      |      | 2    | 3  | 11  | 13        |  |  |  |
| 7. Nuôi dê                    |                 |      |      |           |      |      |          |      |      |      | 3             | 6    |      | 3        | 3    |      |      | 1    | 0  | 6   | 10        |  |  |  |
| 8. Nuôi thỏ                   |                 |      |      |           |      |      |          |      |      |      |               |      |      |          |      |      |      |      |    |     |           |  |  |  |
| 9. Nuôi vịt                   |                 | 27   | 27   |           | 12   | 12   |          |      |      |      | 42            | 42   |      | 28       | 28   |      | 18   | 18   | 0  | 127 | 127       |  |  |  |
| 10. Nuôi cá                   |                 | 4    | 11   | 2         | 6    | 15   |          |      |      |      | 23            | 27   | 4    | 8        | 13   | 2    | 8    | 9    | 8  | 49  | 75        |  |  |  |
| 11. Canh tác trên đất dốc     | 1               | 2    | 5    | 1         | 1    | 1    |          |      |      |      | 2             | 2    | 4    | 5        | 5    |      | 1    | 1    | 6  | 11  | 14        |  |  |  |
| 12. Trồng 2 vụ lúa            | 2               | 2    | 2    |           |      |      |          |      |      |      |               |      |      |          |      |      |      |      | 2  | 2   | 2         |  |  |  |
| 13. Dùng phân ủ/ phân hóa học |                 |      |      |           |      |      |          |      |      |      |               |      |      |          |      |      | 10   | 10   | 0  | 10  | 10        |  |  |  |
| 14. Trồng cây keo             |                 |      |      |           |      |      |          |      |      | 7    | 42            | 42   |      |          |      |      |      |      | 7  | 42  | 42        |  |  |  |
| 15. Trồng cau                 |                 |      |      |           |      |      |          |      |      |      | 45            | 45   |      |          |      |      |      |      | 0  | 45  | 45        |  |  |  |
| 16. Trồng cây Bời lời         |                 |      |      |           |      |      |          |      |      |      |               |      |      |          |      |      | 11   | 18   | 0  | 35  | 59        |  |  |  |
| 17. Trồng cây ăn quả          |                 | 8    | 20   |           | 10   | 19   |          |      |      |      | 16            | 30   |      |          | 28   |      | 10   | 18   | 0  | 62  | 115       |  |  |  |
| 18. Trồng tre                 |                 | 4    | 9    |           | 2    | 32   |          |      |      |      | 9             | 9    |      |          |      |      | 7    | 7    | 0  | 22  | 57        |  |  |  |
| 19. Trồng cây quế             |                 |      |      |           |      |      |          |      |      |      |               |      |      |          |      |      | 1    | 5    | 0  | 1   | 5         |  |  |  |
| 20. Làm rau vườn nhà          |                 | 6    | 9    |           | 1    | 16   |          |      |      |      | 9             | 47   | 12   | 13       | 16   |      | 10   | 16   | 12 | 39  | 104       |  |  |  |
| 21. Trồng cà phê              |                 |      |      |           |      | 4    |          |      |      |      |               |      |      |          |      |      |      |      | 0  | 0   | 4         |  |  |  |
| 22. Nuôi ong địa phương       |                 |      |      |           |      | 4    |          |      |      |      |               | 8    |      |          |      |      |      |      | 0  | 0   | 12        |  |  |  |
| Total of 1-22                 | 24              | 102  | 136  | 8         | 42   | 127  | 15       | 221  | 291  | 291  | 15            | 221  | 31   | 130      | 182  | 8    | 110  | 146  | 86 | 605 | 882       |  |  |  |
| Ngừng hoạt động               | 10              | 28   | 28   | 1         | 5    | 5    | 1        | 30   | 31   | 31   | 1             | 30   | 6    | 30       | 31   | 1    | 30   | 30   | 19 | 123 | 125       |  |  |  |
| Đang/Tiếp tục hoạt động       | 14              | 74   | 108  | 7         | 37   | 122  | 14       | 191  | 260  | 260  | 14            | 191  | 25   | 100      | 151  | 7    | 80   | 116  | 67 | 482 | 757       |  |  |  |

1. Các con số này chỉ đơn thuần là tổng số các hộ dân bắt đầu các hoạt động tại mỗi năm mà chưa trừ ra số các hộ ngừng hoạt động.

2. Vì các hộ tham gia nhiều hoạt động, nên con số tổng vượt quá tổng số hộ tại mỗi thôn mô hình.

\*1 Gồm các đối tượng tham gia nuôi bò (hệ thống ngân hàng vật nuôi), nuôi trâu và chỉ làm chuồng.

Như đã trình bày trong bảng 3.1.2, tổng số các hộ tham gia các hoạt động SFP trong 5 thôn mô hình tăng từ 86 (2006) lên 605 (2007); và đến 882 (2008). Thôn Nước Nót đạt được con số cao nhất trong năm 2007 và 2008 (221 năm 2007 và 291 năm 2008). Thôn Vichiring năm 2008 có số hộ tham gia ít nhất trong số các thôn mô hình (127 hộ) nhưng đã tăng nhiều trong năm 2008 (chỉ có 42 hộ năm 2007, 127 hộ năm 2008). Tính đến cuối tháng 7/2008 có tổng số 757 hộ đang/tiếp tục tham gia các hoạt động; trong đó thôn Nước Nót có nhiều hộ nhất (260) và thôn Kon Ktau ít nhất (108).

Xem bảng 3.1.2 ta thấy có 22 loại hình hoạt động canh tác được thực hiện trong dự án và số lượng các loại hình hoạt động tại mỗi thôn mô hình. Trong năm 2006, con số khởi điểm chỉ nằm trong khoảng 3-6 loại hình, đến năm 2007 nhiều hoạt động mới đã được đưa vào tất cả các thôn mô hình và con số này đã tăng lên khoảng 11-15 loại hình. Trừ thôn Kon Ktau, các thôn khác có thêm được 1-2 loại hình vào năm 2008 vì dự án đang trong giai đoạn kết thúc. Năm 2008 các loại hình hoạt động ở thôn Kon Ktau có giảm đi vì việc thử nghiệm trồng 2 vụ lúa đã kết thúc vào năm 2007. Chỉ có 2 loại hoạt động canh tác (trồng cà phê và nuôi ong địa phương) mới được bắt đầu vào năm 2008. Cuối cùng, năm 2008 đã có khoảng 12-16 loại hình hoạt động được thực hiện.

Bảng 3.1.3 Số hoạt động đã thực hiện ở các thôn mô hình

|                            | Huyện Kon Plong |      |      |           |      |      |          |      |      | Huyện Kon Rẫy |      |      |          |      |      |
|----------------------------|-----------------|------|------|-----------|------|------|----------|------|------|---------------|------|------|----------|------|------|
|                            | Pờ Ê            |      |      | Hiếu      |      |      | Ngọc Tem |      |      | Đăk Pnê       |      |      | Đăk Kôi  |      |      |
|                            | Kon Ktau        |      |      | Vichiring |      |      | Nước Nót |      |      | Kon Túc       |      |      | TuRoBang |      |      |
| Năm                        | 2006            | 2007 | 2008 | 2006      | 2007 | 2008 | 2006     | 2007 | 2008 | 2006          | 2007 | 2008 | 2006     | 2007 | 2008 |
| Số các loại hình hoạt động | 6               | 13   | 12   | 5         | 11   | 13   | 3        | 15   | 16   | 6             | 12   | 13   | 4        | 14   | 16   |

## (2) Tiến độ hoạt động ở các thôn/ làng trong năm 2008

Đối với các hoạt động nông nghiệp đã tiến hành từ những năm 2006 hoặc 2007, nếu không có sự tiến bộ hoặc chuyển biến/ thay đổi nổi bật được diễn ra trong năm 2008 thì báo cáo này sẽ không đề cập đến nữa. Nếu muốn biết thêm về tiến độ của các hoạt động nông nghiệp của năm 2006 và 2007, đề nghị đọc Báo cáo Tiến độ (2) và Báo cáo Tiến độ (3).

Bảng sau đây cho thấy các hoạt động được khởi đầu trong năm 2008 tại mỗi thôn mô.

Bảng 3.1.4 Các hoạt động nông nghiệp được khởi đầu trong năm 2008

|                                                        | Pờ Ê     | Hiếu      | Ngọc Tem | Đăk Pnê | Đăk Koi  |
|--------------------------------------------------------|----------|-----------|----------|---------|----------|
|                                                        | Kon Ktau | Vichiring | Nuoc Not | Kon Tuc | TuRoBang |
| Trồng cà phê                                           |          | X         |          |         |          |
| Nuôi ong địa phương                                    |          | X         | X        |         |          |
| Nuôi trâu bò (bò đực)                                  | X        |           |          |         |          |
| Nuôi trâu bò (bò cái)<br>(Hệ thống Ngân hàng Vật nuôi) |          |           |          | X       |          |
| Nuôi lợn lai F1                                        |          |           |          | X       |          |
| Nuôi dê                                                |          |           |          |         | X        |
| Nuôi thỏ                                               |          |           |          |         | X        |
| Trồng rau gia đình                                     |          |           |          |         |          |
| Trồng gừng                                             | X *      | X         | X        | X       | ---      |
| Trồng su su                                            | ---      | X         | X        | X       | ---      |

\* Ở Pờ Ê, gừng được trồng trên đất dốc, chứ không trồng trong vườn nhà.

## 1) Thôn Kon K Tau, xã Pơ Ê

### Các hoạt động nông nghiệp mới khởi đầu trong năm 2008

Sau đây là một hoạt động mới khởi đầu trong năm 2008.

|                       | Hộ tham gia | Tháng bắt đầu nuôi | Số hộ chấm dứt không tiếp tục hoạt động |
|-----------------------|-------------|--------------------|-----------------------------------------|
| Nuôi trâu bò (bò đực) | 1           | Tháng 4            | 0                                       |

#### Nuôi trâu

Con bò đực nhà nước cấp bị chết năm 2007 nên trong làng không còn bò đực để phối giống nữa. Các thành viên tham gia hoạt động nuôi bò cái cố gắng tìm biện pháp giải quyết bằng cách mượn thôn 1, một thôn láng giềng, một con bò đực, nhưng biện pháp này thất bại (con bò đực đó khi thả cho ăn cỏ trong tháng 6 năm 2007 đã chạy trốn về làng cũ). Do trường hợp này xảy ra và do các thành viên nhóm nuôi bò cái có yêu cầu nên Dự án đã quyết định mua một con đem về giao tại địa phương trong tháng 3. Con bò đực này hoạt động rất tốt, giao phối thành công. Cả ba con bò cái của Dự án đều có chửa.

### Tiếp tục các hoạt động đã được khởi động trong năm 2006 và 2007

Có sáu (6) hoạt động khởi đầu trong năm 2006 và bảy (7) hoạt động trong năm 2007. Sau đây là bảng tổng hợp sự thay đổi về số lượng hộ gia đình tham gia mười ba (13) hoạt động này.

|                           | Hộ bắt đầu năm 2006 | Hộ bắt đầu năm 2007 | Hộ bắt đầu năm 2008 | Hộ chấm dứt tham gia hoạt động | Hộ bắt đầu tham gia trong tháng 8 năm 2008 |
|---------------------------|---------------------|---------------------|---------------------|--------------------------------|--------------------------------------------|
| Nuôi lợn nái              | 2                   | 0                   | 0                   | 0                              | 2                                          |
| Nuôi bò cái               | 4                   | 0                   | 0                   | 1                              | 3                                          |
| Nuôi trâu                 | 5                   | 0                   | 2                   | 3                              | 4                                          |
| Ủ phân trộn               | 10                  | 24                  | 0 *1                | 6                              | 28                                         |
| Nông lâm đất dốc          | 1                   | 1                   | 3                   | 0                              | 5                                          |
| Thí điểm trồng lúa hai vụ | 2                   | 0                   | 0                   | 2                              | 0                                          |
| Nuôi lợn đực              |                     | 1                   | 1                   | 0                              | 1                                          |
| Nuôi lợn lai F1           |                     | 3                   | 1                   | 0                              | 4                                          |
| Nuôi vịt                  |                     | 27                  | 0                   | 10                             | 17                                         |
| Nuôi cá                   |                     | 4                   | 7                   | 0                              | 11                                         |
| Trồng rau vườn nhà        |                     | 6                   | 3                   | 6                              | 3 *2                                       |
| Trồng cây ăn trái         |                     | 8                   | 12                  | 0                              | 20                                         |
| Trồng tre                 |                     | 4                   | 5                   | 0                              | 9                                          |

Các hộ gia đình ngừng không tham gia hoạt động: Các gia đình bị chết vật nuôi, cây trồng trước kết thúc tháng 7/ 2008.

\*1 Vào cuối tháng 7, một số dân bản đã bắt đầu thu gom phân chuồng. Nhưng trên thực tế việc làm phân chuồng thực sự lúc này chưa bắt đầu, cho nên số lượng hoạt động này được tính là số không (0). Hoạt động làm phân chuồng bắt đầu vào tháng 9, tháng 10.

\*2 Vào cuối tháng 7, miếng đất vườn nhà đang có bắp, thuốc lá, bí. Số lượng người tham gia hoạt động có thể tăng lên sau khi đã thu hoạch số hoa màu, cây trồng hiện tại đang có trên miếng vườn.

### Nuôi trâu bò (bò cái)

Hoạt động nuôi bò cái khởi đầu vào năm 2006 với 4 hộ gia đình và 4 con bò cái. Nhưng một con bò đã bị chết tháng 12 năm 2007. đến nay số con bò chưa tăng lên cho nên việc xoay vòng chưa thể thực hiện được. Hiện nay 3 con bò cái còn lại đang chữa.

Vào mùa lạnh và mùa mưa cuối năm 2007 và đầu năm 2008 vừa qua đám cỏ voi trồng cắt cho gia súc ăn bị hư hại, giảm năng suất. Kế hoạch trồng lại sẽ diễn ra trong tháng 8.



Tháng 4 2008

### Chăn nuôi trâu

Năm 2006 đã khởi đầu hoạt động chăn nuôi trâu có 5 hộ tham gia với 5 con trâu cái, hai con đã chết. Một con chết tháng 10 năm 2007 và một con khác lại chết vào tháng 1 năm 2008. Chẳng may, đến nay các con trâu cái này chưa đẻ con nào cả.

Một trong thành viên nuôi trâu cái đã rút lui trong tháng 01 năm 2008, con trâu của bà đã chuyển giao cho một số thành viên mới (hai hộ kết hợp nuôi).

### Nuôi lợn cái

Hai con lợn nái đẻ tổng cộng 13 con (lứa đẻ đầu tiên) vào tháng 9 năm 2007, 6 con lợn con được giao cho Ban phát triển thôn, còn 6 con được giữ lại cho thành viên nuôi. Bởi lẽ số người nuôi lợn cái thiếu thức ăn cho lợn, nhất là tinh bột, sau khi đẻ con, tình trạng thiếu thức ăn cho lợn lại càng trầm trọng hơn. Hai con lợn nái bị gầy đi và tiếp tục gầy còm trong một thời gian dài. Vì vậy, Dự án buộc phải đề nghị họ bán con lợn con đi. Tháng 3 năm 2008 một con nái chết, con nái còn lại tới nay vẫn chưa thụ tinh được.



Lợn nái gầy và các con lợn con (tháng 3 năm 2008)

Để tiếp tục duy trì hệ thống ngân hàng vật nuôi, tháng 8 năm 2008, Dự án phải hỗ trợ cung cấp tiếp một con nái để thay cho con bị chết.

Tương tự như năm 2007, trong tháng 3 và tháng 5, Dự án hỗ trợ sản xuất thức ăn vật nuôi bằng cách cung cấp giống bắp và dây lang.

#### Nuôi lợn lai F1

Năm 2008 có hai hộ mới đăng ký tham gia hoạt động. Dự án hỗ trợ họ làm chuồng lợn bằng cách cấp cho họ vật liệu làm chuồng (tấm đan xi măng và tấm tôn lợp mái). Tới cuối tháng 7 chỉ có một hộ đã đăng ký thực sự làm xong cái chuồng.

Bởi vì tới nay lợn nái dự án vẫn chưa chữa, nên tháng 7 năm 2008 gia đình đã làm xong chuồng quyết định tự mua lợn con trong làng đem về nuôi. Hiện nay Dự án đã giúp hộ này tìm mua con lợn nái địa phương.

Để giúp cho họ tăng cường việc sản xuất thức ăn cho gia súc, Dự án đã cấp giống bắp trước cho các thành viên đã đăng ký.

#### Nuôi lợn đực

Lợn đực bắt đầu nuôi vào tháng 9 năm 2007 và đã cho phối với lợn nái của Dự án nhưng đến nay vẫn chưa có kết quả.

#### Nuôi vịt

Có 27 hộ gia đình khởi đầu hoạt động nuôi vịt vào tháng Tư năm 2007 với tổng số 94 con vịt; hầu như mỗi gia đình được 3 con (2 con mái + 1 một con đực). Vào cuối tháng 7 năm 2008, cả 17 hộ vẫn tiếp tục tham gia và đã có 58 con vịt con.

#### Nuôi cá

Vào năm 2008, 4 ao cá mới được đào và hoạt động do 7 hộ thực hiện trong tháng 5. Cuối tháng 7 năm 2008 tổng cộng trong thôn có 11 hộ tham gia hoạt động nuôi cá.

Trong bốn ao cá, có hai ao là do một số hộ đào và quản lý chung. Dự án cấp cho họ ống PVC, tháng 1 hướng dẫn tại chỗ cho họ về cách đào ao cá và đến tháng 4 thì công việc chuẩn bị đất hoàn thiện. Căn cứ vào loại giống cá, một số cá con nhất định đã được thả ao vào tháng 5 năm 2008.

Loại cá và số lượng cá con đã được thả ao :

|   |                                 | Rô phi | Cá chép | Cá trắm cỏ | Tổng cộng |
|---|---------------------------------|--------|---------|------------|-----------|
| 1 | A Bong                          | 200    | 25      | 25         | 250       |
| 2 | Ao nhóm (Y Thiet, A Te, A Thao) | 600    | 75      | 75         | 750       |
| 3 | Ao nhóm (A Ret, A Ru)           | 400    | 50      | 50         | 500       |
| 4 | A Thiem                         | 200    | 25      | 25         | 250       |
|   | Tổng cộng                       | 1,400  | 175     | 175        | 1,750     |

Nuôi cá là nhằm tiêu thụ trong gia đình nên số lượng cá con được thả ao hạn chế ở mức 250 con mỗi hộ.





3 ao mới (A Bong, ao nhóm) (H. trên: tháng 3, H. dưới: tháng 7)

### Làm phân trộn

Hoạt động làm phân trộn đã trở thành hoạt động vụ mùa ở làng. 34 hộ (28 đã tham gia từ năm 2006 hoặc 2007, và 6 hộ mới đăng ký tham gia) đang có kế hoạch làm phân trộn trong năm này. Công việc thật sự sẽ bắt đầu từ tháng 9, tháng 10.



Gửi phân trộn đến ruộng (tháng 4 2008)

### Kết hợp nông lâm đất dốc

Có 3 hộ mới tham gia hoạt động này trong năm 2008. Các loại cây trồng tại mỗi địa điểm là như sau:

|                  | Ước tính dt đất dốc                                   | Loại hoa màu                             | Cỏ trồng dọc rào |     |
|------------------|-------------------------------------------------------|------------------------------------------|------------------|-----|
| A Mon (Y Min)    | 3000 m <sup>2</sup>                                   | Mì (giống lai), bắp (giống lai),<br>Gừng | Cốt khí          |     |
| A Thong          | 1300 m <sup>2</sup> + 600 m <sup>2</sup> (2 địa điểm) |                                          |                  |     |
| A Truyen (Y Can) | 5000 m <sup>2</sup>                                   |                                          |                  | Mới |
| A Say            | 1500 m <sup>2</sup>                                   |                                          |                  | Mới |
| A San (Y Mai)    | 700 m <sup>2</sup>                                    |                                          |                  | Mới |

Gieo trồng trong tháng 4 và tháng 5. Dự án hỗ trợ giống cây trồng (hom mì, hạt ngô, hạt cỏ Cốt khí, củ gừng) và vôi, phân bón để trồng gừng.



Trồng gừng (bên trái: CF đang hướng dẫn trong tháng 3, bên phải: Chuẩn bị đất vào tháng 4, tháng 5)



Mì + cỏ Cốt khí (H. bên trái: tháng 5, H. bên phải: tháng 7)

### Trồng rau vườn nhà

Việc trồng rau có thể phải dừng lại vào tháng 11 năm 2007 do thời tiết quá lạnh. Hiện nay mới có 3 hộ đã bắt đầu trở lại trồng rau. Nhiều miếng đất vườn nhà đang có bắp, cây thuốc lá và bí. Có thể một số hộ đã tham gia trước đây sẽ bắt đầu trở lại trồng rau khi hoa màu hiện nay đang còn đã thu hoạch xong.

### Trồng cây ăn quả

Năm 2008 có 12 hộ mới tham gia hoạt động này. Có ba loại cây ăn quả với tất cả 144 cây con đã được trồng vào cuối tháng 7; hầu hết trồng gần nhà.

Loại cây và số lượng cây ăn quả đã trồng và sống sót

|                               | Cam | Quít | Bưởi | Ổi | Tổng cộng |
|-------------------------------|-----|------|------|----|-----------|
| Trồng năm 2007:               |     |      |      |    |           |
| Lượng cây con cấp/trồng       | 24  | 22   | 24   | 22 | 92        |
| Cây sống tới táng 1 năm 2008  | 22  | 22   | 21   | 21 | 86        |
| Cây sống tới tháng 7 năm 2008 | 22  | 22   | 20   | 17 | 81        |
| Cây trồng năm 2008:           |     |      |      |    |           |
| Cây con cấp/ trồng            | 48  | ---  | 48   | 48 | 144       |

### Trồng tre

Trong năm 2007, tre giống “Bat Do” (*Dendrocalamus latiflorus*) đã được trồng, nhưng nhiều cây con không mọc rễ. Trong năm nay, tre giống “Mao Truc” (*Phyllostachys pubescens*) giống tre sản xuất ở Hà Nội đã được trồng. Có 6 hộ trồng 100 cây trong tháng 7.

## **2) Làng Vichiring, xã Hiếu**

### **Một số hoạt động mới về nông nghiệp được khởi đầu năm 2008**

Hai hoạt động sau đây đã được khởi đầu trong năm 2008.

|                     | S. hộ tham gia | Tháng khởi đầu<br>(Tháng bắt đầu canh tác, chăn nuôi) | Số hộ ngừng hoạt động |
|---------------------|----------------|-------------------------------------------------------|-----------------------|
| Trồng cà phê        | 4              | (tháng 8) *                                           | 0                     |
| Nuôi ong địa phương | 4              | Tháng 5                                               | 0                     |

\* Cây con chưa trồng.

### Trồng cà phê

Trong tháng 3 đã mua 2,500 cây con ương ở Buôn Me Thuật cho 5 người đăng ký tham gia (mỗi người 500 cây). Các cây con được giữ trong vườn mẫu trong khu vực UBND xã cho đến lúc trồng. Một người đã đăng ký nhưng bỏ, còn lại 4 người hoàn thành công việc chuẩn bị đào hố trong tháng 7. Đối với miếng đất dốc, các cây con sẽ được trồng theo đường đồng mức. Chờ khi mưa đủ sẽ tiến hành trồng ; có thể là trong tháng 8.



Cây con trong khu UBND xã



Đám đất đã chuẩn bị hồ trồng (tháng 7 năm 2008)

### Nuôi ong địa phương

Theo yêu cầu của thành viên Ban Phát triển thôn về việc thí điểm nuôi ong, Dự án quyết định thí điểm nuôi ong địa phương (ong mật Châu Á).

So với ong mật Châu Âu, thì ong mật Châu Á hút mật ít hơn và thường hay bỏ tổ, nhưng chúng lại có những thuận lợi tự nhiên mà ong Châu Âu không có được; như không bị bệnh fowlbrood (hư ấu trùng) và bệnh chalkbrood, có sức mạnh để chống lại sự tấn công của mối varroa và ong bắp cày. Với những ưu điểm này nuôi ong mật Châu Á không cần phải dùng nhiều thuốc, kỹ thuật cao và chăm sóc kỹ lưỡng. Ngoài ra, một số làng đồng bào dân tộc miền núi phía bắc Việt Nam đã có truyền thống nuôi ong mật địa phương trong các tổ ong đơn giản.

Nhằm tiến hành nuôi ong địa phương, các thành viên phải bắt được bầy ong tự nhiên. Tháng 5, Dự án hỗ trợ chu cấp cho họ tổ ong hộp đã được dùng nuôi ong theo truyền thống ở Nhật Bản, loại tổ ong này có thể thu hoạch mật ong mà không phải đập phá toàn bộ cái hộp; đồng thời cung cấp các dụng cụ khác như mạng che bảo vệ mặt, thuốc xịt tay, sáp ong ... Các chuyên gia Nhật Bản cũng tập huấn cho họ về cách bắt bầy ong và truyền thụ kiến thức cơ bản về sinh thái nuôi ong.

Hồi tháng 5, các thành viên nhóm nuôi ong đã đưa một bầy ong rừng vào tổ nhưng chúng bay mất khi lũ trẻ thọc làm cho tổ đổ nghiêng một bên. Đến nay mùa ong chia tổ đã qua mà vẫn chưa có bầy ong nào có thể chuyển đến cả. Vì vậy bây giờ việc nuôi ong đành phải chờ đến khi tới mùa ong mới (mùa ra hoa).



### **Tiếp tục các hoạt động khởi đầu từ năm 2006 hoặc 2007**

Có năm (5) hoạt động đã được khởi động năm 2006 và sáu (6) hoạt động bắt đầu từ năm 2007. Sau đây là bảng tổng hợp các thay đổi về số hộ tham gia 11 hoạt động này:



|                               | Số hộ bắt đầu năm 2006 | Số hộ bắt đầu năm 2007 | Số hộ bắt đầu năm 2008 | Số hộ ngừng tham gia | Số hộ tham gia đến tháng 8 năm 2008 |
|-------------------------------|------------------------|------------------------|------------------------|----------------------|-------------------------------------|
| Nuôi trâu bò                  | 1 *1                   | 1 *1                   | 0                      | 0                    | 2                                   |
| Nuôi heo cái                  | 3                      | 0                      | 0                      | 1 *3                 | 2                                   |
| Nuôi cá                       | 2                      | 4                      | 9                      | 0                    | 15                                  |
| Làm phân trộn                 | 1                      | 0                      | 11                     | 0                    | 12                                  |
| Kết hợp nông lâm trên đất dốc | 1                      | 0                      | 0                      | 0                    | 1                                   |
| Nuôi trâu                     |                        | 3 *2                   | 3 *2                   | 0                    | 6                                   |
| Nuôi lợn đực                  |                        | 1                      | 0                      | 0                    | 1                                   |
| Nuôi vịt                      |                        | 12                     | 0                      | 4                    | 8                                   |
| Vườn rau nhà                  |                        | 1 + VDB                | 15                     | 0                    | 16 +VDB                             |
| Trồng cây ăn quả              |                        | 10                     | 9                      | 0                    | 19                                  |
| Trồng tre                     |                        | 2                      | 30                     | 0                    | 32                                  |

Các hộ ngừng tham gia hoạt động: các hộ có con vật nuôi hoặc cây trồng bị chết hết trước cuối tháng 7 năm 2008.

\*1 Hỗ trợ xây chuồng.

\*2 Hỗ trợ cung cấp trâu cái và vật liệu làm chuồng, chăn nuôi theo chương trình hệ thống ngân hàng vật nuôi.

\*3 Có một thành viên bị chết lợn nái vào tháng 6 năm 2008. Ban phát triển thôn sẽ cung cấp lợn nái lai F1 để khởi đầu chăn nuôi trở lại.

#### Chăn nuôi trâu

Trong tháng 5 đã cung cấp thêm 3 con trâu cái và vật liệu để làm ba cái chuồng trâu ; 3 hộ mới bắt đầu nuôi trâu thuộc hệ thống ngân hàng vật nuôi.

Đã mua các con trâu cái đang chữa, hồi tháng 5 một con trâu đã đẻ một con nghé đực. Còn các con khác cũng hy vọng sẽ đẻ trong thời gian sắp tới.

#### Nuôi lợn nái

Năm 2006, hoạt động nuôi lợn nái bắt đầu với 3 thành viên, một người bị chết lợn nái trong tháng 11 năm 2007, ngay sau đó một con lợn con được cấp (lợn lai F1 sơ sinh của một thành viên khác) để tiếp tục nuôi bắt đầu từ tháng 5 năm 2008, nhưng đến tháng 6 năm 2008 thì con lợn con lại bị chết tiếp.

Ban Phát triển thôn đã có kế hoạch cấp lại một con lợn lai F1 khác để tiếp tục bắt đầu nuôi trở lại.

Đến nay trong làng mới chỉ có một lần được con lợn đẻ. So với các thôn mô hình khác, kết quả hoạt động nuôi lợn nái ở đây không được tốt lắm. Hiện nay còn hai lợn nái đang chữa.

Tương tự như năm ngoái, năm nay vào tháng 5, Dự án hỗ trợ cho đây lang để trồng thức ăn gia súc.

#### Nuôi vịt

Tháng 4 năm 2007, có 12 hộ khởi đầu hoạt động với tổng cộng 40 con vịt; hầu như mỗi hộ được 3 con (2 con mái + 1 đực). Đến cuối tháng 7 có 8 hộ tiếp tục nuôi và hiện nay đã có 35 con vịt con. Bốn hộ bị chết hết các con vịt đã được cấp.

#### Nuôi cá

Trong năm 2008, đã đào mới 3 ao cá và sửa lại 2 ao ; 9 hộ mới đăng ký tham gia hoạt động nuôi cá.

Đến cuối tháng 7 tổng cộng có 15 hộ tham gia hoạt động nuôi cá.

Bởi vì Dự án đã quyết định cung cấp số lượng hạn chế là 300 con cho mỗi hộ, một số chủ ao lớn đã quyết định dùng chung ao của mình với các hộ khác. Dự án cung cấp ống PVC và hướng dẫn tại chỗ về cách đào ao cá và kỹ thuật chăm sóc cá hàng ngày. Trong năm 2008, đã thả cá con vào 5 ao mới.

Loại cá và số lượng cá con đã được thả ao

|   |                                     | Rô phi | Cá chép | Tổng cộng |
|---|-------------------------------------|--------|---------|-----------|
| 1 | A Tim                               | 240    | 60      | 300       |
| 2 | Nhóm 1 (Y Nui, A Bong, A Vo, Y Nga) | 960    | 240     | 1,200     |
| 3 | Y Tron                              | 240    | 60      | 300       |
| 4 | Y Buoc                              | 240    | 60      | 300       |
| 5 | Nhóm 2 (A Dich, Y Cuong)            | 480    | 120     | 600       |
|   | Tổng cộng                           | 2,160  | 540     | 2,700     |

#### Năm cái ao cá mới



Ao của A Tim, bên trái: đào ao (1/2008), bên phải: Mức nước vẫn còn thấp và màu nước không được tốt (7/ 2008)



Ao của Nhóm 2, bên trái: vết ao và củng cố bờ (tháng 8/ 2007), bên phải: Làm tốt (tháng 7/ 2008)



Ao của Y Tron và ao của Y Buoc (tháng 7/ 2008)



Ao nhóm 1 (tháng 1/ 2008)

### Làm phân trộn

Theo sáng kiến của Ban Phát triển thôn, dân làng được phân chia thành 3 nhóm hợp tác với nhau để sử dụng chung nguồn vật liệu thiên nhiên (phân chuồng). Kết quả là số lượng người tham gia tăng lên đáng kể; từ một người trong năm 2007 lên đến 12 người vào năm 2008.

### Kết hợp nông lâm trên đất dốc

Có một hộ gia đình đã liên tục canh tác kết hợp nông lâm trên đất dốc (trồng xen giữa hàng cây) từ năm 2006. Năm nay, người này đã quyết định trồng cây lâu năm, trồng cà phê (cà phê Arabica) thay vì trồng cây lương thực như cây mì, bắp. Hố đã được đào sẵn chuẩn bị khi mưa đủ nhiều thì tiến hành trồng. Cơ cấu cây trồng hiện nay là như sau:

|                        |            |                                                                       |
|------------------------|------------|-----------------------------------------------------------------------|
| Cây trồng              | Cà phê     | 500 cây con giống sẽ được trồng.                                      |
| Cây rào (làm hàng rào) | Cốt khí    | Đã mọc lên một lần nhưng nhiều chỗ bị chết đi trong mùa lạnh vừa qua. |
|                        | Dứa (thơm) | Chậm, nhưng có phát triển và cho trái.                                |
|                        | Cỏ voi     | Vẫn còn (không chết) nhưng không phát triển mạnh.                     |



Tháng 8/ 2007



Tháng 7/ 2008



Cây rào (bên trái: dừa, bên phải: cỏ voi) (tháng 5/ 2008)

### Trồng rau vườn nhà

Tháng 7 năm 2007, Ban phát triển thôn đã đưa ra sáng kiến thành lập vườn mẫu để tạo điều kiện cho dân làng tham gia làm. Nhờ tác động của vườn mẫu, cuối tháng 7 có 15 hộ gia đình đã bắt đầu làm vườn. Dự án cung cấp hạt giống, vôi, thùng tưới và hướng dẫn kỹ thuật do CF thực hiện.

Đến cuối tháng 4 có 7 hộ tham gia trồng gừng. Có 8 hộ tham gia trồng, nhưng hầu như tất cả các cây con đều bị chết.



Chuẩn bị miếng đất vườn nhà (tháng 2/ 2008)



Gừng (tháng 8/ 2008)

### Trồng cây ăn quả

Trong tháng 8, có 9 hộ đã trồng 180 cây con giống; trong đó có 90 cam (cam xanh) và 90 bưởi; mỗi hộ trồng tất cả là 20 cây con giống.

### Trồng tre

Trong tháng 7 năm 2007 có hai hộ trồng tre “Bat Do” (*Dendrocalamus latiflorus*), nhưng nhiều cây không mọc rễ.

Trong năm 2008, tre được trồng theo hoạt động Quản lý rừng cộng đồng. Loại giống tre đã được trồng là tre “Mao Truc” (*Phyllostachys pubescens*); các cây con giống của loại tre này được ương ở Hà Nội. Có 32 hộ (hầu như toàn bộ hộ trong thôn) tham gia trồng tre với tổng số là 870 cây con đã được trồng trong tháng 7.





Các cây tre con vừa mới trồng (cuối tháng 7/ 2008)

### 3) Làng Nước Nốt, xã Ngọc Tem

#### Các hoạt động nông nghiệp mới được khởi đầu trong năm 2008

Cũng như năm ngoái, do đường xấu, sông suối không qua được nên công việc chuyên chở các mặt hàng phục vụ công tác cải thiện sinh kế đã gặp nhiều khó khăn kéo dài từ cuối tháng 1 cho đến giữa tháng 6 năm 2008. Để khởi đầu công việc Dự án đã phải thuê xe tải lớn đầu tháng 5 để chuyên chở vật liệu như cây con giống, vôi, phân, thùng làm tổ nuôi ong, giống gừng, giống dứa, lưới thép (dùng làm chuồng thỏ) đến địa điểm qua đường Quảng Ngãi. Đường qua Quảng Ngãi cũng xấu nhưng dầu sao xe tải vẫn cố gắng chạy đến làng.



Đoạn đường không qua được bằng ô tô (tháng 3 năm 2008)



Chuyên chở vật liệu bằng xe tải (tháng 5 2008)



Sau đây là hoạt động đã được khởi đầu trong năm 2008.

|                     | Số hộ tham gia | Tháng khởi đầu<br>(tháng bắt đầu canh<br>tác/chăn nuôi) | Số hộ ngừng hoạt<br>động |
|---------------------|----------------|---------------------------------------------------------|--------------------------|
| Nuôi ong địa phương | 8              | Tháng 5                                                 | 0                        |

#### Nuôi ong địa phương

Thực hiện yêu cầu của dân bản, Dự án quyết định thử nuôi ong địa phương, tương tự như trường hợp của thôn Vichiring thuộc xã Hiếu.

Để khởi đầu nuôi ong địa phương, những người tham gia nuôi ong phải bắt bầy ong rừng (ong tự nhiên). Vào tháng 5, Dự án đã cấp cho 8 hộ loại tổ ong hộp và một số thiết bị khác như mạng bảo vệ mặt, thuốc xịt tay, sáp ong... Các chuyên gia Nhật Bản cũng tập huấn cho họ phương pháp bắt bầy ong và kiến thức cơ bản về sinh thái nuôi ong.

Có báo cáo cho rằng một số ong cũng có bay đến chỗ tổ ong của một số thành viên nhưng chẳng bao lâu lại bay đi. Bởi vì mùa bầy ong chia tổ đã qua nên hiện nay không thể làm gì được, đành phải chờ đến mùa ong sau (mùa hoa nở).



Tập huấn nuôi ong (tháng 5 năm 2008)



Tổ ong hộp (tháng 6 năm 2008)

### Tiếp tục các hoạt động từ năm 2006 đến 2007

Có ba (3) hoạt động được khởi đầu năm 2006 và mười hai (12) hoạt động khởi đầu năm 2007. Sau đây là bảng tổng hợp số hộ tham gia mười lăm (15) hoạt động này:

|                          | Số hộ bắt đầu năm 2006 | Số hộ bắt đầu năm 2007 | Số hộ bắt đầu năm 2008 | Số hộ ngừng hoạt động | Số hộ tham gia đến tháng 8/2008 |
|--------------------------|------------------------|------------------------|------------------------|-----------------------|---------------------------------|
| Nuôi trâu bò             | 3 * <sub>1</sub>       | 4 * <sub>2</sub>       | 0                      | 1                     | 6                               |
| Nuôi lợn nái             | 5                      | 2                      | 0                      | 2 * <sub>3</sub>      | 5                               |
| Ươm và trồng cây keo     | 7                      | 35                     | 0                      | 0                     | 42                              |
| Nuôi lợn đực             |                        | 1                      | 0                      | 0                     | 1                               |
| Nuôi lợn lai F1          |                        | 8                      | 2                      | 2                     | 8                               |
| Nuôi dê                  |                        | 6                      | 0                      | 2                     | 4                               |
| Nuôi thỏ                 |                        | 3                      | 3                      | 2                     | 4                               |
| Nuôi vịt                 |                        | 42                     | 0                      | 10                    | 32                              |
| Nuôi cá                  |                        | 23                     | 4 * <sub>4</sub>       | 3                     | 24                              |
| Làm phân trộn            |                        | 1                      | 1                      | 0                     | 2                               |
| Trồng rau vườn nhà       |                        | 9                      | 38                     | 1                     | 46                              |
| Kết hợp nông lâm đất dốc |                        | 2                      | 0                      | 0                     | 2                               |
| Trồng cây ăn quả         |                        | 16                     | 14                     | 4                     | 26                              |
| Trồng tre                |                        | 9                      | 0                      | 4                     | 5                               |
| Ươm và trồng cây cau     |                        | 45                     | 0                      | 0                     | 45                              |

Các hộ ngừng tham gia hoạt động: các hộ ngừng tham gia là các hộ bị con vật nuôi, cây trồng chết trước cuối tháng 7 năm 2008.

\*<sub>1</sub> Hỗ trợ làm chuồng.

\*<sub>2</sub> Hỗ trợ con bò cái, vật liệu làm chuồng; đây là hoạt động chăn nuôi thuộc hệ thống ngân hàng vật nuôi.

\*<sub>3</sub> Ban Phát triển thôn có kế hoạch cung cấp lợn cái lai F1 (lợn con) cho hai thành viên để họ khởi đầu nuôi trở lại.

\*<sub>4</sub> Dự án không hỗ trợ vật liệu.

### Chăn nuôi trâu bò

Trong năm 2007, Dự án đã hỗ trợ 4 con bò cái cùng với 4 chuồng cho 4 hộ để họ khởi đầu chăn nuôi thuộc hệ thống ngân hàng vật nuôi trong thôn. Một con bò cái bị chết năm 2007. Mặc dù chưa thể thực hiện việc quay vòng con vật nuôi nhưng hiện nay đã có 3 con còn sống đang chữa.

### Nuôi lợn nái

Trong năm 2006 và 2007 có tất cả 7 hộ tham gia hoạt động nuôi lợn nái.

Tới cuối tháng 7, năm 2008 cả năm con nái đẻ 5 lứa với tổng cộng 44 con lợn con. Hiện nay có hai con nái đang chữa. Kết quả phát triển đàn lợn là như sau:

Đẻ trong năm 2008 (từ tháng 1 đến tháng 7) (tới đầu tháng 8 năm 2008)

|           |         | Lứa đẻ:   |           | Chết trước bàn giao | Bàn giao cho Ban phát triển thôn |
|-----------|---------|-----------|-----------|---------------------|----------------------------------|
|           |         | Tháng     | Số lượng  |                     |                                  |
| Lợn nái 1 | D.H.Que | Tháng 1   | 9 lợn con | 6                   | 1                                |
| Lợn nái 2 | A Doa   | Tháng 3   | 7         | 1                   | 4                                |
| Lợn nái 3 | Y Len   | Tháng 5   | 8         | 7                   | 0                                |
| Lợn nái 4 | A Da    | Tháng 3   | 7         | 3                   | chưa                             |
| Lợn nái 5 | A Le    | Tháng 6   | 13        | 12                  | 0                                |
|           |         | Tổng cộng | 44        | 29                  | 5                                |

Hai thành viên nuôi lợn bị chết mất lợn, và đã được Ban phát triển thôn quyết định cấp cho con lợn nái lai F1 (lợn con) để họ có thể bắt đầu nuôi trở lại.

### Nuôi lợn đực

Lợn đực được cấp trong tháng 8 năm 2007. Đến nay đã phối và cho 6 con nái chữa (4 con nái chữa trong năm 2007 và 2 chữa trong năm 2008).

### Nuôi lợn lai F1

Trong năm 2007, có 11 con lợn con đã được bàn giao cho Ban phát triển thôn và 8 hộ bắt đầu nuôi lợn nái F1.

Trong năm 2008, có 5 lợn con đã được bàn giao cho Ban phát triển thôn. Một con được bản thân người nuôi mua lại. Còn 4 con còn lại bán cho người trong làng vào cuối tháng 7.

### Nuôi dê

Tháng 5 năm 2007 có 6 hộ khởi đầu nuôi dê, mỗi hộ một con cái, còn con đực thì nuôi chung một con. Đến nay hai hộ bị mất hết dê. Sau đây là tổng hợp tình hình phát triển và số lượng dê hiện nay đang còn. Cách thức làm là cứ sau khi đẻ lần thứ hai, ngay sau khi đã cai sữa cho các con dê con, dê mẹ sẽ được chuyển sang cho làng bên cạnh.

Tình hình phát triển (tính đến đầu tháng 8 năm 2008)

|                  | Số được cấp | Số đẻ trong năm 2007 | Đẻ trong năm 2008 | Chết trong năm 2007 & 2008 | Tính đến đầu tháng 8 năm 2008 |
|------------------|-------------|----------------------|-------------------|----------------------------|-------------------------------|
| Dê cái           | 6 + 1 *1    |                      |                   | 3                          | 4                             |
| Dê đực           | 1           |                      |                   | 1 *2                       | 0                             |
| Dê con (cái)     |             | 6                    | 2                 | 3                          | 5                             |
| Dê con (đực)     |             | 2                    | 3                 | 2                          | 3                             |
| <b>Tổng cộng</b> | <b>8</b>    | <b>8</b>             | <b>5</b>          | <b>9</b>                   | <b>12</b>                     |

\*1 Sau khi một con dê bị bắt ngờ chết thì một con dê khác đã được cấp lại.

\*2 Từ khi một con dê đực chết tháng 6 năm 2007, các thành viên sử dụng số con dê đực còn lại.

### Nuôi thỏ

Tháng 6 năm 2007 có 3 hộ khởi đầu nuôi thỏ nhưng có hai hộ bị chết hết thỏ nên thôi không nuôi nữa. Tháng 5 năm 2008 có 3 hộ mới bắt đầu tham gia nuôi Dự án cấp cho họ vật liệu làm chuồng (lưới sắt, dây thép, dụng cụ), một bộ thỏ con (mỗi hộ 2 con cái và một con đực), Dự án cũng tổ chức ba lần tập huấn. Số thành viên mới tham gia hoạt động nuôi thỏ tập làm nhà thỏ đơn giản bằng vật liệu sẵn có ở địa phương.

Tổng cộng trong năm 2007 đã cấp 12 con thỏ cái cho các thành viên. Các con thỏ này chỉ đẻ có hai lần. Tất cả các con thỏ con sơ sinh đều chết lúc còn rất nhỏ. Hiện nay thỏ tiếp tục chết. Sau đây là bảng tổng hợp tình hình phát triển và số lượng thỏ còn sống sót tính đến thời điểm này.

Số lượng người tham gia trong năm 2007 (3 người) (tính đến đầu tháng 8/ 2008)

|                  | Số lượng thỏ được Dự án cấp    |                            |                            |           |                    | Số thỏ con sản sinh<br>Tính đến tháng 8/ 2008 |
|------------------|--------------------------------|----------------------------|----------------------------|-----------|--------------------|-----------------------------------------------|
|                  | Cấp ban đầu<br>(tháng 6/ 2007) | Bổ sung<br>(tháng 8/ 2007) | Bổ sung<br>(tháng 5/ 2008) | Chết      | Tính đến<br>8/2008 |                                               |
| Thỏ cái          | 6                              | 4                          | 2                          | 11        | 1                  | 0                                             |
| Thỏ đực          | 3                              | 2                          | 0                          | 5         | 0                  | 0                                             |
| <b>Tổng cộng</b> | <b>9</b>                       | <b>6</b>                   | <b>2</b>                   | <b>16</b> | <b>1</b>           | <b>0</b>                                      |

Số lượng người tham gia trong năm 2008 (3 người) (tính đến đầu tháng 8/ 2008)

|                  | Cấp ban đầu<br>(tháng 5/ 2008) | Chết     | Số thỏ con sinh ra | Tính đến<br>tháng 8/ 2008 |
|------------------|--------------------------------|----------|--------------------|---------------------------|
| Thỏ cái          | 6                              | 2        | Chưa có            | 4                         |
| Thỏ đực          | 3                              | 0        | Chưa có            | 3                         |
| <b>Tổng cộng</b> | <b>9</b>                       | <b>2</b> | <b>Chưa có</b>     | <b>7</b>                  |



Chuồng và lồng thỏ do thành viên mới tham gia làm

#### Nuôi vịt

Trong tháng 5 năm 2007 có 42 hộ bắt đầu tham gia hoạt động với tổng số vịt là 140 con; hầu như mỗi hộ được 3 con (2 con cái + 1 con đực). Tính đến cuối tháng 7 năm 2008 có 10 hộ bị mất hết số vịt. Một số con vịt con nở ra thì phần lớn bị chuột ăn. Theo quan sát và phản ánh của xúc tác viên xã (CF) thì hiện nay có khoảng 62 con vịt.

#### Nuôi cá

Tháng 5 năm 2007 hoạt động nuôi cá được khởi đầu với tổng số là 23 hộ, 3 hộ rút lui vì ao bị lũ phá hủy. Bốn hộ mới khởi đầu tự nuôi cá. Họ lấy cá con từ các thành viên tham gia Dự án. Theo báo cáo thì một số thành viên đã thu hoạch cá để ăn hàng ngày còn một số người khác thì bán cá con cho bà con trong thôn 5..

Các ao cá đào không có sự hỗ trợ của Dự án



Tháng 3/ 2008

#### Trồng rau vườn nhà

Trong năm 2008, hoạt động trồng rau vườn nhà đã lan sang nhiều hộ khác trong làng. Dự án hỗ trợ cho họ về giống, thùng tưới, và tập huấn tại chỗ được thực hiện bởi các xúc tác viên xã (CF).





Tháng 3/ 2008

H. trên: Gừng (tháng 7/ 2008)

Tháng 5 có 18 hộ trồng su su, những hạt trồng quanh nhà đã bị gà vịt bới phá hư hết. Có ba hộ trồng trên nương cách xa nơi ở, hiện nay cây su su của họ đang lớn lên. Có 3 hộ trồng gừng trong tháng 5, họ trồng trong vườn và các miếng đất mới.

#### Kết hợp nông lâm trên đất dốc

Từ tháng 8 năm 2007 đã có 2 thành viên tiến hành công việc tạo nên hệ thống trồng xen các loại cây trồng với nhau. Tình hình hệ thống trồng xen hiện nay là như sau:

|                       | Cây rào (Cây trồng làm hàng rào)                                                                                                                           | Cây trồng hiện nay | Cây vụ mùa |
|-----------------------|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|--------------------|------------|
| Miếng đất của A Doa   | Cây mè (trồng tháng 8/ 2007 để làm dấu đường đồng mức)<br>Dứa (thơm) (trồng tháng 5/ 2008, 500 ngọn/ người)<br><i>Cốt khí candida</i> (gieo tháng 2/ 2008) | Không              | Bắp, Đậu   |
| Miếng đất của A Thien | <i>Leucaena leucocephala</i> (trồng hạt trong tháng 1/ 2008)<br>Cỏ voi (trồng tháng 8/ 2007, chỉ có A Doa làm)                                             | Lúa nương          | Bắp, Đậu   |

\* Trong tháng 3 năm 2008, A Doa làm hàng rào quanh vườn để bảo vệ cây trồng khỏi bị trâu bò phá hoại

### Miếng đất của A Doa



Tháng 3/ 2008



Tháng 6/ 2008

### Miếng đất A Thiên



Tháng 3/ 2008



Tháng 7/ 2008



### Trồng cây ăn quả

Trong năm 2007 có 16 hộ tham gia trồng 8 loại cây ăn quả với 245 cây con giống. Cây trồng phát triển tốt, đến tháng 7 năm 2008 một số cây cao khoảng 1.5 m.

Trong năm 2008 có 14 hộ mới bắt đầu tham gia hoạt động này với ba loại cây và tổng cộng 204 cây con được trồng trong tháng 5.

Loại cây và số lượng cây ăn quả đã được trồng và sống sót

|                         | Nhãn | Cam | Soài | Sầu<br>riêng | Khế | Chanh<br>lá cam | Quýt | Trái<br>thanh<br>long | Tổng<br>cộng |
|-------------------------|------|-----|------|--------------|-----|-----------------|------|-----------------------|--------------|
| Trồng trong năm 2007:   |      |     |      |              |     |                 |      |                       |              |
| Cây con<br>cấp/ trồng   | 65   | 55  | 70   | 15           | 10  | 10              | 10   | 10                    | 245          |
| Cây sống<br>đến 7/ 2008 | 47   | 39  | 61   | 13           | 9   | 6               | 5    | 10                    | 190          |
| Trồng năm 2008:         |      |     |      |              |     |                 |      |                       |              |
| Cây con<br>cấp/ trồng   | 55   | 70  | 74   |              |     |                 |      |                       | 204          |

Ươm và trồng cây cau

Trong năm 2007 đã làm khoảng 2900 bầu ươm cây nhưng chỉ có 300 bầu là nảy mầm do sử dụng hạt chỉ mới khô một phần.

Trong năm 2008, Dự án chỉ hỗ trợ túi ny lông, các thành viên tự đi lượm hạt để ươm. Do nhu cầu của Trung Quốc đối với hạt cau bị sụt xuống trầm trọng, các thành viên không tích cực trong việc làm bầu ươm giống cau nữa.



Tháng 3/ 2008



Tháng 5/ 2008

Ươm và trồng cây keo

Năm 2007 42 hộ, chia thành 2 nhóm, bắt đầu tiến hành sản xuất cây con giống. Sau đây là tổng hợp kết quả hoạt động này:

|                     | Mục tiêu<br>số lượng<br>cây con | Gieo lần 1 trong tháng 6-7/2007 |                               | Gieo lần 2 trong tháng 9/ 2007 |                                                 |
|---------------------|---------------------------------|---------------------------------|-------------------------------|--------------------------------|-------------------------------------------------|
|                     |                                 | Số bầu đã<br>làm                | Số hạt trồng tháng 1/<br>2008 | Số bầu đã<br>làm               | Số cây con được<br>trồng trong tháng 3/<br>2008 |
| Nhóm gần<br>UBND xã | 6,150                           | 6,700                           | 1,350                         | 4,500                          | 1,630                                           |
| Nhóm gần<br>trường  | 2,350                           | Trên 3,000                      | 2,850                         |                                |                                                 |





Chọn cây con (tháng 3/ 2008)



(12/3/ 2008)



Cây keo trồng năm 2006 (chụp hình tháng 3/ 2008)



Cây keo trồng tháng 1/ 2008 - 7/ 2008)

#### 4) Làng Kon Túc, xã Đăk Pnê

##### Các hoạt động nông nghiệp mới khởi đầu năm 2008

Hai hoạt động sau đây mới được khởi đầu năm 2008.

|                                                        | Số hộ tham gia | Tháng khởi đầu<br>(tháng bắt đầu canh<br>tác/ chăn nuôi) | Số hộ ngừng tham gia<br>hoạt động |
|--------------------------------------------------------|----------------|----------------------------------------------------------|-----------------------------------|
| Nuôi trâu bò (bò cái)<br>(hệ thống ngân hàng vật nuôi) | 3              | Tháng 4                                                  | 0                                 |
| Nuôi lợn lai F1                                        | 4              | Tháng 5                                                  | 0                                 |

##### Nuôi trâu bò (bò cái)

Ở Kon Túc nhiều hộ nuôi bò (có một số hộ nuôi bò của người khác, như hình thức hợp đồng). Trong năm 2007, Dự án hỗ trợ làm 15 chuồng bò cho 15 hộ bằng các vật liệu để cải thiện phương pháp nuôi đồng thời tạo điều kiện cho việc làm phân trộn.

Năm 2008, 3 con bò cái đã được cấp hỗ trợ để khởi đầu hệ thống ngân hàng vật nuôi tại thôn. Ba hộ chưa có chuồng bò đã được chọn để khởi đầu hoạt động, đồng thời Dự án cũng hỗ trợ họ vật liệu làm chuồng (tám thanh, tám tôn để lợp nóc). Tháng 4 mua 3 con bò. Tất cả ba con đều phát triển tốt, hình như một con đã chữa.

### Nuôi lợn lai F1

Khoảng đầu tháng 8 tính từ ngày bắt đầu nuôi, tổng cộng đã có 10 lợn con được giao cho Ban phát triển thôn trong đó có 8 con đã bán lại cho người dân trong làng mua để nuôi. Còn hai con còn lại không ai muốn mua do chúng bị còi vì thiếu dinh dưỡng trong giai đoạn đầu. Hiện nay hai con này được Ban phát triển thôn chăm sóc.

Tính đến đầu tháng 8 đã có 2 chủ nuôi nái có được tổng cộng là 17 con lợn con đẻ trong tháng 5. Khoảng một nửa số này sẽ được giao cho Ban Phát triển thôn.

### **Tiếp tục hoạt động từ năm 2006 hoặc năm 2007**

Trong năm 2006 có sáu (6) hoạt động được khởi động và sáu (6) hoạt động khác được bắt đầu từ năm 2007. Sau đây là bảng tổng hợp tình hình thay đổi về số lượng của 12 hoạt động này:

|                                  | Hộ bắt đầu tham gia trong 2006 | Hộ bắt đầu tham gia trong năm 2007 | Hộ bắt đầu tham gia trong 2008 | Hộ ngừng tham gia hoạt động. | Số hộ tham gia đến tháng 8/ 2008 |
|----------------------------------|--------------------------------|------------------------------------|--------------------------------|------------------------------|----------------------------------|
| Nuôi lợn nái                     | 5                              | 0                                  | 0                              | 1                            | 4                                |
| Nuôi dê                          | 3                              | 2                                  | 0                              | 4                            | 1                                |
| Nuôi cá                          | 4                              | 4 *1                               | 5                              | 2 *1                         | 11                               |
| Làm phân ủ                       | 3                              | 2                                  | 10                             | 0                            | 15                               |
| Trồng rau vườn nhà               | 12                             | 1                                  | 3                              | 3                            | 13                               |
| Nông lâm đất đồi                 | 4                              | 1                                  | 0                              | 2                            | 3                                |
| Nuôi trâu bò (chỉ hỗ trợ chuồng) |                                | 15                                 | 0                              | 1                            | 14                               |
| Nuôi lợn đực                     |                                | 1                                  | 0                              | 0                            | 1                                |
| Nuôi vịt                         |                                | 28                                 | 0                              | 16 *3                        | 12                               |
| Nuôi thỏ                         |                                | 3                                  | 0                              | 2                            | 1                                |
|                                  | Hộ bắt đầu tham gia trong 2006 | Hộ bắt đầu tham gia trong năm 2007 | Hộ bắt đầu tham gia trong 2008 | Hộ ngừng tham gia hoạt động. | Số hộ tham gia đến tháng 8/ 2008 |
| Trồng cây ăn quả                 |                                | 18                                 | 10                             | 0                            | 28                               |
| Trồng bời lời                    |                                | 24                                 | 17 *2                          | 0                            | 41                               |

Các hộ ngừng hoạt động: đó là các hộ bị con vật nuôi, cây trồng chết hết trước cuối tháng 7 năm 2008.

\*1 Kể cả Đoàn thanh niên

\*2 Trong năm 2008 nhiều thành viên đã tham gia năm 2007 lại tham gia hoạt động ương giống. Chỉ tính các thành viên mới tham gia trong năm 2008.

\*3 Kể cả một số hộ đã khởi đầu trở lại với sự trợ giúp của các hộ khác.

### Nuôi lợn nái

Có một thành viên không chăm sóc tốt lợn nái của mình; bỏ đi làm trên nương xa nhiều ngày không cho lợn ăn. Cuối cùng, Ban Phát triển thôn quyết định chuyển con lợn nái cho một người khác nuôi. Họ đã bàn bạc với nhau nhưng cuối cùng đến tháng 6 thì lợn phải chuyển cho người khác. Ban phát triển thôn tạm thời sử dụng chuồng trống để nuôi những con lợn được giao cho Ban phát triển thôn. Có ba thành viên không có khả năng trồng thức ăn cho lợn (hoặc có thể chỉ vì họ không quan tâm). Lượng thức ăn còn lại còn rất ít và số lợn con mới đẻ hồi tháng 5 hiện nay đã thả cho đi ăn rong. Dự án không có chủ trương nuôi thả rong, nhưng tường hợp này thả rong còn đỡ hơn là nuôi nhốt mà không có thức ăn cho lợn.

Tương tự như năm ngoái, hạt ngô để trồng làm thức ăn cho gia súc được cung cấp trong tháng 5. các thành viên tự băm rã và thien cho lợn con.

Sau đây là bảng tổng hợp kết quả nuôi lợn nái trong năm 2008. Đến nay tất cả 5 con nái mới chỉ đẻ một lứa.

Kết quả sinh sản từ tháng 1 đến tháng 7/ 2008 (tính đến đầu tháng 8)

|           |         | Lứa đẻ: |           | Chết trước khi giao cho BPTT | Số lượng giao cho BPTT |
|-----------|---------|---------|-----------|------------------------------|------------------------|
|           |         | Tháng   | S.lượng   |                              |                        |
| Lợn nái 1 | Y Brai  | 2       | 5 lợn con | 0                            | 2                      |
| Lợn nái 2 | A Dok   | 3       | 8         | 0                            | 4                      |
| Lợn nái 3 | Y Bdung | 5       | 12        | 2                            | 4                      |
| Lợn nái 4 | Y Me    | 5       | 12        | 4                            | Chưa                   |
| Lợn nái 5 | Y Lyap  | 5       | 11        | 2                            | Chưa                   |
| Tổng cộng |         |         | 48        | 8                            | 10                     |



Lợn cái thả rong bên bờ sông (tháng 3/ 2008)

### Nuôi dê

Hồi tháng 12 năm 2007 có ba hộ nuôi dê, nhưng hiện nay chỉ còn một hộ còn có một con dê; năm 2008 không có dê con mới đẻ nào cả.

Kết quả sinh sản (tính đến đầu tháng 8/ 2008)

|                     | Số dê cấp lúc đầu | Dê con đẻ năm 2007 | Tính đến cuối năm 2007 | Dê con đẻ năm 2008 | Tính đến đầu tháng 8/ 2008 |
|---------------------|-------------------|--------------------|------------------------|--------------------|----------------------------|
| Dê cái              | 6                 |                    | 1                      |                    | 0                          |
| Dê đực              | 1                 |                    | 0                      |                    | 0                          |
| Dê con mới đẻ (cái) |                   | 2                  | 1                      | 0                  | 0                          |
| Dê con mới đẻ (cái) |                   | 6 (2 + 4)          | 2 (0 + 2)              | 0                  | 1                          |
| Tổng cộng           | 7                 | 8                  | 4                      | 0                  | 1                          |

### Nuôi vịt

Năm 2007 có 28 hộ khởi đầu hoạt động nuôi vịt vớ tất cả là 86 con vịt; hầu như mỗi hộ được 3 con vịt (2 cái + 1 con đực). Đến tháng 8 năm 2008, 16 hộ bị mất hết con vịt đã cấp.

### Nuôi thỏ

Tháng 9 năm 2007 có ba hộ khởi đầu hoạt động nuôi thỏ. Đến nay có 2 thành viên rút lui. Năm 2008, có 3 hộ đăng ký nuôi thỏ, nhưng cả ba hộ không làm chuồng rồi đến tháng 6 thì thôi không tham gia nữa.

Bốn con thỏ cái Dự án cấp lúc đầu đẻ tất cả 4 lần, nhưng tất cả các con thỏ con đều chết lúc còn nhỏ.

Sau đây là bảng tổng hợp số thỏ con cấp, sông sót:

|           | Số thỏ được Dự án cấp |                          |      |                       | thỏ con đẻ được tính đến tháng 8/2008 |
|-----------|-----------------------|--------------------------|------|-----------------------|---------------------------------------|
|           | Lúc đầu (9/ 2007)     | Cấp thêm (tháng 8/ 2008) | Chết | Tính đến tháng 8 2008 |                                       |
| Thỏ cái   | 4                     | 1                        | 3    | 2                     | 0                                     |
| Thỏ đực   | 2                     | 0                        | 1    | 1                     | 0                                     |
| Tổng cộng | 6                     | 1                        | 4    | 3                     | 0                                     |

### Nuôi cá

Năm 2008, có 5 người mới tham gia đào 5 ao cá mới và bắt đầu nuôi cá vào tháng 7. Tới tháng 8 năm 2008 có tất cả 11 hộ có cá nuôi ao.

Để hỗ trợ làm ao cá, Dự án cấp cho ống PVC, bao cát và hướng dẫn kỹ thuật tại chỗ vào tháng 1 năm 2008 và sau đó nữa. Các thành viên đã làm xong phần lớn công việc làm đất trước tháng 5. Cá con được cấp vào tháng 7 chờ chắc chắn có nước trong mùa khô.

Loại và số lượng cá con được thả ao

|   |           | Cá rô phi | Cá chép | Tổng cộng |
|---|-----------|-----------|---------|-----------|
| 1 | A Jor     | 125       | 125     | 250       |
| 2 | A Toan    | 125       | 125     | 250       |
| 3 | A Roh     | 125       | 125     | 250       |
| 4 | A Dien    | 125       | 125     | 250       |
| 5 | A Xu      | 125       | 125     | 250       |
|   | Tổng cộng | 625       | 625     | 1,250     |

\* Dự án giới hạn số lượng cá con ở mức 250 con mỗi hộ (mỗi ao).



Công việc đào ao (tháng 2/ 2008)



5 ao cá được đào thẳng hàng trên một con suối: Phần lớn công việc làm đất đã hoàn thành (tháng 4/ 2008)

#### Làm phân ủ

Năm 2007, Dự án đã hỗ trợ 15 hộ làm chuồng nuôi bò/ trâu. Kết quả là đã có 10 hộ bắt đầu dùng phân chuồng để làm phân ủ.

Ruộng ở cách xa nhà bên kia sông cho nên một số người đã gửi phân chuồng qua để làm phân ủ gần miếng ruộng của họ.

#### Trồng rau vườn nhà

Làm vườn nhà (trồng rau) đã bén rễ trong thôn làng. Năm 2008 có ba hộ mới tham gia. Bởi vì điều kiện thời tiết rất khô trong các tháng 3-5 nên nhiều thành viên ngừng hoặc giảm hoạt động.

Trong tháng 5 có 6 hộ trồng su su, nhưng tất cả cây con bị chết vì thời tiết khô. Cũng trong tháng 5, sau một vài cơn mưa, có 6 hộ trồng gừng trong vườn hoặc trên một miếng đất mới chuẩn bị.



Tháng 3/ 2008



Tháng 4/ 2008





Gùng (tháng 7/ 2008)

### Kết hợp nông lâm trên đất dốc

Có ba hộ tiếp tục canh tác đất dốc. Sau đây là bảng tổng hợp loại cây trồng hiện nay và kết quả thu hoạch hoạt động canh tác đất dốc. Năm 2008 Dự án hỗ trợ hoạt động trồng dứa bằng ngọn ( 1800 ngọn), vôi và phân bón.

#### Miếng đất của Y Brai

|                                  |         |                                                                                          |
|----------------------------------|---------|------------------------------------------------------------------------------------------|
| Loại cây trồng                   | Dứa     | Mới trồng trong tháng 5                                                                  |
| Cây                              | Bời lời | Tồng vào cuối tháng 6                                                                    |
| Cây trồng dọc rào (Cây hàng rào) | Cốt khí | Đã mọc (Gieo năm 2006)                                                                   |
|                                  | Dứa     | Thu hoạch trong tháng 5 và tháng 6. Bán khoảng 420 trái dứa và kiếm được 1,200,000 đồng. |

#### Miếng đất của A Dieo

|                   |         |                                                                                       |
|-------------------|---------|---------------------------------------------------------------------------------------|
| Cây vụ mùa        | Dứa     | Mới trồng trong tháng 5                                                               |
| Cây trồng         | Bời lời | Trồng trên phần đất thấp trên đồng vào tháng 6                                        |
| Cây trồng dọc rào | Cốt khí | Đã mọc (Gieo năm 2006)                                                                |
|                   | Dứa     | Thu hoạch trong tháng 5 và tháng 6. Bán được khoảng 340 trái, kiếm được 820,000 đồng. |

#### Miếng đất của A Onh

|                   |         |                                               |
|-------------------|---------|-----------------------------------------------|
| Cây vụ mùa        | Mì      | Chưa thu hoạch                                |
| Cây trồng dọc rào | Cốt khí | Đã mọc (gieo năm 2006)                        |
|                   | Dứa     | Quả không được bao nhiêu chỉ thu hoạch để ăn. |



Đất của A Dieo Bên trái: Dứa mới trồng (tháng 5/ 2008), bên phải : Cây bời lời được trồng ở phía dưới (tháng 7/ 2008)



Tháng 4/ 2008

#### Trồng cây ăn quả

Cuối tháng 7 năm 2008, có 14 hộ trồng 4 loại cây ăn quả với 41 cây con. Trong 14 hộ có 4 hộ đã tham gia năm 2007.

#### Số lượng cây ăn quả đã trồng và sống sót

|                                | Cam | Soài | Chôm chôm | Nhãn | Khế | Tổng cộng |
|--------------------------------|-----|------|-----------|------|-----|-----------|
| Trồng năm 2007:                |     |      |           |      |     |           |
| Cây con được cấp/ trồng        | 25  | 39   | 37        | 5    | --- | 106       |
| Cây sống sót đến tháng 1/ 2008 | 24  | 39   | 37        | 4    | --- | 104       |
| Cây sống sót đến tháng 7/ 2008 | 17  | 27   | 19        | 2    | --- | 65        |
| Trồng năm 2008:                |     |      |           |      |     |           |
| Cây con cấp/ trồng             | 7   | 10   | 20        | ---  | 4   | 41        |

#### Cây bời lời

Trong năm 2007, cây con đã được mua sẵn được đem đi trồng vào tháng 6 (khoảng 2000 cây). Đến năm 2009, dân bản quyết định thử sản xuất cây con giống. Tổng cộng là 34 hộ tham gia (17 hộ đã trồng cây bời lời từ năm 2007, và 17 hộ bắt đầu tham gia năm 2008).

Hàng loạt cuộc tập huấn về lập vườn ươm và quản lý vườn ươm đã được tổ chức. Dưới sự hướng dẫn của xúc tác viên xã (CF) tổng cộng đã làm được 12,000 bầu (gieo trồng) trong tháng 1, tuy nhiên đến giữa tháng 3 thì tới nửa số cây con giống bị vàng lá. Nguyên nhân cụ thể không biết được. Đã dùng một số biện pháp cơ bản cần thiết để xử lý như phun thuốc trên lá nhưng màu lá vẫn không trở lại bình thường. Hiện tượng vàng ố này có kết quả là nhiều cây con bị chết. Cuối cùng đến cuối tháng 6 thì các cây con mới được đem trồng





Ngày 07 tháng 3



ngày 13 tháng 3



Ngày 24 tháng 4



ngày 27 tháng 5



Ngày 27 tháng 5



ngày 24 tháng 6

## 5) Làng Tu Ro Bang, xã Đắk Koi

### Các hoạt động nông nghiệp mới bắt đầu năm 2008

Các hoạt động sau đây đã được khởi đầu trong năm 2008.

|          | S. hộ tham gia | Tháng khởi đầu<br>(Tháng bắt đầu canh<br>tác và chăn nuôi) | Số hộ ngừng hoạt<br>động |
|----------|----------------|------------------------------------------------------------|--------------------------|
| Nuôi thỏ | 1              | Tháng 5                                                    | 0                        |
| Nuôi dê  | 2              | Tháng 4                                                    | 0                        |

#### Nuôi thỏ

Có một hộ mới bắt đầu tham gia hoạt động nuôi thỏ trong tháng 5. Dự án cấp cho vật liệu để làm lồng thỏ (lưới sắt, dây thép, dụng cụ), một bộ thỏ (2 cái + 1 đực) và tổ chức 3 lần tập huấn tại chỗ. Các thành viên làm chuồng bằng vật liệu thô sơ có ở địa phương và trồng cỏ voi, rau lang để cho thỏ ăn. Tới đầu tháng 8 đã có một con thỏ cái chửa.



#### Nuôi dê

Trong tháng 4 có hai hộ mới bắt đầu tham gia hoạt động nuôi. Các thành viên đề nghị với Dự án sử dụng dê địa phương và họ đã tự kiếm được mấy con dê ở trong làng. Rồi Dự án mua hai con dê cái và 1 con dê đực rồi chở đến địa điểm nuôi dê.

Cách nuôi dê ở đây khác với cách nuôi ở 2 thôn mẫu. Hai thành viên nuôi dê rào quanh một khu vực trên đám đất trồng bờ lờ và cho dê của họ ăn chung cỏ trong đó.



### Tiếp tục hoạt động đã khởi đầu từ năm 2006 hoặc 2007

Có bốn (4) hoạt động khởi đầu từ năm 2006 và mười (10) hoạt động bắt đầu năm 2007. Sau đây là bảng tổng hợp sự thay đổi về số lượng hộ tham gia 14 hoạt động này:

|                                                       | Số Hộ bắt đầu từ năm 2006 | Số hộ bắt đầu từ năm 2007 | Số hộ bắt đầu từ năm 2008 | Số hộ ngừng tham gia | Số hộ tham gia đến tháng 8/ 2008 |
|-------------------------------------------------------|---------------------------|---------------------------|---------------------------|----------------------|----------------------------------|
| Nuôi trâu bò                                          | 2 * <sub>1</sub>          | 16 * <sub>2</sub>         | 0                         | 0                    | 18                               |
| Nuôi lợn nái                                          | 3                         | 4                         | 0                         | 1                    | 6                                |
| Nuôi cá                                               | 2                         | 6                         | 1                         | 1                    | 8                                |
| Làm phân trộn                                         | 1                         | 2                         | 7                         | 0                    | 10                               |
| Nuôi lợn đực                                          |                           | 1                         | 0                         | 0                    | 1                                |
| Nuôi lợn lai F1                                       |                           | 5                         | 0                         | 2                    | 3                                |
| Nuôi vịt                                              |                           | 18                        | 0                         | 11                   | 7                                |
| Trồng rau vườn nhà                                    |                           | 10                        | 6                         | 4                    | 12                               |
| Trồng cây ăn quả                                      |                           | 10                        | 8                         | 0                    | 18                               |
| Trồng tre                                             |                           | 7                         | 0                         | 4                    | 3                                |
| Trồng bởi lời                                         |                           | 11                        | 7                         | 0                    | 18                               |
| Trồng cây quế                                         |                           | 1                         | 4                         | 0                    | 5                                |
| Nông lâm kết hợp trên đất dốc                         |                           | 1                         | 0                         | 0                    | 1                                |
| Dùng phân trộn/ phân hóa học bón ruộng * <sub>3</sub> |                           | 10                        | 0                         | 7                    | 3                                |

Các hộ ngừng hoạt động: Tất cả các hộ bị chết con vật nuôi hoặc cây trồng trước kết thúc tháng 7 năm 2008.

\*<sub>1</sub> Hỗ trợ làm chuồng bò.

\*<sub>2</sub> Kể cả người nuôi bò cái (3), người nuôi bò đực (1), và các hộ được hỗ trợ làm chuồng (12).

\*<sub>3</sub> Bắt đầu ngay khi tập huấn.

### Nuôi trâu bò

Có bốn con bò (3 con bò cái để quay vòng,, 1 bò đực để phối giống) đã được cấp trong tháng 4-5 năm 2007. Kết quả sinh sản. Hai con bò cái được mang cấp ở thời điểm khác nhau, có một con đã chữa.

Kết quả sinh sản trong vòng từ tháng 4/ 2007 đến tháng 7/ 2008 (tính đến cuối tháng 7/ 2008)

|        | Cấp lúc đầu: | Sản sinh: | Chết: | S. lượng hiện nay |
|--------|--------------|-----------|-------|-------------------|
| Bò cái | 3            | 2 *       | 0     | 5                 |
| Bò đực | 1            | 0         | 0     | 1                 |

\* Giao trong tháng 8/ 2007 và tháng 2/ 2008.

### Nuôi lợn cái

Đến trước tháng 3 năm 2008 có 3 thành viên bị chết mất con lợn nái. Đến tháng 5, Dự án lại tiếp tục hỗ trợ cấp cho họ 3 con lợn nái nhỏ (lợn móng cái) để tiếp tục nuôi.



Cấp mới lợn cái móng cái để khởi đầu nuôi trở lại (tháng 5/ 2008)

Trog năm 2008, có ba con lợn nái đẻ 5 lứa tổng cộng 50 con lợn con trong đó 8 con được giao cho Ban Phát triển thôn. Kết quả sinh sản được tổng hợp sau đây:

Kết quả sinh sản trong năm 2008 (tháng 1 đến tháng 7) (tính đến đầu tháng 8/ 2008)

|           |         | Lứa đẻ: |            | Chết trước khi bàn giao | Số bàn giao cho Ban Phát triển thôn |
|-----------|---------|---------|------------|-------------------------|-------------------------------------|
|           |         | Tháng   | Số lượng   |                         |                                     |
| Lợn nái 1 | NT. Van | Tháng 1 | 11 lợn con | 6                       | 5                                   |
|           |         | Tháng 7 | 14         | 2                       | Chưa                                |
| Lợn nái 2 | Y Huong | Tháng 2 | 8          | 8                       | 0                                   |
|           |         | Tháng 7 | 8          | 8                       | 0                                   |
| Lợn nái 3 | A Thay  | Tháng 4 | 9          | 2                       | 3                                   |
| Tổng cộng |         |         | 50         | 26                      | 8                                   |

#### Nuôi lợn đực

Con lợn đực đã được phối với hai con lợn nái Dự án và cả hai con đều đã chữa trong năm 2007. Trong năm 2008, tính đến nay con lợn đực này cũng đã phối thành công với 3 con lợn nái khác của Dự án.

#### Nuôi lợn lai F1

Trong năm 2007, có 9 con lợn con đã được bàn giao cho Ban Phát triển thôn, trong đó có 5 con đã bán cho các hộ để nuôi. Năm 2008, tính đến nay đã có 8 con lợn con đã được các hộ nuôi lợn bàn giao cho Ban Phát triển thôn. \* con lợn đã được các chủ nuôi nái mua lại.

#### Nuôi vịt

Tháng 4 năm 2007 có 18 hộ khởi đầu nuôi với tổng số là 78 con vịt. Đến tháng 8 năm 2008, 11 hộ bị mất hết con vịt đã được cấp.

#### Nuôi cá

Năm 2008 có hai hộ mới đăng ký tham gia hoạt động nuôi cá, nhưng đến nay mới có một hộ đã thật sự đi vào hoạt động, đã bắt cá con từ một cái ao khác để nuôi. Dự án chỉ hỗ trợ ống PVC, bao cát, và hướng dẫn đào ao.



Hai người trong làng đã thuê người đào ao to ; một người đào trong tháng 3 và người kia trong tháng 7. Đây là trường hợp nuôi không có sự hỗ trợ của Dự án.



Địa điểm ao cá của ông N.T. Van (tháng 3/ 2008)



Ao cá của A Thanh (tháng 7/ 2008)

### Trồng rau vườn nhà

Trong năm 2008, đến nay đã 6 hộ mới đăng lý tham gia hoạt động trồng rau. Dự án cung cấp hạt giống, vôi, thùng tưới và xúc tác viên xã (CF) hướng dẫn kỹ thuật làm.

### Nông lâm kết hợp trên đất dốc

Một hộ đã làm nhiều để lập nên một hệ thống trồng xen các loại cây trồng.

Năm 2007, các loại hạt giống cây trồng dọc hàng rào như *Brachiaria brizantha*, *Flemingia macrophylla* and *Leucaena leucocephala* đã được gieo xuống vào tháng 5 - tháng 6. Nhưng hầu hết hạt vừa mới gieo và mầm mới mọc đều bị gà ăn hết, cuối cùng đã thất bại, cây trồng làm rào đã không lên được.

Rút ra bài học từ thất bại đó, trong năm 2008, một loại cây khác gà không ăn được, cây *Cốt khí candida*, đã được trồng thay thế. Hạt gieo vào tháng 5 năm 2008. Khoảng cách từ hàng cây mì hơi quá gần nhưng nó cũng mọc tốt. Các loại cây thức ăn cho gia súc như cỏ guinea và *Stylosanthes guianensis*, gieo năm 2007 dọc theo chân đồi đã bám rễ và phát triển mạnh.



Chuẩn bị vị trí để trồng cây hàng rào (22/ 4)



Hạt Cốt khí đã nảy mầm (26/ 5)



Cây Cốt khí đang phát triển tốt (24/ 7)

### Trồng cây ăn quả

Năm 2007 có 10 hộ trồng 4 loại cây ăn quả với tổng cộng 200 cây con giống. Năm 2008, có 8 hộ trồng ba loại cây, tổng cộng 64 cây con vào tháng 7 sau khi đã có đủ lượng mưa cho cây khởi bị chết.

Loại cây và số lượng cây ăn quả đã trồng sống sót

|                                | Cam | Soài | Mít | Nhãn | Tổng cộng |
|--------------------------------|-----|------|-----|------|-----------|
| Trồng năm 2007:                |     |      |     |      |           |
| Cây con cấp/ trồng             | 50  | 50   | 50  | 50   | 200       |
| Cây còn sống đến tháng 1/ 2008 | 46  | 49   | 50  | 13   | 158       |
| Cây con sống tới tháng 7/ 2008 | 35  | 32   | 32  | 4    | 103       |
| Trồng năm 2008:                |     |      |     |      |           |
| Cây con cấp/ trồng             | 16  | 24   | 24  | ---  | 64        |

### Trồng tre

Tháng 7 năm 2007 đã trồng 315 cây con giống tre “Bat Do” (*Dendrocalamus latiflorus*) nhưng nhiều cây không bén rễ. Chỉ khoảng 30 cây còn sống sót và hiện nay cao khoảng 1,5-2m. Năm 2008 không trồng cây nào cả.



Tháng 1/ 2008



Tháng 7/ 2008

### Trồng cây bời lời

Trong năm 2007, Dự án đã cấp cây con giống bời lời để trồng. Năm 2008, dân bản quyết định tự ương giống. Có 10 hộ tham gia, được chia thành hai nhóm (hai vườn ương).

Dự án hỗ trợ cho hạt, túi ny lông, lưới để che mát, tấm bạt ny lông và hàng loạt các cuộc tập huấn về lập và quản lý vườn ươm.

Dưới sự hướng dẫn của giảng viên tháng 1 đã làm được tất cả là 3,000 bầu ươm hạt. Đến cuối tháng 7 và đầu tháng 8 đã đem trồng được tất cả là 2.500 cây con.



Nhóm 1 (Vườn ươm của A Thanh) Bên trái: ngày 22/ 4 , bên phải: ngày 26 / 5



Nhóm 2 (vườn ươm của A Duong) Bên trái: ngày 14/ 5, Bên phải: ngày 23/ 6

|        | Số hộ | Số bầu đã làm<br>(trồng) | Ngày trồng cây<br>con | Số cây con đã<br>trồng |
|--------|-------|--------------------------|-----------------------|------------------------|
| Nhóm 1 | 4     | 1400                     | đầu tháng 8           | 1200                   |
| Nhóm 2 | 6     | 1600                     | Cuối tháng 7          | 1300                   |

### Trồng cây quế

Trong tháng 7 bốn hộ đã trồng được 400 cây con. Các cây con giống đã được mua từ một vườn ươm ở tỉnh Quảng Ngãi. Các cây con không trồng trong bầu (bì ny lông) mà nhổ lên bán (có nghĩa là rễ lộ ra ngoài). Ngay khi đưa về đến làng, cây con đã được trồng ngay. Tuy nhiên do thời tiết nóng khô, nhiều cây con (khoảng 60-70%) đã chết.

### **3.1.2 Kế hoạch tập huấn kĩ thuật**

Tập huấn kĩ thuật dành cho nhiều hoạt động đã được tiến hành tại các thôn mô hình theo kế hoạch tập huấn kĩ thuật trong quá trình thực hiện dự án (năm tài khóa Nhật Bản 2006, 2007, 2008). Dưới đây là bảng tóm tắt những vấn đề liên quan đến công việc tập huấn kĩ thuật.



Bảng 3.1.5 Tóm tắt các đợt tập huấn được tổ chức trong quá trình thực hiện dự án

| Các hoạt động                                | Năm  | Huyện Kon Plong |                   |                  |                   |               |                   | Huyện Kon Rẫy |                   |                 |                   | Tổng cộng |                   |
|----------------------------------------------|------|-----------------|-------------------|------------------|-------------------|---------------|-------------------|---------------|-------------------|-----------------|-------------------|-----------|-------------------|
|                                              |      | Xã Pờ Ê         |                   | xã Hiếu          |                   | Xã Ngọc Tem   |                   | Xã Đăk Pnê    |                   | Xã Đăk Kôi      |                   |           |                   |
|                                              |      | Thôn Kon K Tau  |                   | Thôn Vi Chi Rìng |                   | Thôn Nước Nốt |                   | Thôn Kon Tuc  |                   | Thôn Tu Ro Bang |                   |           |                   |
|                                              |      | Số ngày         | Số người tham gia | Số ngày          | Số người tham gia | Số ngày       | Số người tham gia | Số ngày       | Số người tham gia | Số ngày         | Số người tham gia | Số ngày   | Số người tham gia |
| Nuôi gia súc                                 | 2006 | 5               | 20                | 5                | 8                 |               |                   |               |                   | 5               | 18                | 15        | 46                |
|                                              | 2007 | 4               | 17                | 7                | 15                | 5             | 82                |               |                   | 7               | 34                | 23        | 148               |
|                                              | 2008 |                 |                   |                  |                   |               |                   | 2             | 11                |                 |                   | 2         | 11                |
|                                              | Tổng | 9               | 37                | 12               | 23                | 5             | 82                | 2             | 11                | 12              | 52                | 40        | 205               |
| Nuôi trâu                                    | 2006 | 15              | 23                |                  |                   |               |                   |               |                   |                 |                   | 15        | 23                |
|                                              | 2007 | 2               | 10                | 4                | 10                |               |                   |               |                   |                 |                   | 6         | 20                |
|                                              | 2008 |                 |                   |                  |                   |               |                   |               |                   |                 |                   |           |                   |
|                                              | Tổng | 17              | 33                | 4                | 10                |               |                   |               |                   |                 |                   | 21        | 43                |
| Nuôi heo nái                                 | 2006 | 6               | 12                | 6                | 17                |               |                   | 4             | 43                | 7               | 20                | 23        | 92                |
|                                              | 2007 | 3               | 7                 | 3                | 8                 | 5             | 57                | 2             | 10                | 3               | 19                | 16        | 101               |
|                                              | 2008 |                 |                   |                  |                   |               |                   |               |                   |                 |                   |           |                   |
|                                              | Tổng | 9               | 19                | 9                | 25                | 5             | 57                | 6             | 53                | 10              | 39                | 39        | 193               |
| Nuôi heo F1                                  | 2007 | 3               | 16                |                  |                   |               |                   |               |                   | 3               | 16                | 6         | 32                |
|                                              | 2008 |                 |                   |                  |                   | 2             | 34                |               |                   |                 |                   | 2         | 34                |
|                                              | 2009 |                 |                   |                  |                   |               |                   |               |                   |                 |                   |           |                   |
|                                              | Tổng | 3               | 16                |                  |                   | 2             | 34                |               |                   | 3               | 16                | 8         | 66                |
| Nuôi dê                                      | 2006 |                 |                   |                  |                   |               |                   | 3             | 12                |                 |                   | 3         | 12                |
|                                              | 2007 |                 |                   |                  |                   | 4             | 32                | 3             | 17                |                 |                   | 7         | 49                |
|                                              | 2008 |                 |                   |                  |                   |               |                   |               |                   | 3               | 6                 | 3         | 6                 |
|                                              | Tổng |                 |                   |                  |                   | 4             | 32                | 6             | 29                | 3               | 6                 | 13        | 67                |
| Nuôi thỏ                                     | 2007 |                 |                   |                  |                   | 6             | 39                | 5             | 15                |                 |                   | 11        | 54                |
|                                              | 2008 |                 |                   |                  |                   | 3             | 15                |               |                   | 3               | 11                | 6         | 26                |
|                                              | 2009 |                 |                   |                  |                   |               |                   |               |                   |                 |                   |           |                   |
|                                              | Tổng |                 |                   |                  |                   | 9             | 54                | 5             | 15                | 3               | 11                | 17        | 80                |
| Nuôi vịt                                     | 2007 | 3               | 31                | 3                | 18                | 3             | 100               | 3             | 78                | 3               | 35                | 15        | 262               |
|                                              | 2008 |                 |                   |                  |                   |               |                   |               |                   |                 |                   |           |                   |
|                                              | 2009 |                 |                   |                  |                   |               |                   |               |                   |                 |                   |           |                   |
|                                              | Tổng | 3               | 31                | 3                | 18                | 3             | 100               | 3             | 78                | 3               | 35                | 15        | 262               |
| Nuôi cá                                      | 2006 | 1               | 4                 | 4                | 6                 |               |                   | 6             | 22                | 4               | 8                 | 15        | 40                |
|                                              | 2007 | 6               | 18                | 4                | 20                | 1             | 24                | 7             | 41                | 5               | 31                | 23        | 134               |
|                                              | 2008 | 3               | 15                | 2                | 8                 |               |                   | 1             | 6                 |                 |                   | 6         | 29                |
|                                              | Tổng | 10              | 37                | 10               | 34                | 1             | 24                | 14            | 69                | 9               | 39                | 44        | 203               |
| Canh tác trên đất dốc                        | 2006 | 5               | 5                 | 5                | 5                 |               |                   | 6             | 18                |                 |                   | 16        | 28                |
|                                              | 2007 |                 |                   |                  |                   |               |                   |               |                   |                 |                   |           |                   |
|                                              | 2008 |                 |                   |                  |                   |               |                   |               |                   |                 |                   |           |                   |
|                                              | Tổng | 5               | 5                 | 5                | 5                 |               |                   | 6             | 18                |                 |                   | 16        | 28                |
| Trồng lúa (một vụ)                           | 2006 | 59              | 84                |                  |                   |               |                   |               |                   |                 |                   | 59        | 84                |
|                                              | 2007 | 12              | 12                |                  |                   |               |                   |               |                   |                 |                   | 12        | 12                |
|                                              | 2008 |                 |                   |                  |                   |               |                   |               |                   |                 |                   |           |                   |
|                                              | Tổng | 71              | 96                |                  |                   |               |                   |               |                   |                 |                   | 71        | 96                |
| Trồng lúa nước Sử dụng phân hóa học, phân ủ) | 2006 |                 |                   |                  |                   |               |                   |               |                   | 2               | 19                | 2         | 19                |
|                                              | 2007 |                 |                   |                  |                   |               |                   |               |                   |                 |                   |           |                   |
|                                              | 2008 |                 |                   |                  |                   |               |                   |               |                   |                 |                   |           |                   |
|                                              | Tổng |                 |                   |                  |                   |               |                   |               |                   | 2               | 19                | 2         | 19                |
| Trồng cây keo                                | 2006 |                 |                   |                  |                   | 17            | 85                |               |                   |                 |                   | 17        | 85                |
|                                              | 2007 |                 |                   |                  |                   |               |                   |               |                   |                 |                   |           |                   |
|                                              | 2008 |                 |                   |                  |                   |               |                   |               |                   |                 |                   |           |                   |
|                                              | Tổng |                 |                   |                  |                   | 17            | 85                |               |                   |                 |                   | 17        | 85                |
| Trồng Cau                                    | 2007 |                 |                   |                  |                   | 3             | 138               |               |                   |                 |                   | 3         | 138               |
|                                              | 2008 |                 |                   |                  |                   |               |                   |               |                   |                 |                   |           |                   |
|                                              | 2009 |                 |                   |                  |                   |               |                   |               |                   |                 |                   |           |                   |
|                                              | Tổng |                 |                   |                  |                   | 3             | 138               |               |                   |                 |                   | 3         | 138               |
| Trồng bời lời                                | 2007 |                 |                   |                  |                   |               |                   | 3             | 88                | 3               | 23                | 6         | 111               |
|                                              | 2008 |                 |                   |                  |                   |               |                   | 5             | 63                | 5               | 25                | 10        | 88                |
|                                              | 2009 |                 |                   |                  |                   |               |                   |               |                   |                 |                   |           |                   |
|                                              | Tổng |                 |                   |                  |                   |               |                   | 8             | 151               | 8               | 48                | 16        | 199               |
| Làm vườn                                     | 2007 | 3               | 9                 |                  |                   |               |                   |               |                   | 2               | 2                 | 5         | 11                |
|                                              | 2008 |                 |                   |                  |                   |               |                   |               |                   |                 |                   |           |                   |
|                                              | 2009 |                 |                   |                  |                   |               |                   |               |                   |                 |                   |           |                   |
|                                              | Tổng | 3               | 9                 |                  |                   |               |                   |               |                   | 2               | 2                 | 5         | 11                |
| Cumulative - Lũy                             |      | 130             | 283               | 43               | 115               | 49            | 606               | 50            | 424               | 55              | 267               | 327       | 1,695             |

Vui lòng tham khảo Báo cáo tiến độ (2) và (3) để biết thêm chi tiết về các đợt tập huấn kỹ thuật trong các năm tài khóa Nhật Bản 2006 và 2007. Trong bảng 3.1.5, số lượng các đợt tập huấn được tổ chức và số người tham gia đã được đếm lại và những thông tin sai lệch trước đây đã được chỉnh sửa. Do vậy, các con số có thể không giống với các con số trong Báo cáo tiến độ (2) và (3). Dưới đây là chi tiết về các đợt tập huấn kỹ thuật trong năm tài khóa Nhật Bản 2008.

## **(1) Tập huấn tại chỗ cho các kĩ thuật thực hành - Field training for practical techniques**

Tập huấn được thực hiện theo phương thức cầm tay chỉ việc nhằm nâng cao các kĩ năng thực hành của dân làng để họ có thể thực hiện các hoạt động theo kế hoạch canh tác bền vững.

- 1) Trồng bờ lờ (chuẩn bị cây giống)  
Hướng dẫn các kĩ thuật chăm sóc cây giống (tưới nước, làm cỏ, sắp xếp bầu, bón phân và chuẩn bị trồng)
- 2) Nuôi gia súc lớn: có các hướng dẫn các kĩ thuật như sau:
  - i. Chăm sóc: các phương pháp chăm sóc hàng ngày, chăm sóc gia súc trong các điều kiện thời tiết khác nhau.
  - ii. Phương thức cho ăn: các phương pháp cho ăn trong các giai đoạn phát triển khác nhau.
  - iii. Gây giống: các phương pháp và kĩ năng phối giống (thụ tinh nhân tạo...)
  - iv. Chăm sóc trước khi sinh và đỡ đẻ: chăm sóc bò có mang, cách đỡ đẻ
  - v. Chăm sóc bê con và bò mẹ: cho ăn và phòng bệnh cho bê, phương pháp cai sữa, chăm sóc bò mẹ sau khi sinh.
  - vi. Đau ốm và bệnh tật: cách phát hiện bệnh trong giai đoạn khởi phát
- 3) Chăm sóc heo (heo F1): có các hướng dẫn các kĩ thuật như sau:
  - i. Chăm sóc: chăm sóc heo trong các điều kiện thời tiết khác nhau.
  - ii. Phương thức cho ăn: cho ăn tùy theo từng giai đoạn phát triển
  - iii. Gây giống: cách phát hiện dấu hiệu động dục, cách phối giống (thụ tinh nhân tạo, phối giống trực tiếp).
  - iv. Chăm sóc trước khi sinh và đỡ đẻ: chăm sóc heo nái trước và sau khi đẻ
  - v. Chăm sóc heo con và heo mẹ: chăm sóc heo con, các kĩ năng cần thiết, phương pháp cai sữa, chăm sóc heo mẹ sau khi đẻ.
  - vi. Đau ốm và bệnh tật: phòng bệnh và phát hiện sớm các dấu hiệu nhiễm bệnh.
- 4) Nuôi dê: có các hướng dẫn các kĩ thuật như sau:
  - i. Phương thức nuôi: chăm sóc dê trong từng giai đoạn phát triển khác nhau.
  - ii. Làm chuồng và dọn vệ sinh chuồng
  - iii. Phương thức cho ăn: cho ăn tùy theo từng giai đoạn phát triển
  - iv. Cột (khi ăn)
  - v. Gây giống
  - vi. Chăm sóc dê non
  - vii. Chăm sóc dê trưởng thành
  - viii. Phòng bệnh
- 5) Nuôi thỏ: có các hướng dẫn các kĩ thuật như sau:
  - i. Chăm sóc nói chung, bắt thỏ đúng cách, làm vệ sinh, chăm sóc sức khỏe và phối giống
  - ii. Chăm sóc thỏ con và cai sữa
  - iii. Nuôi dê con, xác định con đực con cái, thay thế con đực/cái trưởng thành
- 6) Nuôi cá: có các hướng dẫn các kĩ thuật như sau:
  - i. Làm ao cá: các kĩ năng đắp bờ ao, dẫn nước và tháo nước, bổ sung các chất hóa học ... để chuẩn bị làm ao.

- ii. Nuôi cá: Chuẩn bị ao với các điều kiện phù hợp, cho cá ăn tùy theo các giai đoạn phát triển, phòng bệnh, ngăn chặn các con vật có thể ăn cá.

## (2) Tập huấn thông qua các chuyến tham quan đến các thôn khác

### 1) Tham quan các thôn tiên tiến

Trong năm tài khóa Nhật Bản 2008, không tổ chức được chuyến tham quan nào đến thôn tiên tiến.

### 2) Các chuyến tham quan học hỏi lẫn nhau giữa các thôn

Các chuyến tham quan học hỏi lẫn nhau được tổ chức kết hợp với các cuộc họp hàng quý. Các đối tượng tham gia có cơ hội nhìn thấy các hoạt động đang được thực hiện và cách thức thực hiện các hoạt động đó tại thôn chủ nhà. Trong năm tài khóa Nhật Bản 2008, các chuyến tham quan học hỏi lẫn nhau được tổ chức tại các thôn sau:

- Thôn Kon K Tau, xã Pờ Ê: 28/4/2008

- Thôn Kon Tuc, xã Đăk Pnê: 15/7/2008

## (3) Các đợt tập huấn được tổ chức cho mỗi thôn mô hình (tính đến 31/8/2008)

### 1) Thôn Kon K Tau, xã Pờ Ê

| Hoạt động |                                    | Thời gian   | Số người tham gia | Tập huấn viên              |
|-----------|------------------------------------|-------------|-------------------|----------------------------|
| Nuôi cá   | Xử lý nước và bệnh                 | 13/4 /2008  | 4                 | Nguyen Duc Nguyen Duc Luan |
|           | Cho thêm cá con vào và chăm sóc cá | 25 /5 /2008 | 5                 | Nguyen Duc Nguyen Duc Luan |
|           | Cho ăn, phòng bệnh cho cá          | 28/ 5/2008  | 6                 | Pham Quoc Long             |

### 2) Thôn Vichiring, xã Hiếu :

| Hoạt động |                     | Thời gian | Số lượng người tham gia | Tập huấn viên   |
|-----------|---------------------|-----------|-------------------------|-----------------|
| Nuôi cá   | Chuẩn bị ao         | 13/4/2008 | 3                       | Nguyen Duc Luan |
|           | Chăm sóc cá, cho ăn | 28/5/2008 | 5                       | Pham Quoc Long  |

### 3) Thôn Nước Nốt, xã Ngọc Tem

| Hoạt động   |                             | Thời gian | Số lượng người tham gia | Tập huấn viên |
|-------------|-----------------------------|-----------|-------------------------|---------------|
| Nuôi heo F1 | Cho ăn, làm vệ sinh         | 15/4/2008 | 10                      | Tran Dinh Quy |
|             | Phòng các bệnh thông thường | 16/4/2008 | 24                      | Tran Dinh Quy |
| Nuôi thỏ    | Chuẩn bị chuồng             | 7/6/2008  | 5                       | Tran Dinh Phu |
|             | Cho ăn                      | 3/7/2008  | 5                       | Tran Dinh Phu |
|             | Phối giống                  | 7/8/2008  | 5                       | Tran Dinh Phu |

4) Thôn Kon Tuc , xã Đắk Pné

| Hoạt động     |                                    | Thời gian | Số lượng người tham gia | Tập huấn viên   |
|---------------|------------------------------------|-----------|-------------------------|-----------------|
| Nuôi gia súc  | Làm chuồng, chuẩn bị thức ăn       | 12/6/2008 | 7                       | Dang Ngoc Chi   |
|               | Phối giống, đỡ đẻ                  | 11/7/2008 | 4                       | Dang Ngoc Chi   |
| Nuôi cá       | Chăm sóc cá con                    | 5/7/2008  | 6                       | Nguyen Duc Luan |
| Trồng Bời lời | Chuẩn bị đất và vườn ươm           | 11/4/2008 | 13                      | Ho Duc Huy      |
|               | Chuẩn bị cây giống                 | 23/4/2008 | 13                      | Ho Duc Huy      |
|               | Chăm sóc, bón phân                 | 2/5/2008  | 13                      | Ho Duc Huy      |
|               | Chăm sóc, bón phân                 | 14/5/2008 | 13                      | Ho Duc Huy      |
|               | Huấn luyện cây con trước khi trồng | 30/5/2008 | 11                      | Ho Duc Huy      |

5) Thôn Tu Ro Bang , xã Đắk Kôi

| Hoạt động     |                                    | Thời gian | Số lượng người tham gia | Tập huấn viên |
|---------------|------------------------------------|-----------|-------------------------|---------------|
| Nuôi dê       | Chuẩn bị chuồng, cho ăn            | 6/6/2008  | 2                       | Dang Ngoc Chi |
|               | Cho ăn                             | 13/6/2008 | 2                       | Dang Ngoc Chi |
|               | Phòng các bệnh thông thường        | 20/6/2008 | 2                       | Dang Ngoc Chi |
| Nuôi thỏ      | Chuẩn bị chuồng                    | 5/6/2008  | 5                       | Le Kim Tinh   |
|               | Cho ăn                             | 8/7/2008  | 5                       | Le Kim Tinh   |
|               | Phối giống                         | 11/8/2008 | 1                       | Le Kim Tinh   |
| Trồng Bời lời | Chuẩn bị đất và vườn ươm           | 15/4/2008 | 5                       | Ho Duc Huy    |
|               | Chuẩn bị cây giống                 | 29/4/2008 | 5                       | Ho Duc Huy    |
|               | Chăm sóc, bón phân                 | 7/5/2008  | 4                       | Ho Duc Huy    |
|               | Chăm sóc, bón phân                 | 22/5/2008 | 4                       | Ho Duc Huy    |
|               | Huấn luyện cây con trước khi trồng | 18/6/2008 | 7                       | Ho Duc Huy    |

**(4) Khái quát về kế hoạch tập huấn kỹ thuật cho đợt thứ 3**

Các đợt tập huấn kỹ thuật trong năm tài khóa Nhật Bản 2008 chủ yếu dành cho những dân làng mới tham gia các hoạt động của dự án trong năm nay, nhưng đó có thể là một cơ hội tốt để những người đã và đang tham gia các hoạt động dự án từ năm trước có dịp xem lại những kỹ thuật để ứng dụng vào các hoạt động họ đang thực hiện và do vậy họ cũng được khuyến khích tham gia. Giống như những năm trước, lịch trình của mỗi phần tập huấn phải tương ứng với tiến độ của hoạt động liên quan để các chủ đề tập huấn có thể được áp dụng ngay lập tức vào hiện trường các hoạt động. Bên cạnh đó, các bài học kinh nghiệm được rút ra từ các khó khăn mà dân làng đã phải đương đầu trong những năm trước cũng được phản ánh trong nội dung tập huấn năm nay. Vì công việc tập huấn được hoàn thành cách đây cũng chưa lâu nên có thể không dễ dàng nhận thấy hiệu quả của tập huấn vào giai đoạn này, nhưng đã xuất hiện một số tác động rõ rệt. Trên hết, dân làng đã và đang sử dụng kỹ thuật mà họ đã học được từ các buổi tập huấn kỹ thuật để thực hiện các hoạt động. Những hiệu quả rõ nét của các buổi tập huấn tổ chức trong năm nay có thể được tóm tắt như sau.

1) Trồng bời lời: Không giống như năm trước người làng được cung cấp cây Bời lời giống, năm nay

họ tự chuẩn bị cây giống. Mặc dù có một số cây giống bị sâu bệnh, nhưng một số lượng đáng kể cây giống cuối cùng cũng đã đạt yêu cầu và đã phân phát cho những người tham gia; sau đó những người tham gia trồng các cây giống này lên đất của họ.

- 2) Nuôi gia súc: dân thôn Kon Tuc (xã Đak Pne) đã không nuôi gia súc trong chuồng mà nuôi bằng cách chăn thả. Điều này gây nên thiệt hại đáng kể cho cây trồng nói chung và là một trong những vấn đề nghiêm trọng của thôn. Vì được tập huấn, dân làng bắt đầu nhốt gia súc trong chuồng, và đó cũng là cách để họ dễ dàng lấy phân để làm phân ủ.
- 3) Nuôi heo: các buổi tập huấn tập trung vào những người nuôi heo F1- những người đã mua heo từ ban phát triển thôn tại mỗi thôn mẫu. Những người tham gia đã học cách nuôi heo trong chuồng do họ tự làm từ các vật liệu tại địa phương và bê tông do dự án hỗ trợ.
- 4) Nuôi dê: Những người tham gia đã học cách chăm sóc dê, bao gồm việc làm chuồng, cho ăn, phòng bệnh... Trong năm 2008 đã có dê con ra đời.
- 5) Nuôi thỏ: Dân làng không quen với việc nuôi nhốt thỏ trong chỗ quây rào kín và một vài người trong số họ đã thất bại trong việc này (thỏ chết vì bệnh hay và những nguyên nhân khác). Xác định được nguyên nhân chủ yếu của việc thỏ chết là do mất vệ sinh, nên dân làng được hướng dẫn để quan tâm hơn đến điều kiện sống của chuồng thỏ.
- 6) Nuôi cá: Các kỹ năng nuôi cá của dân làng đã được cải thiện; mọi người làm vệ sinh cẩn thận ao cá của mình và chăm sóc cá tốt.

### 3.2 Thực hiện kế hoạch nâng cao năng lực

Kế hoạch nâng cao năng lực gồm có 1) tổ chức các khóa tập huấn, và 2) tập huấn cầm tay chỉ việc trong công việc hàng ngày. Theo đó, dự án đã tổ chức nhiều khóa tập huấn trong suốt quá trình thực hiện dự án dựa trên kế hoạch nâng cao năng lực. Dưới đây là bảng tóm tắt các khóa tập huấn.

Bảng 3.2.1 Danh sách các khóa tập huấn về nâng cao năng lực

| Tên khóa tập huấn                                                            | Thời gian      | Thành phần tham gia và số lượng                                                                                                                                                            | Nhận xét                                                                    |
|------------------------------------------------------------------------------|----------------|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-----------------------------------------------------------------------------|
| Chuyến tham quan nghiên cứu sơ bộ                                            | 9 - 12/11/2005 | Số lượng: 34<br>Thành phần tham gia: Đại diện 5 thôn mô hình, cán bộ Ủy ban nhân dân xã, cán bộ Ủy ban nhân dân huyện, cán bộ Tỉnh, chuyên gia Nhật Bản, cán bộ dự án JICA, và cán bộ RDSC | Xem mục 3.2 trong Báo cáo tiến độ (1) để biết chi tiết                      |
| Tập huấn sơ bộ về việc chuẩn bị cho kế hoạch cải thiện sinh kế               | 16-18/11/2005  | Số lượng: 16<br>Thành phần tham gia: Đại diện 5 thôn mô hình, cán bộ ủy ban nhân dân xã, Cán bộ Sở nông nghiệp và phát triển nông thôn tỉnh Kontum                                         | Xem mục 3.3 và phần phụ lục 3 trong Báo cáo tiến độ (1) để biết chi tiết.   |
| Tập huấn về lập kế hoạch, giám sát và đánh giá có sự tham gia của cộng đồng, | 7 -15/12/2006  | Số lượng: 5<br>Thành phần tham gia: CF                                                                                                                                                     | Xem mục 3.2.2 và phần phụ lục 3 trong Báo cáo tiến độ (2) để biết chi tiết. |

| Tên khóa tập huấn                                              | Thời gian       | Thành phần tham gia và số lượng                                                                                                               | Nhận xét                                                                    |
|----------------------------------------------------------------|-----------------|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-----------------------------------------------------------------------------|
| Tập huấn về kỹ năng hỗ trợ                                     | 2-4/2/2007      | Số lượng: 16<br>Thành phần tham gia: CF, cán bộ dự án JICA, cán bộ Khuyến nông xã, Chi cục lâm nghiệp Kon Tum và tập huấn viên kỹ thuật dự án | Xem mục 3.2.3 và phần phụ lục 4 trong Báo cáo tiến độ (2) để biết chi tiết. |
| Tập huấn quản lý cho Ban phát triển thôn                       | 4 - 6/7/2007.   | Số lượng: 32<br>Thành phần tham gia: VDB và CF                                                                                                | Xem mục 3.2.2 và phần phụ lục 4 trong Báo cáo tiến độ (3) để biết chi tiết. |
| Hỗ trợ cho việc tăng cường công tác quản lý Ngân hàng vật nuôi | 24/11-3/12/2007 | Số lượng: 29<br>Thành phần tham gia: Các thành viên ban phát triển thôn và CF                                                                 | Xem mục 3.2.3 trong Báo cáo tiến độ (3) để biết chi tiết.                   |

Bên cạnh việc thực hiện các khóa tập huấn trên, tập huấn theo phương thức cầm tay chỉ việc trong quá trình thực hiện các công việc hàng ngày đã được thực hiện trong suốt dự án theo các chủ đề sau, chủ yếu là để tăng cường năng lực cho 5 CF được chỉ định cho mỗi thôn mẫu.

- 1) Cách thức làm báo cáo hàng tháng (bao gồm lịch hoạt động) và lập kế hoạch cho tháng tới vào thời gian cuối tháng trước và đầu tháng sau..
- 2) Nắm được các phương pháp tổ chức các hội thảo tại thôn hàng tháng để tăng tính độc lập và nâng cao động cơ của dân làng.
- 3) Nắm bắt được phương pháp trình bày hiệu quả hơn các hoạt động canh tác bền vững tại các thôn mô hình, sử dụng các tài liệu minh họa ở các cuộc hội thảo quý lần lượt tổ chức tại các xã, đi thăm các thôn mô hình
- 4) Nắm được các phương pháp lập kế hoạch có sự tham gia để lập kế hoạch cải thiện sinh kế (LIP) thông qua quá trình chuẩn bị LIP theo phương thức có sự tham gia tại các thôn khác (xem mục 3.9)

Bên cạnh đó, tập huấn RECOFTC cũng đã được tiến hành trong đợt thực hiện kế hoạch nâng cao năng lực (tham khảo tại mục 3.10 để biết nội dung tập huấn)

### 3.3 Hỗ trợ nâng cao năng lực tiếp thị cho dân làng

Việc nâng cao năng lực cho dân làng trong việc tiêu thụ nông lâm sản là một mục tiêu mong đợi của dự án. Để thực hiện điều này, dự án đã thực hiện hoạt động hỗ trợ để dân làng có thể lập kế hoạch tiêu thụ cho các sản phẩm của mình.

Để có thể thực hiện kế hoạch tiêu thụ nông sản thì trước tiên số lượng sản phẩm phải nhiều hơn mức tiêu dùng cho bản thân. Tuy nhiên, sản xuất nông nghiệp ở các thôn dự án hiện nay vẫn mang tính chất tự cung tự cấp là chủ yếu. Các sản phẩm mới do dự án đưa vào như heo, vịt xiêm và cá hiện vẫn chưa nhiều và chỉ có thể đáp ứng nhu cầu tiêu dùng của hộ và tiêu thụ trong thôn. Có thể nói các điều kiện để thực hiện kế hoạch tiêu thụ nông sản chưa sẵn sàng.



Trong hoàn cảnh trên, thay vì xây dựng kế hoạch marketing, dự án đã thực hiện việc đào tạo cho dân làng về kiến thức và kỹ năng marketing cơ bản, cũng như giúp họ xây dựng “tầm nhìn trong việc bán hàng trong tương lai”. Những khó khăn trong việc xây dựng kế hoạch marketing ở các thôn dự án được đề cập trong chương 6.3 của Báo cáo tiến độ (3).

Các khóa đào tạo về marketing được cung cấp cho các đối tượng là dân làng và cán bộ xã. Toàn bộ các khóa huấn luyện được thể hiện ở bảng sau:

Bảng 3.3.1 Danh sách các lớp đào tạo nâng cao năng lực tiếp thị

| Tên khóa học                                                                                                                                   | Thời gian           | Số học viên                                                                                                             | Ghi chú                                                               |
|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------------------|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-----------------------------------------------------------------------|
| <b>(1) Đào tạo cho cán bộ địa phương:</b>                                                                                                      |                     |                                                                                                                         |                                                                       |
| Kiến thức kinh tế và tiếp thị cơ bản, đánh giá cơ hội thị trường trong việc tiêu thụ nông sản cho dân làng                                     | August 21–24/8/2007 | Số học viên: 18<br>Đối tượng: toàn bộ CF, cán bộ của Sở NN&PTNT Kon Tum, UBND huyện, xã và đại diện ban phát triển thôn | Xem chi tiết trong chương 3.3 và Phụ lục 5 trong Báo cáo tiến độ (3). |
| Tập huấn nâng cao năng lực cho cán bộ CF, chuẩn bị đào tạo cho dân làng                                                                        | 14/5/2008           | Số học viên: 5<br>Đối tượng: toàn bộ CF                                                                                 | Xem chi tiết trong phần dưới                                          |
| <b>(2) Đào tạo cho dân làng về kiến thức kinh doanh và tiếp thị cơ bản để đáp ứng nhu cầu tiêu thụ nông sản từ các thôn dự án <sup>1</sup></b> |                     |                                                                                                                         |                                                                       |
| Đào tạo cho dân làng tại thôn Tu Rơ Bông (xã Dak Koi)                                                                                          | 22-24/2/2008        | Số lượng: 14<br>Đối tượng: dân làng, cán bộ của UBND xã, ban quản lý các dự án lâm nghiệp, thương lái, CF               | Xem chi tiết trong chương 3.3 và Phụ lục 5 trong Báo cáo tiến độ (3). |
| Đào tạo cho dân làng tại thôn Kon Tuc (xã Dak Phe)                                                                                             | 16-18/5/2008        | Số lượng : 13<br>Đối tượng: dân làng, cán bộ UBND xã, CF                                                                | Xem chi tiết ở phần dưới và Phụ lục 3                                 |
| Đào tạo cho dân làng tại thôn Kon Ktau xã (Po E)                                                                                               | 19-21/5/2008        | Số lượng: 14<br>Đối tượng: dân làng, cán bộ UBND xã, CF                                                                 | Xem chi tiết ở phần dưới và Phụ lục 3                                 |
| Đào tạo cho dân làng tại thôn Nuoc Not (xã Ngọc Tem)                                                                                           | 16-18/6/2008        | Số lượng : 13<br>Đối tượng: dân làng, cán bộ UBND xã, CF                                                                | Xem chi tiết ở phần dưới và Phụ lục 3                                 |

Như đã trình bày ở bảng trên, vui lòng xem chi tiết về các hoạt động đào tạo trong năm tài chính 2007 tại Báo cáo tiến độ (3). Nội dung và kết quả của các hoạt động đào tạo của năm tài chính 2008 được trình bày dưới đây.

<sup>1</sup> Khóa đào tạo tại Tu Rơ Bông trong năm tài chính 2007 được thực hiện dưới tên gọi là “Đào tạo cho dân làng về kiến thức kinh doanh và marketing cơ bản nhằm khai thác tốt hơn cơ hội thị trường” vì tính chất sản xuất hàng hóa ở đây khá hơn những thôn dự án khác.

### **Các khóa đào tạo trong năm tài chính 2008**

Các khóa “đào tạo cho dân làng về kiến thức kinh doanh và marketing cơ bản phục vụ việc tiêu thụ nông sản tại các thôn dự án” được thực hiện ở ba thôn. Mục tiêu đào tạo là i) cung cấp cho người dân những kiến thức kinh tế và marketing cơ bản, ii) hỗ trợ họ xây dựng tầm nhìn trong việc bán hàng trong tương lai, và iii) nâng cao năng lực đào tạo cho các CF của dự án. 5 cán bộ CF của dự án đã tham gia lớp đào tạo ngắn trong một ngày để ôn lại kiến thức và kỹ năng đứng lớp để có thể tham gia một phần vào quá trình đào tạo cho dân làng dưới sự hỗ trợ và giám sát của giảng viên chính.

#### **(1) Khóa đào tạo nhằm chuẩn bị cho CF có thể tham gia giảng cho dân làng**

Toàn bộ 5 cán bộ CF đã tham gia khóa đào tạo ngắn trong ngày 14/5/2008. Trước đó, các CF được yêu cầu xem lại các kiến thức đã học trong khóa đào tạo về marketing trước đó. Mục tiêu đào tạo nhằm giúp CF nắm chắc lại kiến thức, thống nhất về nội dung cũng như hình thức trình bày cho dân. Hoạt động tập huấn không chỉ giới hạn trong phần trang bị kiến thức, mà giảng viên còn yêu cầu từng CF giảng thử để trước sự tham gia và đóng góp ý kiến của các bạn đồng nghiệp. Giảng viên chính đánh giá là các CF đều sẵn sàng cho công tác giảng dạy sắp tới. Dựa trên thông tin do các CF cung cấp về tình hình sản xuất hiện nay ở từng thôn dự án, giảng viên đã điều chỉnh một phần nội dung đào tạo để phù hợp với điều kiện địa phương cũng như trình độ của người dân.

#### **(2) Đào tạo cho dân làng về kiến thức kinh doanh và marketing cơ bản phục vụ việc tiêu thụ nông sản tại các thôn dự án**

Ba khóa tập huấn đã được tổ chức ở 3 thôn mô hình là Kon Túc (Đắk Pnê), Kon Ktau (Pờ Ê) và Nước Nót (Ngọc Tem) trong tháng 5 và tháng 6. Có tổng cộng 33 học viên tham gia (không bao gồm CF). Ba khóa tập huấn đã được tổ chức ở trong thời gian tháng 5 và 6 năm 2008 tại ba thôn dự án là Kon Túc (xã Dak Pnê), Kon Ktau (xã Pờ Ê) và Nước Nót (xã Ngọc Tem). Tổng cộng có 33 người tham gia (không tính CF) bao gồm

- 3 cán bộ UBND xã (mỗi xã một người)
- 30 dân làng (mỗi thôn 10 người)

Mỗi khóa đào tạo được tiến hành trong 3 ngày liên tiếp. Nội dung chương trình cụ thể như sau.

Bảng 3.3.2 Nội dung đào tạo về marketing cho dân làng

| Ngày   | Nội dung đào tạo                                                                                                                                                                                                                                                                                                     |
|--------|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
| Ngày 1 | <u>Kiến thức cơ bản</u><br>- Cách thức tính giá thành sản xuất và ước tính lợi nhuận                                                                                                                                                                                                                                 |
| Ngày 2 | <u>Kiến thức marketing cơ bản</u><br>- Xác định đường đi của sản phẩm<br>- Đánh giá tình hình hiện nay: những yếu tố thuận lợi và không thuận lợi, những điểm yếu cần và có thể khắc phục (phân tích SWOT đơn giản)<br>- Cách xác định thông tin và giá cả thị trường<br>- Cách thương lượng với người mua tiềm năng |
| Ngày 3 | <u>Xây dựng tầm nhìn cho tương lai</u><br>Sản xuất theo nhu cầu thị trường, áp dụng một số hình thức bảo quản sau thu hoạch, xây dựng hành động tập thể trong việc sản xuất và tiêu thụ nông sản.                                                                                                                    |

Một số kết quả tốt đã đạt được từ hoạt động đào tạo.

- Dân làng biết cách tính giá thành sản xuất và ước tính lợi nhuận cho từng hoạt động sản xuất kinh doanh. Họ cũng đã biết tính giá trị một ngày lao động của mình cho từng hoạt động để trên cơ sở đó có thể quyết định sẽ trồng cây gì và nuôi con gì.
- Dân làng đã biết những kỹ năng marketing cơ bản như tìm hiểu thông tin thị trường, một số biện pháp bảo quản và chế biến sau thu hoạch để nâng cao giá trị nông sản, cách dùng cân và cách thức thương lượng với thương lái.
- Dân làng thảo luận về khả năng xây dựng kế hoạch hành động tập thể trong việc sản xuất và tiêu thụ hàng hóa.
- Dân làng thảo luận và xây dựng các ý tưởng để có thể bán hàng với giá cao hơn cũng như về tầm nhìn trong tương lai về sản xuất và tiêu thụ hàng. Ý của người dân ở thôn Tu Rơ Bông được trình bày ở Phụ lục 4

#### Ý kiến và tầm nhìn trong tương lai về việc bảo quản sau thu hoạch và bán hàng

Người dân ở thôn Kon Tuc biết về các yếu tố ảnh hưởng đến chất lượng sản phẩm và sự chênh lệch giá đối với từng mức độ chất lượng. Vì thế họ xây dựng kế hoạch chế biến và bảo quản hàng tốt hơn (sử dụng tấm bạt nhựa). Người dân ở thôn Nước Nốt quan tâm hơn đến việc sử dụng cân chính xác để ngăn ngừa tình trạng cân gian của thương lái. Cả ba thôn đều quan tâm đến việc xây dựng kế hoạch hành động tập thể là sản xuất và bán hàng theo nhóm để nâng cao khả năng đàm phán với thương lái.

#### Ý kiến và tầm nhìn về sản xuất

Người dân ở cả ba thôn đều quan tâm đến việc nâng cao sản lượng vì hiện nay họ không có nhiều hàng để bán. Người dân ở Kon Tuc và Kon Ktau đưa ra kế hoạch chi tiết về hành động tập thể trong sản xuất.

Người dân ở Kon Ktau gặp khó khăn trong việc phơi nông sản vì thời điểm thu hoạch của họ trùng với mùa mưa. Người dân ở thôn Nước Nốt gặp khó khăn trong việc tiêu thụ hàng vì đường giao thông quá xấu và xa nơi tiêu thụ. Người dân ở hai thôn này đã thống nhất về kế hoạch sử dụng khoai mì và bắp để chăn nuôi, và thay vì bán nông sản trực tiếp như hiện nay, họ sẽ bán gia súc và gia cầm.

Vui lòng xem thêm Phụ lục 3 để có thêm thông tin về hoạt động và kết quả tập huấn về kỹ năng marketing cho người dân.

### **3.4 Thực hiện khóa giáo dục về môi trường**

Một trong những thành quả quan trọng của dự án là đã nâng cao sự hiểu biết của dân làng và cán bộ về việc sử dụng bền vững rừng và đất. Để đạt được thành quả này, khóa giáo dục ý thức về môi trường cho dân làng là thật sự cần thiết trong các hoạt động của dự án. Theo đó, các khóa giáo dục ý thức về môi trường không chỉ dành cho người lớn mà còn cho trẻ em trong thôn đã được tổ chức. Dưới đây là bảng tóm tắt các khóa giáo dục.

Bảng 3.4.1 Danh sách các khóa giáo dục ý thức về môi trường

| Tên khóa giáo dục                                   | Thời gian    | Thành phần tham gia và số lượng                                                                                                                     | Nhận xét                                                                                         |
|-----------------------------------------------------|--------------|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|--------------------------------------------------------------------------------------------------|
| Khóa giáo dục ý thức về môi trường cho trẻ em       | 5-16/6/ 2007 | Số lượng: 167<br>Thành phần tham gia:<br><br>Trẻ em tại các thôn mô hình và thôn lân cận, cán bộ phòng giáo dục huyện, hiệu trưởng vào giáo viên    | Xem mục 3.4 và phần phụ lục 5 trong Báo cáo tiến độ (2) để biết chi tiết.                        |
| Khóa giáo dục về phương pháp quản lí và bảo vệ rừng | 3-7/3/2008   | Số lượng: 133<br>Thành phần tham gia:<br>Người lớn tại các thôn mô hình, cán bộ Ủy ban nhân dân xã, cán bộ Ủy ban nhân dân huyện, cán bộ Tỉnh và CF | Xem mục 3.4 trong Báo cáo tiến độ (3) và phần phụ lục 6 trong Báo cáo tổng kết để biết chi tiết. |

### 3.5 Thực hiện tập huấn quản lí rừng có sự tham gia của cộng đồng (CFM)

Chính phủ Việt Nam đang xúc tiến chính sách giao đất rừng cho dân hướng đến mục tiêu sử dụng bền vững rừng, với mong muốn dân có thể quản lí rừng một cách bền vững. Để nâng cao kiến thức về toàn bộ qui trình từ các thủ tục để thực hiện CFM, việc giao đất rừng, việc lập kế hoạch CFM đến việc thực hiện các hoạt động CFM, chúng tôi đã thực hiện tập huấn cho cán bộ và dân làng tại các thôn mô hình toàn bộ qui trình thực hiện CFM (không chỉ bao gồm lí thuyết về CFM mà còn giao đất rừng thực sự, cách lập kế hoạch CFM và thực hiện các kĩ năng thuộc lâm nghiệp thông qua phương thức cầm tay chỉ việc tại thôn Vichiring, xã Hiếu). Ngoài ra, cũng đã tổ chức một hội nghị chuyên đề mở rộng cho các thôn, xã và huyện khác để chia sẻ thông tin về hoạt động CFM tại Kontum. Tất cả các hoạt động tập huấn và các hoạt động liên quan khác được trình bày tóm tắt trong bảng sau.

Bảng 3.5.1 Danh sách các hoạt động về CFM

| Hoạt động                                                 | Thời gian    | Thành phần tham gia và số lượng                                                                                                                                                                                                                                    | Nhận xét                                                                        |
|-----------------------------------------------------------|--------------|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------------------------------------------------------------------------------|
| Hội thảo khởi động                                        | 25/4/2007    | Số lượng: 12<br>Thành phần tham gia:<br>Sở NN & PTNT, Chi cục lâm nghiệp, Trung tâm khuyến nông, UBND Huyện, Phòng Kinh tế -UBND Huyện, Phòng Tài nguyên & Môi trường (TN&MT) huyện, UBND xã, Lâm trường Mang La,                                                  |                                                                                 |
| Module 1 Tập huấn cho tập huấn viên về việc giao đất rừng | 9-13/5/ 2007 | Total number: 18<br>Thành phần tham gia:<br>Chi cục lâm nghiệp, Sở Tài nguyên & Môi trường, Phòng Kinh tế -UBND Huyện, TN&MT huyện, Đơn vị kiểm lâm Huyện, Cán bộ khuyến nông xã, Đại diện thôn Vichring, Công ty Kon Plong, Lâm trường Mang La, CFs, cán bộ dự án | Xem mục 3.5 (1) và phần phụ lục 6-1 trong Báo cáo tiến độ (3) để biết chi tiết. |

| Hoạt động                                                                                                                       | Thời gian     | Thành phần tham gia và số lượng                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                 | Nhận xét                                                                           |
|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------------|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------------------------------------------------------------------------------------|
| Tập huấn cầm tay chỉ việc trong quá trình thực hiện việc giao đất rừng tại thôn                                                 | 20-30/6/2007  | Số lượng: 21<br>Thành phần tham gia:<br>Chi cục lâm nghiệp, Phòng Kinh tế - UBND Huyện, Đơn vị kiểm lâm Huyện, UBND xã, nông dân nông cốt thôn Vichring, Lâm trường Mang La, CF                                                                                                                                                                                 | Xem mục 3.5 (1) 2) trong Báo cáo tiến độ (3) để biết chi tiết.                     |
| Hội thảo về việc giao đất rừng                                                                                                  | 30/7/2007     | Số lượng: 10<br>Thành phần tham gia:<br>Ban quản lý các dự án lâm nghiệp, Chi cục lâm nghiệp, Sở TN&MT, Đơn vị kiểm lâm Tỉnh, Phòng Kinh tế -UBND Huyện, Phòng TN&MT huyện, UBND xã, Lâm trường Mang La, CF                                                                                                                                                     | Xem mục 3.5 (1) 3) trong Báo cáo tiến độ (3) để biết chi tiết.                     |
| Tham quan học tập kinh nghiệm về giao đất rừng                                                                                  | 15-19/10/2007 | Số lượng: 14<br>Thành phần tham gia:<br>Sở NN & PTNT, Ban quản lý các dự án lâm nghiệp, Chi cục lâm nghiệp, Sở TN&MT, Đơn vị kiểm lâm Tỉnh, Phòng Kinh tế -UBND Huyện, Phòng TN&MT huyện, UBND xã, Đại diện thôn Vichring, công ty Kon Plong, CF                                                                                                                | Xem mục 3.5 (2) và phần phụ lục 6-3 trong Báo cáo tiến độ (3) để biết chi tiết.    |
| Khóa tập huấn kết hợp Module 1 tập huấn cho tập huấn viên và tập huấn cầm tay chỉ việc để nắm được phương thức lập kế hoạch CFM | 14-20/1/2008  | Số lượng: 16<br>Thành phần tham gia:<br>Ban quản lý các dự án lâm nghiệp, Chi cục lâm nghiệp, Đơn vị kiểm lâm Tỉnh, Phòng Kinh tế -UBND Huyện, Phòng TN&MT huyện, Đơn vị kiểm lâm Huyện, UBND xã, CFM thôn Vichring, công ty Kon Plong, CF                                                                                                                      | Xem mục 3.5 (3) 1) và phần phụ lục 6-4 trong Báo cáo tiến độ (3) để biết chi tiết. |
| Module 2 Tập huấn cho tập huấn viên về phương thức lập kế hoạch CFM                                                             | 13/3/2008     | Số lượng: 19<br>Thành phần tham gia:<br>Sở NN & PTNT, Ban quản lý các dự án lâm nghiệp, Chi cục lâm nghiệp, Sở TN&MT, Đơn vị kiểm lâm Tỉnh, Phòng Kinh tế -UBND Huyện, Phòng TN&MT huyện, Đơn vị kiểm lâm Huyện, UBND xã, dân thôn Vichring Ban quản lý rừng cộng đồng, Công ty Kon Plong, Lâm trường Mang La, CF                                               | Xem mục 3.5 (3) 2) trong Báo cáo tiến độ (3) để biết chi tiết.                     |
| Hội thảo lập kế hoạch CFM                                                                                                       | 14/3/2008     | Số lượng: 26<br>Thành phần tham gia:<br>Sở NN & PTNT, Ban quản lý các dự án lâm nghiệp, Chi cục lâm nghiệp, Sở Tài chính, Đơn vị kiểm lâm Tỉnh, Trung tâm khuyến nông, Phòng Kinh tế -UBND Huyện, Phòng TN&MT huyện, Đơn vị kiểm lâm Huyện, UBND xã, dân thôn Vichring ban quản lý rừng cộng đồng, Công ty Kon Plong, Lâm trường Dak To, Lâm trường Mang La, CF | Xem mục 3.5 (3) 3) trong Báo cáo tiến độ (3) để biết chi tiết.                     |

| Hoạt động                                                                                                           | Thời gian    | Thành phần tham gia và số lượng                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                        | Nhận xét     |
|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|--------------|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|--------------|
| Tập huấn cầm tay chỉ việc về việc thực hiện CFM - kỹ thuật lâm sinh trong khai thác chọn                            | 3-11/6/2008  | Số lượng: 23<br>Thành phần tham gia:<br>Ban quản lý các dự án lâm nghiệp, Đơn vị kiểm lâm Tỉnh, Phòng Kinh tế -UBND Huyện, Phòng TN&MT huyện, Đơn vị kiểm lâm Huyện, UBND xã, Thành viên của Ủy ban CFM và nông dân nông cốt - nông dân nông cốt thôn Vichring , Công ty Kon Plong, Ban quản lý rừng cộng đồng Vichiring , Công ty Kon Plong , Lâm trường Mang La , CF | Xem bên dưới |
| Tập huấn cầm tay chỉ việc về việc thực hiện CFM - kỹ thuật lâm sinh để phát triển lâm sản ngoài gỗ và làm giàu rừng | 20-23/7/2008 | Số lượng: 42<br>Thành phần tham gia:<br>UBND xã, dân thôn Vichring , dân 3 thôn khác ở xã Hiếu, dân thôn Kon K Tau, Xã Pờ Ê, CF                                                                                                                                                                                                                                        | Xem bên dưới |
| Hội nghị chuyên đề mở rộng về CFM                                                                                   | 24-25/7/2008 | Số lượng: 41<br>Thành phần tham gia:<br>Ban quản lý các dự án lâm nghiệp, Chi cục lâm nghiệp, Sở TN&MT Kon Tum , Đơn vị kiểm lâm Kon Tum , UBND huyện, Đơn vị kiểm lâm huyện, Phòng TN&MT huyện , cán bộ UBND xã, dân thôn Vichring , dân 5 thôn khác ở xã Hiếu, dân 3 thôn mô hình, Xí nghiệp lâm nghiệp Mang La , CF                                                 | Xem bên dưới |

Như đã trình bày ở trên, vui lòng tham khảo các mục và phụ lục liên quan để biết nội dung chi tiết của các hoạt động được thực hiện trong năm tài khóa Nhật Bản 2007. Do vậy, chỉ có nội dung chi tiết các hoạt động được thực hiện trong năm tài khóa Nhật Bản 2008 được trình bày dưới đây. Ngoài ra “Kế hoạch 5 năm CFM thôn Vichiring”, “Kế hoạch CFM hàng năm, năm 2008 thôn Vichiring” và “Quy ước Bảo vệ và Phát triển rừng của thôn Vichiring” đã được chuẩn bị thông qua các hoạt động CFM của dự án, có thể được tham khảo ở Phụ lục 7,8 và 9 trong Báo cáo Hoàn thành này.

### **(1) Tập huấn về việc thực hiện CFM**

Tập huấn về việc thực hiện CFM bao gồm 2 phần, 1) tập huấn kỹ thuật lâm sinh trong khai thác chọn và 2) tập huấn kỹ thuật lâm sinh để phát triển lâm sản ngoài gỗ và làm giàu rừng. Sau đây là mục đích, nội dung và thành phần tham gia...của mỗi phần tập huấn.

#### **1) Tập huấn kỹ thuật lâm sinh trong khai thác chọn.**

Tập huấn kỹ thuật lâm sinh trong khai thác chọn được thực hiện với những mục đích như sau: 1)giúp những người tham gia nắm được phương pháp chọn lựa cây để khai thác thương mại thông qua thực hành, 2)giúp những người tham gia hiểu phương pháp khai thác chọn bao gồm cả vận xuất3)chuẩn bị giấy tờ để phê duyệt gỗ thương mại.

Tổng cộng có 23 thành viên tham gia tập huấn theo phương thức cầm tay chỉ việc, cụ thể như sau:

- Cấp tỉnh: Một thành viên của Ban quản lý các dự án lâm nghiệp, một thành viên của Đơn vị kiểm lâm huyện
- Cấp huyện (huyện Kon Plong): Một cán bộ Phòng Kinh tế -UBND Huyện, một cán bộ phòng TN&MT, một cán bộ của Đơn vị kiểm lâm huyện
- Cấp huyện: Lãnh đạo của hội đồng nhân dân xã, một cán bộ khuyến nông xã
- Cấp thôn (thôn Vichiring): 6 thành viên của Ban QL rừng cộng đồng, trưởng thôn, 6 nông dân nòng cốt
- Các thành viên khác: một cán bộ Công ty dịch vụ phát triển đầu tư nông-lâm nghiệp Kon Plong, một cán bộ của Lâm trường Mang La, CF phụ trách xã Hiếu.

Các cuộc họp cấp thôn trình bày chi tiết trong bảng dưới đây có dân thôn Vichiring tham gia.

Tập huấn cầm tay chỉ việc kéo dài 9 ngày từ 3-11/6/2008, và được chia thành 3 phần: 1) tập huấn phương pháp khai thác có chọn lọc trong ngày đầu tiên, 2) thực hành chọn cây để khai thác thương mại, 3) tóm tắt dữ liệu các kết quả trong khi thực hành chọn cây. Chương trình chi tiết của toàn bộ kế hoạch tập huấn cầm tay chỉ việc được trình bày trong bảng 3.5.2.

Về các phương pháp tập huấn, các bài giảng có minh họa và thảo luận nhóm được sử dụng để giúp người học nắm bắt các khái niệm và lý thuyết về phương pháp khai thác chọn. Sau khi thảo luận nhóm xong, luôn có các nhận xét và phản hồi từ phía các thành viên khác và tập huấn viên. Ngoài ra, các thành viên tham gia còn thực hành chọn cây để khai thác tại chỗ dựa trên hướng dẫn và tư vấn của báo cáo viên.

Bảng 3.5.2 Chương trình chi tiết “Tập huấn cầm tay chỉ việc các kỹ năng lâm nghiệp về khai thác chọn ”

| Thời gian | Địa điểm        | Nội dung                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                         |
|-----------|-----------------|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
| 6/2       | Thị xã Kon Tum  | <ul style="list-style-type: none"> <li>• Kiểm tra lần cuối nội dung khóa tập huấn giữa các chuyên gia Nhật Bản và tập huấn viên</li> <li>• Kiểm tra lần cuối cách trình bày trong quá trình tập huấn giữa cán bộ dự án và tập huấn viên</li> </ul>                                                                                               |
| 6/3       | Huyện Kon Plong | Tập huấn cầm tay chỉ việc ngày thứ nhất <ul style="list-style-type: none"> <li>• Trình bày và khẳng định kế hoạch CFM năm 2008</li> <li>• Hướng dẫn kỹ thuật lâm sinh về khai thác chọn tại rừng tự nhiên</li> </ul>                                                                                                                             |
| 6/4       | Thôn Vichiring  | Tập huấn cầm tay chỉ việc ngày thứ hai <ul style="list-style-type: none"> <li>• Họp tại thôn (trình bày kế hoạch CFM năm 2008, chuẩn bị và lập kế hoạch thực hành tại chỗ chọn lựa cây khai thác để trình phê duyệt)</li> <li>• Chuẩn bị thực hành chọn cây khai thác</li> <li>• Thảo luận về loại cây khai thác, vận xuất và sân bãi</li> </ul> |
| 6/5 ~ 9   | Thôn Vichiring  | Tập huấn cầm tay chỉ việc ngày thứ 3 đến ngày thứ 7 <ul style="list-style-type: none"> <li>• Thực hành chọn cây khai thác (thực hành tuần tra)</li> <li>• Lập kế vận xuất và sân bãi</li> </ul>                                                                                                                                                  |
| 6/10      | Thôn Vichiring  | Tập huấn cầm tay chỉ việc ngày thứ 8 <ul style="list-style-type: none"> <li>• Tóm tắt và tổng hợp dữ liệu về các kết quả thực hành</li> </ul>                                                                                                                                                                                                    |
| 6/11      | Thôn Vichiring  | Tập huấn cầm tay chỉ việc ngày thứ 9 <ul style="list-style-type: none"> <li>• Họp tại thôn (báo cáo kết quả thực hành)</li> </ul> Xác định qui trình cần thiết và trách nhiệm trong việc thực hiện khai thác rừng                                                                                                                                |



Để biết thêm chi tiết về tập huấn cầm tay chỉ việc, vui lòng xem phụ lục 6-1

Sau đây là các thành quả chính tập huấn cầm tay chỉ việc các kỹ thuật lâm sinh trong khai thác chọn :

- Các thành viên tham gia hiểu được khái niệm khai thác chọn, nắm được phương pháp chọn cây khai thác thông qua việc khảo sát thực tế .
- Các thành viên tham gia hiểu được qui trình cần thiết cho việc thực hiện khai thác rừng và vai trò của tổ chức chịu trách nhiệm mỗi qui trình.
- Kế hoạch khai thác rừng năm 2008 đã được chuẩn bị xong
- Hướng dẫn kỹ thuật thực hành khai thác chọn theo chương trình CFM tại tỉnh Kontum đã được chuẩn bị để xúc tiến việc thực hiện CFM.

## **2) Tập huấn kỹ thuật lâm sinh để phát triển Lâm sản ngoài gỗ (NTFPs) và làm giàu rừng**

Tập huấn kỹ thuật lâm sinh để phát triển Lâm sản ngoài gỗ (NTFPs) và làm giàu rừng đã được thực hiện thông qua thực hành với mục đích 1) giúp các thành viên tham gia nắm được kỹ năng, phương pháp trồng tre (tên khoa học là *Phyllostachys pubescens*) như là một loại NTFPs, và 2) giúp các thành viên tham gia nắm được kỹ năng, phương pháp làm giàu rừng bằng cách sử dụng cây mọc hoang (cây dại) giống bản địa (*Dacrydium pierrei* Hickel và *Betula alnoides*).

Tổng số có 42 người tham gia tập huấn cầm tay chỉ việc, bao gồm:

- Cấp xã: 3 cán bộ UBND xã
- Cấp thôn: 29 người dân thôn Vichring, 1 người dân mỗi thôn 6, 7, và 8 ở xã Hiếu, 6 người dân thôn Kon K Tau , xã Pờ Ê
- Các thành viên khác: CF phụ trách xã Hiếu

Tập huấn cầm tay chỉ việc kéo dài 2 ngày từ 22 - 23/7/ 2008. Chương trình chi tiết của toàn bộ kế hoạch tập huấn được trình bày trong bảng 3.5.3. Theo kế hoạch chỉ có 2 ngày nhưng lại thêm 2 ngày nữa để chuẩn bị hiện trường . Tập huấn về trồng tre và làm giàu rừng mỗi phần được thực hiện trong một ngày, và cả hai đều áp dụng phương thức sáng học lý thuyết, chiều thực hành.

Bảng 3.5.3 Chương trình chi tiết “Tập huấn kỹ thuật lâm sinh trong phát triển lâm sản ngoài gỗ và làm giàu rừng”

| Thời gian | Địa điểm       | Nội dung                                                                                                                                                                                                                                           |
|-----------|----------------|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
| 19/7      | Thị xã Kon Tum | <ul style="list-style-type: none"> <li>• Kiểm tra lần cuối nội dung khóa tập huấn giữa các chuyên gia Nhật Bản và tập huấn viên</li> <li>• Kiểm tra lần cuối cách trình bày trong quá trình tập huấn giữa cán bộ dự án và tập huấn viên</li> </ul> |
| 20/7      | Thôn Vichiring | Chuẩn bị cho tập huấn cầm tay chỉ việc <ul style="list-style-type: none"> <li>• Chọn lựa chỗ đất phù hợp để trồng tre và trồng làm giàu rừng</li> <li>• Đào lỗ để trồng tre</li> </ul>                                                             |
| 21/7      | Thôn Vichiring | Chuẩn bị cho tập huấn cầm tay chỉ việc <ul style="list-style-type: none"> <li>• Chuẩn bị cây mọc hoang để làm giàu rừng</li> <li>• Đào lỗ để trồng cây làm giàu rừng</li> </ul>                                                                    |
| 22/7      | Thôn Vichiring | Tập huấn cầm tay chỉ việc ngày thứ nhất <ul style="list-style-type: none"> <li>• Trình bày đặt điểm của các giống tre được chọn và lí thuyết về phương pháp trồng tre</li> <li>• Thực hành trồng tre</li> </ul>                                    |
| 23/7      | Thôn Vichiring | Tập huấn cầm tay chỉ việc ngày thứ nhất <ul style="list-style-type: none"> <li>• Trình bày lí thuyết về phương pháp làm giàu rừng</li> <li>• Thực hành làm giàu rừng</li> </ul>                                                                    |

Để biết thêm chi tiết về tập huấn cầm tay chỉ việc, vui lòng xem phụ lục 6-2

Sau đây là các thành quả chính của tập huấn kỹ thuật lâm sinh để phát triển lâm sản ngoài gỗ và làm giàu rừng

- Các thành viên tham gia đã nghiêm túc học tập và hiểu được các phương pháp về làm giàu rừng bằng cách sử dụng cây mọc hoang và trồng tre.
- Các thành viên tham gia nắm bắt được phương pháp trồng tre và cây mọc hoang thông qua việc thực hành trên hiện trường .

## (2) Hội nghị chuyên đề mở rộng về CFM

Hội nghị chuyên đề về CFM được tổ chức dựa trên các hoạt động về CFM được thực hiện trong dự án, với mục đích 1) cung cấp/chia sẻ thông tin/kinh nghiệm về CFM từ thôn Vichring cho các thôn, xã và các đối khác có liên quan khác, 2) phổ biến phương pháp CFM tại tỉnh Kontum.

Tổng số có 41 thành viên tham gia hội nghị, bao gồm:

- Cấp tỉnh: 2 cán bộ Ban quản lí các dự án lâm nghiệp, một cán bộ Chi cục lâm nghiệp , một cán bộ TN&MT, một cán bộ Đơn vị kiểm lâm
- Cấp huyện: 2 cán bộ UBND huyện Kon Plong, 2 cán bộ Đơn vị kiểm lâm Kon Plong , một cán bộ TN&MT Kon Rẫy
- Cấp xã: 6 cán bộ UBND và HĐND xã Hiếu (gồm có Chủ tịch UBND xã và chủ tịch HĐND), một cán bộ UBND xã Đăk Pnê, một cán bộ UBND xã Đăk Kôi.
- Cấp thôn: 13 dân thôn Vichring, một người dân mỗi thôn 2, 6, 8, 9 và 10 ở xã Hiếu, một người dân

từ thôn Kon K Tau xã Pờ Ê, một người dân từ thôn Kon Tuc xã Đak Pne, một người dân từ thôn Tu Ro Bang xã Đak Kôi.

- Các thành viên khác : Một cán bộ từ Lâm trường Mang La, CF phụ trách xã Hiếu

Hội nghị kéo dài 2 ngày từ 24 - 25/7/2008. Kế hoạch chi tiết của hội nghị được trình bày ở bảng 3.5.4.

Bảng 3.5.4 Chương trình chi tiết “Hội nghị chuyên đề mở rộng về CFM ”

| Thời gian | Địa điểm        | Nội dung                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                  |
|-----------|-----------------|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
| 7/24      | Thôn Vichiring  | <ul style="list-style-type: none"> <li>• Giới thiệu tiến độ CFM và cơ chế chia sẻ lợi ích cho dân thôn Vichiring</li> <li>• Quan sát hiện trường (rừng được giao cho cộng đồng để thực hiện chương trình CFM, chỗ đất trồng tre để phát triển Lâm sản ngoài gỗ và đất dành để làm giàu rừng bằng cách sử dụng các giống cây mọc hoang.</li> </ul>                                                                                                                                                                                                                                                                                                         |
| 7/25      | Huyện Kon Plong | <ul style="list-style-type: none"> <li>• Tổng quan về CFM tại thôn village</li> <li>• Giới thiệu 4 hướng dẫn sau <ul style="list-style-type: none"> <li>✓ Hướng dẫn về việc giao đất rừng</li> <li>✓ Hướng dẫn về chuẩn bị kế hoạch CFM</li> <li>✓ Hướng dẫn về chuẩn bị qui định bảo vệ và phát triển rừng</li> <li>✓ Hướng dẫn kỹ thuật lâm sinh cho rừng tự nhiên</li> </ul> </li> <li>• Thu thập kết quả của các cuộc thảo luận tại chỗ vào ngày 24/7</li> <li>• Bài học kinh nghiệm và những thách thức trong tương lai thông qua các hoạt động CFM trong dự án</li> <li>• Các giải pháp và đề xuất cho các hoạt động CFM trong tương lai</li> </ul> |

Để biết thêm chi tiết về Hội nghị, vui lòng xem phụ lục 6-3

Sau đây là các kết quả đạt được từ Hội nghị chuyên đề mở rộng về CFM:

- Các thành viên tham gia biết chia sẻ thông tin về các kết quả và tiến độ của các hoạt động CFM ở thôn Vichiring
- Đã nâng cao được tầm hiểu biết của những thành viên tham gia về hệ thống CFM dựa trên các hướng dẫn
- Thời cơ đã đến để xúc tiến việc mở rộng CFM tại Kontum

### 3.6 Theo dõi, giám sát Dự án

Đối với phương pháp theo dõi, giám sát, Dự án nhằm thực hiện Kế hoạch Cải thiện Sinh kế một cách uyển chuyển bằng cách thực hiện sơ, tổng kết hàng năm, hàng quý và hàng tháng. Riêng đối với các quý có họp tổng kết năm thì không tổ chức họp sơ kết quý riêng vì các nội dung công việc trong quý đó được đưa vào báo cáo tổng kết năm. Bên cạnh đó, ngoài việc tổ chức họp hàng quý ở mỗi xã, Dự án nhằm phát huy tác dụng của việc tham quan kiểm tra chéo giữa các thôn mẫu/mô hình. Thời biểu, những vấn đề cần bàn bạc tham khảo ý kiến và đối tượng tham gia buổi họp/hội thảo xuyên suốt thời gian thực hiện Dự án được trình bày trong Bảng 3.6.1. Tuy nhiên, đối tượng tham gia... trong mỗi một cuộc họp được quyết định theo tình hình thực tế ở mỗi huyện, xã và thôn.

Đối với cuộc hội thảo hàng tháng, cuộc hội thảo hàng tháng được tổ chức ở mỗi thôn mẫu/mô hình còn hoạt động theo dõi giám sát có sự tham đối với Kế hoạch cải thiện sinh kế (LIP) thì được tiến hành cuối mỗi tháng. Tuy nhiên Cuộc hội thảo hàng tháng của tháng 2 và tháng 3 đã được tổ chức chung trong tháng 3 do trùng với thời gian nghỉ Tết. Tham gia họp chủ yếu là những người tổ chức các hoạt động thực hiện kế hoạch cải thiện sinh kế (LIP), nhưng, ngoài ra, những dân làng muốn tham gia hoạt động trong tương lai cũng có thể tham gia các buổi họp này. Tại các cuộc hội thảo, nội dung thảo luận cơ bản là nhận xét kết quả hoạt động trong tháng đó, thảo luận kế hoạch hoạt động cho tháng tiếp theo và thảo luận về những vướng mắc, biện pháp giải quyết. Nếu có, các đề tài đặc biệt như sự thay đổi về nhân sự của Ban phát triển thôn (VDB) và hệ thống quản lý Ngân hàng vật nuôi... cũng được đem ra thảo luận trong các buổi họp này. Qua các cuộc họp, dân làng dần dần nhận thấy đây là dự án của chính họ.

Đối với các cuộc họp hàng quý, cuộc họp hàng quý được tổ chức ba tháng một lần (Tháng 4, tháng 7 và tháng 12) tại các xã có thôn mẫu/mô hình. Nhưng tháng 1 đã không tổ chức được vì trùng với cuộc họp hàng năm. Xã đăng cai có nhiều người đến họp, kể cả cán bộ UBND xã, các cán bộ thôn mẫu nơi tổ chức cuộc họp và một số người từ 4 xã, ước khoảng 4 người mỗi xã gồm một cán bộ xã phụ trách khuyến nông và 3 đại biểu của các thôn mẫu. Tại buổi họp, các xúc tác viên xã (CF) phụ trách làng trình bày tổng quát hoạt động thực hiện trong 3 tháng qua, sử dụng PowerPoint, rồi một đại biểu của thôn báo cáo về những thuận lợi và bất lợi do dự án gây ra và đánh giá cập nhật dựa trên các hoạt động mà bản thân các CF đã thực hiện. Bởi vì cuộc họp cũng được xem là chuyển tham quan chéo giữa các thôn mẫu nên người ngoài làng cũng nhận xét các hoạt động thực hiện Kế hoạch canh tác bền vững (SFP) ở làng thuộc xã tổ chức cuộc họp quý, đồng thời chỉ ra sự khác biệt giữa các hoạt động mà họ thực hiện và những ưu điểm của các hoạt động đó. Hy vọng là những vấn đề họ đã trải nghiệm sẽ giúp thúc đẩy và truyền năng lực cho các hoạt động ở mỗi làng.

Đối với cuộc họp hàng năm, cuộc họp được tổ chức vào tháng 01, và có sự tham dự của cán bộ Sở Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn tỉnh, UBND huyện Kon Plong, Kon Rẫy, cán bộ UBND xã có thôn mẫu/ mô hình và các đại biểu của các thôn mẫu/ mô hình. Các CF được phân công làm việc ở các thôn, chuyên gia Nhật Bản đang có mặt ở tỉnh Kon Tum vào thời điểm phiên họp, và tất cả các cán bộ Dự án địa phương cũng tham gia phiên họp. Phiên họp xem xét lại các hoạt động trong năm, bên cạnh khẳng định những bài học đã học được có thể áp dụng cho tương lai, phiên họp còn tiến hành xem xét tán thành Kế hoạch cải thiện sinh kế (LIP) để thực hiện trong năm tiếp theo ở mỗi thôn. Qua các cuộc họp hàng năm, những nhận thức/ sự hiểu biết về Dự án được chia sẻ giữa cán bộ các cấp tham dự buổi họp, ví dụ: cán bộ từ cấp tỉnh đến huyện, xã, thôn làng và các thành viên chính của Dự án như các chuyên gia Nhật Bản.

Các báo cáo về các cuộc họp/ hội thảo hàng năm được đề cập đến ở chương 6.3 trong Báo cáo tiến độ (I), Chương 3.5 Báo cáo tiến độ (II), Chương 3.6 Báo cáo tiến độ (III) theo thứ tự. Còn bản mô tả hội thảo/ cuộc họp cuối năm được trình bày dưới đây.

Đối với hội thảo hàng tháng, bên cạnh chủ đề chính của cuộc hội thảo, các thành viên tham gia hội thảo cũng thảo luận cách quản lý Hệ thống ngân hàng vật nuôi và triển vọng đối với hoạt động này sau khi kết thúc Dự án. Ví dụ, dân làng thảo luận cách quản lý nguồn quỹ cho hệ thống ngân hàng vật nuôi qua việc kiểm tra biểu mẫu tính toán đơn giản như các chuyên gia đã hướng dẫn trong cuộc hội thảo năm ngoái. Cuộc hội thảo của tháng 8 và tháng 9 được tổ chức chung vào giữa tháng 8 như là một cuộc hội thảo bình thường hàng tháng và hội thảo đánh giá tổng kết cuối cùng (xem Chương 3) bởi vì Dự án sẽ kết thúc trong tháng 9.

Các cuộc họp quý, cuộc họp được tổ chức trong tháng 4 tại làng Kon K Tau xã Pơ Ê, và trong tháng 7 tại làng Kon Tuc, xã Dak Pné. Có hai vấn đề chính được trình bày trong cuộc họp quý cuối cùng (vào tháng 7): i) các hoạt động triển vọng sẽ triển khai sau khi Dự án kết thúc, ii) Lựa chọn một người nông dân đáng khen nhất và một trong các thành viên của Ban Phát triển thôn để tặng thưởng động viên về sự cố gắng của họ.

Đối với vấn đề thứ nhất, dân bản tập trung vào các điểm sau:

- i) Cách thức tiếp tục triển khai các hoạt động Kế hoạch cải thiện sinh kế (LIP),
- ii) Cách thức tiếp tục các hoạt động Ban phát triển thôn (VDB),
- iii) Cách thức tiếp tục hệ thống quay vòng vật nuôi
- iv) Cách thức mở rộng kết quả của Dự án sang các vùng khác.

Qua quá trình theo dõi các bài trình bày này, dân bản nhận thấy rõ hình ảnh tổng quát về tình hình sau khi Dự án kết thúc.

Còn về vấn đề thứ hai, quy trình lựa chọn người nông dân và thành viên ban Phát triển thôn đáng khen nhất là các CF đưa ra các tiêu chuẩn lựa chọn rồi cả CF và đại biểu các thôn tiến hành lựa chọn từ mỗi một thôn. Tiêu chuẩn lựa chọn là như sau:

- i) Tổng số các hoạt động mà ứng cử viên tham gia thành công.
- ii) Mức độ nhiệt tình trong các hoạt động,
- iii) Mức độ tự lập (không dựa quá nhiều vào sự hỗ trợ của Dự án) và/hoặc chủ động xem xét/ nghĩ ra cách cải tiến/ cải thiện làm cho các hoạt động tốt hơn,
- iv) Tính không ích kỷ,
- v) Mức độ thực hiện “khuyến nông giữa nông dân-nông dân” (truyền bá kiến thức, kỹ thuật của người nông dân đó đến các thôn bản khác).

Và sau đây là tiêu chuẩn lựa chọn thành viên Ban phát triển thôn đáng khen nhất:

- i) Mức độ thực hiện công tác theo dõi các hoạt động mà người tham gia đang tiến hành,

ii) Mức độ thực hiện “khuyến nông giữa nông dân-nông dân”(truyền bá kiến thức, kỹ thuật từ thành viên Ban phát triển thôn đến những người nông dân khác),

iii) Mức độ tham gia các đợt tập huấn về kỹ thuật thực hiện các hoạt động mà bản thân mình không tham gia, các cuộc hội thảo (như hội thảo tháng, hội thảo quý, hội thảo năm và các buổi họp bất thường khác của Ban phát triển thôn...),

iv) Thái độ/ sự nhiệt tình trong việc giải quyết vấn đề khó khăn,

v) Đưa ra những ý kiến hay nhằm tăng cường các hoạt động.

Kết quả là có 5 người nông dân và 5 thành viên Ban Phát triển thôn được chọn là xuất sắc nhất và được tặng thưởng trong dịp hội thảo quý trong tháng 7. Hy vọng hững người nông dân và thành viên Ban phát triển thôn xuất sắc nhất này sẽ là nhân tố then chốt chủ động đưa ra các sáng kiến cho dân bản.

Bảng 3.6.1 Phương pháp theo dõi giám sát Dự án

| Họp/ Hội thảo                                  | Thời gian                   | Nội dung thảo luận                                                                                                                                                                                                                                                         | Đối tượng tham gia                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                            | Ban tổ chức           | Địa điểm                                                                                              |
|------------------------------------------------|-----------------------------|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-----------------------|-------------------------------------------------------------------------------------------------------|
| Họp năm (thường niên)                          | 1 lần/năm<br>Vào tháng 01   | <ul style="list-style-type: none"> <li>Nhìn lại/ tổng kết các hoạt động LIP năm trước</li> <li>Thảo kế hoạch hoạt động LIP của mỗi thôn mẫu cho năm tiếp theo</li> </ul>                                                                                                   | <ul style="list-style-type: none"> <li>Cấp thôn (thôn trưởng, đại diện của các Ban Phát triển thôn)</li> <li>Cấp xã (lãnh đạo UBND xã và cán bộ khu vực nông thôn)</li> <li>Cấp huyện (lãnh đạo và cán bộ phòng kinh tế của UBND xã)</li> <li>Cấp tỉnh (Lãnh đạo BQL các dự án Lâm nghiệp)</li> <li>Thành phần khác (chuyên gia Nhật Bản, cán bộ dự án địa phương)</li> </ul> | Đại diện gia Nhật bản | Sở Nông nghiệp và phát triển nông thôn, Chi cục Lâm nghiệp hoặc bất kỳ một địa điểm nào ở thị Kon Tum |
| Họp quý                                        | 3 lần/ năm<br>Tháng 4, 7 10 | <ul style="list-style-type: none"> <li>Kết quả hoạt động LIP trước quý</li> <li>Kế hoạch thực hiện hoạt động LIP cho quý tới</li> <li>Trao đổi ý kiến về các hoạt động</li> <li>Quan sát các hoạt động LIP ở các thôn đăng cai</li> <li>Các vấn đề khác</li> </ul>         | <ul style="list-style-type: none"> <li>Cấp thôn (thôn trưởng, đại diện của các Ban Phát triển thôn)</li> <li>Cấp xã (thành viên của Ban Phát triển thôn)</li> <li>Cấp huyện (lãnh đạo và cán bộ phòng kinh tế UBND huyện)</li> <li>Cấp tỉnh (Lãnh đạo BQL các dự án Lâm nghiệp)</li> <li>Các thành phần khác (Chuyên gia Nhật Bản, caans bộ dự án địa phương)</li> </ul>      | Đại diện gia Nhật bản | Văn phòng UBND xã                                                                                     |
| Hội thảo tháng tại mỗi thôn                    | Cuối mỗi tháng              | <ul style="list-style-type: none"> <li>Nhìn lại/tổng kết kết quả hoạt động LIP trong tháng qua</li> <li>Thảo luận kế hoạch thực LIP tháng tới và những vấn đề cần thiết ở đầu vào</li> <li>Khó khăn và biện pháp giải quyết</li> <li>Những vấn đề đặc biệt khác</li> </ul> | <ul style="list-style-type: none"> <li>Cấp thôn (lãnh đạo thôn, những người tham gia hoạt động LIP)</li> <li>Cấp xã (thành viên của Ban Phát triển thôn)</li> <li>Cấp huyện (cán bộ Ban kinh tế UBND huyện khi cần thiết)</li> <li>Cấp tỉnh (Lãnh đạo BQL các dự án Lâm nghiệp)</li> <li>Thành phần khác (chuyên gia Nhật Bản, cán bộ dự án địa phương)</li> </ul>            | Đại diện gia Nhật bản | Văn phòng Dự án ở các thôn                                                                            |
| Cuộc họp thường kỳ không chính thức ở cấp tỉnh | Khi cần                     | <ul style="list-style-type: none"> <li>Báo cáo về hoạt động LIP</li> <li>Báo cáo kế hoạch thực hiện hoạt động LIP</li> <li>Các vấn đề đặc biệt khác</li> </ul>                                                                                                             | <ul style="list-style-type: none"> <li>Cấp tỉnh (Lãnh đạo BQL các dự án Lâm nghiệp)</li> <li>Thành phần khác (chuyên gia Nhật Bản, cán bộ dự án địa phương)</li> </ul>                                                                                                                                                                                                        | Đại diện gia Nhật bản | Chi cục Lâm nghiệp                                                                                    |

\* 1) LIP bao gồm Kế hoạch cạnh tranh bền vững và Kế hoạch đào tạo tập huấn kỹ thuật.



### 3.7 Đánh giá về sự tham gia/ công tác xã hội hóa

#### (1) Mục đích và phương pháp được sử dụng

Một trong số lãnh vực quan trọng của Chiến lược của Dự án là huy động dân làng ở địa phương tham gia trong việc lập kế hoạch, thực hiện kế hoạch, theo dõi và đánh giá dự án. Mục đích của việc đánh giá về sự tham gia của cộng đồng được đề ra như sau:

1. Người nông dân đánh giá kết quả đạt được và tác động của dự án.
2. Người nông dân đánh giá được lợi ích thu được và những khó khăn trở ngại đã gặp phải trong quá trình thực hiện dự án.
3. Người nông dân học tập được từ kinh nghiệm của chính bản thân họ và từ các bài học rút ra từ Dự án.
4. Người nông dân thảo luận tính bền vững của các lợi ích Dự án mang đến.
5. Xây dựng năng lực cho người nông dân, Ban phát triển thôn, xúc tác viên xã (CF) về sự tham gia của cộng đồng/ xã hội hóa.

Một vấn đề cần được nhấn mạnh là sự đánh giá này không phải là sự đánh giá cho người ngoài cuộc mà là sự đánh giá cho chính bản thân người nông dân.. Hội thảo được sự hỗ trợ của 5 xúc tác viên xã (CF) đã được qua tập huấn ngày 9 tháng 8 và OJT (qua quá trình vừa học vừa làm) từ các chuyên gia ngắn hạn Nhật Bản trong quá trình tổ chức hội thảo. Với tính cách là phương pháp tổ chức hội thảo đánh giá sự tham gia/ tính xã hội hóa, các xúc tác viên đã được hướng dẫn những vấn đề chung như sau:

1. Xúc tác viên giải thích mục đích
2. Đặt 3 câu hỏi chính cho các thành viên tham gia trả lời.
  - (1) Những lợi ích chính mà Dự án mang lại là gì?
  - (2) Những khó khăn gì đã gặp phải trong quá trình thực hiện dự án?
  - (3) Bạn đã học được gì từ dự án này?
3. Chia người tham gia thành những nhóm nhỏ (theo các hoạt động chính mà họ tham gia). Nhằm đảm bảo đầy đủ thành viên trong mỗi nhóm, vấn đáp cho điểm có thể làm hai vòng; các thành viên được chia thành các nhóm nhỏ, vòng 1 chia theo con vật nuôi mà họ nuôi, vòng 2 theo cây trồng mà họ trồng. Riêng đối với Ngọc Tem có thể làm một vòng.
4. Thảo luận với các thành viên các tiêu chí đánh giá cho điểm câu trả lời cho mỗi một trong 3 câu hỏi trên.
5. Yêu cầu các thành viên cho điểm bằng hạt theo thang điểm từ 1 (thấp nhất) đến 4 điểm cao nhất. Trong trường hợp gặp khó khăn trong việc cho điểm, yêu cầu các thành viên xếp (cho điểm) cao nhất đến thấp nhất.
6. Đưa ra lời cảnh báo chung: *‘Các bạn phải tự đánh giá cho điểm theo ý mình, không được gây ảnh hưởng đến người khác và cũng không được để bị người khác chi phối mình’.*
7. Cho nhóm đếm hạt, tổng kết và báo cáo kết quả.
8. Các xúc tác viên gợi ra vấn đề thảo luận đặc biệt đối với vấn đề: *‘Bạn sẽ làm thế nào để duy trì các hoạt động sau khi Dự án kết thúc?’*

## (2) Kết quả

Cuộc hội thảo đã tổ chức tại 5 thôn thuộc Dự án theo thời gian biểu và tổng số người tham gia là 182:

| Ngày             | Xã       | Người tham gia |
|------------------|----------|----------------|
| 18/ 8            | Dak Koi  | 29             |
| 19/ 8            | Poe      | 46             |
| 20/ 8            | Hieu     | 27             |
| 21/ 8            | Ngoc Tem | 47             |
| 22/ 8            | Dak Pne  | 33             |
| <b>Tổng cộng</b> |          | <b>182</b>     |

Lúc đầu những người tham gia gặp khó khăn không hiểu phương pháp cho điểm. Nhưng sau khi đã quen làm thì họ thích thú tham gia cho điểm, xếp loại/ xếp hạng. Có thể nhận thấy rằng tại những làng người dân có khả năng nói chuyện thì phương pháp xếp loại (thay vì cho điểm bằng hạt) có thể khơi dậy sự thảo luận năng động giữa các thành viên hơn là phương pháp cho điểm. Ngược lại trong những làng mà khả năng nói chuyện không được thuận lợi thì phương pháp cho điểm có kết quả tốt hơn. Nói chung, cuộc hội thảo giúp dân bản xem xét, thừa nhận với nhau những gì đã thay đổi theo bản thân họ cảm nhận qua tham gia các hoạt động cải thiện sinh kế, nâng cao đời sống. Sau đây là tóm tắt kết quả các vòng vấn đáp cho điểm (Chi tiết về điểm số và xếp loại được trình bày trong Phụ lục xx).



**Nuôi trâu bò:** Những ích lợi theo cảm nhận chung của việc chăn nuôi trâu bò là việc nắm bắt các kỹ năng mới, tạo ra thu nhập và sử dụng phân chuồng để bón ruộng. Trong hầu hết các thôn, biết sử dụng phân chuồng được cho là lợi ích do Dự án đem lại, nhưng ở xã Pơ Ê, nơi được khuyến khích sử dụng phân chuồng, đánh giá mặt này cao nhất. Các lợi ích cảm nhận được ở mỗi làng rất khác nhau; tăng thu nhập và tăng khả năng tiếp thị sản phẩm làm ra được đánh giá cao ở một số xã (Ngọc Tem and Đăk Kôi) trong khi đó, giảm tỉ lệ chết vật nuôi được đánh giá cao nhất ở Pơ Ê, nơi mà việc tiếp thị gặp khó khăn và vật nuôi bị chết là mối lo ngại chủ yếu của dân bản. Hai khó khăn thường được dân bản cảm thấy đó là 1) thiếu thức ăn cho gia súc và/hay thiếu đất chăn nuôi và 2) thiếu thuốc thú y hoặc các vấn đề tương tự. Khó khăn đáng sợ nhất mà dân xã Hiếu và xã Pơ Ê đề cập đến là thời tiết mưa, lạnh. Những người dân tham gia hội thảo cho biết họ đã học được kỹ thuật cơ bản về nuôi bò như làm chuồng, chăm sóc vật nuôi, phòng bệnh cho trâu bò và phối giống. Chia sẻ lợi ích trong cộng đồng (hệ thống ngân hàng vật nuôi), ở một số xã những người dân tham gia hội thảo cho rằng biết bán trâu bò với giá cao hơn là một lợi ích từ Dự án.

**Nuôi lợn:** Cả năm thôn đều cho rằng nắm bắt được kỹ thuật, kỹ năng nuôi lợn là lợi ích từ dự án mang đến. Nâng cao thu nhập cũng được nêu lên nhưng ở mức độ thấp hơn so với lợi ích nắm bắt được kỹ năng mới. Đây cũng có thể là do khó tìm người mua. Một số thôn thì cho rằng lợi ích của việc chăn nuôi lợn là có được phân bón. Ngoài Ngọc Tem ra, tất cả các làng đều cho rằng khó khăn chính là thiếu thức ăn cho vật nuôi. Ở đây cũng lại tương tự như nuôi bò, ở Pơ Ê và xã Hiếu trời mưa, thời tiết lạnh được nêu lên là khó khăn lớn. Ngược lại ở các xã khác, thiếu nước trong mùa nắng là vấn đề khó khăn chính. Dân làng về cơ bản học được một số kỹ thuật, kỹ năng nuôi lợn như làm chuồng, chăm sóc lợn, phòng chống bệnh, phối giống. Hai xã ở huyện Kon Rẫy nêu lên lợi ích từ ngân hàng vật nuôi là bài học quan trọng mà họ học được.

**Nuôi cá:** Theo những người dân tham gia nuôi cá thì lợi ích được công nhận phổ biến nhất là tăng thu nhập, có kế sinh nhai tốt cùng với những lợi ích học tập được kỹ năng, kỹ thuật. Có lẽ, đây là do cá đã được bán cho bà con trong làng dễ dàng hơn so với các loại vật nuôi, cây trồng khác. Lợi ích học tập được kỹ năng kỹ thuật đặc biệt được cảm nhận ở hai xã, đó là xã Đăk Kôi và xã Hiếu. Ở hai xã này theo báo cáo, việc nuôi cá được đẩy lên mạnh mẽ. Nhiều mặt khác nhau trong việc nuôi cá đã được nêu là khó khăn lớn nhất tùy theo làng. Đó là việc xử lý nước (Đăk Pơ, Pơ Ê) và xử lý dịch bệnh (Đăk Kôi, xã Hiếu). Dân làng học tập được nhiều về kỹ năng đào ao và xử lý nước. Đối với khâu cho cá ăn thì kỹ năng sử dụng khung được coi là điều học tập bổ ích ở một số xã.

**Nuôi vịt, dê và thỏ:** Đối với việc nuôi vịt, cải thiện bữa ăn và tăng thu nhập được cảm nhận là lợi ích chính. Những dân làng tham gia nuôi dê và nuôi thỏ cảm thấy lợi ích chính là học được kỹ thuật và được cung cấp vật liệu. (chuồng, vật nuôi, hạt cây thức ăn gia súc). Trong cả 5 thôn, bệnh dịch và sự hư hại là hai khó khăn mà họ đã gặp phải. Hai xã vùng cao (xã Hiếu và xã Pơ Ê) báo cáo rằng là họ gặp khó khăn về thời tiết lạnh. Những người dân tham dự án đã nắm bắt được một số kỹ năng như làm chuồng, chăm sóc vật nuôi, phòng chống bệnh tật và phối giống.

**Kết hợp nông lâm trên đất dốc:** Theo ý kiến của những người tham gia hoạt động, hình như những người dân tham gia hoạt động nông lâm kết hợp trên đất dốc gặt hái được lợi ích từ việc làm cho đất

phì nhiều hơn, cải thiện được năng suất đất, kéo theo lợi ích từ việc bán các sản phẩm đã làm ra, cụ thể là mì. Trong hai xã thuộc huyện Kon Rẫy, một vấn đề được nêu lên như một khó khăn đó là thiếu nhân lực, ở Kon plong, người dân hình như nghĩ rằng họ gặp nhiều khó khăn nhiều hơn do thiệt hại mùa màng vì thời tiết xấu là những kinh nghiệm họ đã trải qua trong việc kết hợp nông lâm trên đất dốc. Các bài học đã học được một cách phổ biến là một số kỹ năng then chốt như dùng khung để vẽ đường đồng mức và kỹ thuật trồng cây Teflosia.

**Trồng cây ăn quả:** Ít làng đề cập lợi ích về thu nhập từ việc trồng cây ăn quả, đây là do thời gian có kết quả phải mất vài năm mới thu hoạch được. Nhiều dân làng cảm thấy rằng họ gặp nhiều khó khăn về dịch bệnh và không có thuốc để bảo vệ cây ăn quả. Thiếu nước là khó khăn đặc biệt được nêu lên của các làng thuộc huyện Kon Rẫy. Những người dân tham gia hoạt động học tập được một số kỹ năng cơ bản về trồng cây ăn quả như đào hố, bón phân, chăm sóc, làm rào và tia xén.

**Trồng cây:** Những người trồng cây bời lời (Đăk Kôi và Đăk Pnê) cảm nhận rằng lợi ích mà họ thu được là từ tiền bán sản phẩm. Dân trong làng Ngọc Tem cảm thấy rằng khó định thời gian trồng cây. Ở một số làng khác, người dân cảm thấy khó giữ được cho cây sống, tránh thiệt hại. Những người tham gia trồng cây bời lời cảm thấy họ học được từ tham gia hoạt động là lập vườn ươm, trong khi đó một số người khác thì cho rằng họ học tập được những kỹ năng chung về trồng cây. (chuẩn bị đất, chăm sóc, bón phân, phòng chống dịch bệnh)

**Trồng rau:** Lợi ích được đánh giá cao nhất trong việc trồng rau là cải thiện được bữa cơm hàng ngày cho gia đình, đây là điều phổ biến ở tất cả năm làng. Họ cũng nói rằng lợi ích cũng đến từ thu nhập do bán rau. Trong 5 làng có 4 làng cho rằng khó khăn của họ là thiếu nước. Những khó khăn khác đó là hư hại do bệnh/ côn trùng và gia súc phá hoại. Những điều học tập được bao gồm kỹ năng trồng rau, chuẩn bị đất, làm rào, bón phân bằng phân chuồng/ phân trộn, phòng chống bệnh và côn trùng gây hại.

**Làm phân trộn** Những người tham gia làm phân chuồng cảm thấy họ được lợi từ việc làm cho đất phì nhiêu hơn và tăng năng suất cây trồng. Hầu hết những người tham gia cảm thấy khó khăn chính là thiếu vật liệu (tắm bọt, xỉ măng, v.v...) đó là những kinh nghiệm họ đã trải qua.

**Các hoạt động cho sự bền vững:** Nhìn vào các kết quả do họ tự đánh giá, các thành viên đã thảo luận một cách cởi mở về những việc làm cần thiết để các hoạt động này tồn tại bền vững sau khi dự án kết thúc. Sau đây là tóm tắt một số trong các phản hồi đó:

- Giữ gìn nguồn hạt giống/ cây con giống/ con giống trong làng bằng cách chăm sóc bảo vệ cẩn thận. Nếu một số sản phẩm/ cây trồng có thể bán được, dân làng sẽ mua một số sản phẩm, cây trồng mới.
- Ban phát triển thôn sẽ theo dõi nhắc nhở thực hiện các hoạt động đều đặn
- Tiếp tục làm phân trộn để bón cho hoa màu, cây trồng
- Chăm sóc cây trồng, đồng ruộng, vườn tược đều đặn, bảo vệ khỏi bị gia súc phá hoại.
- Cam kết thực hiện những điều quy định của Ngân hàng Vật nuôi. Đặc biệt điều quy định về việc bán con vật nuôi hết khả năng sinh sản để mua con khác thay thế (trâu bò, lợn, dê).

- Chia sẻ hạt giống, cây con giống, cá giống, con vật nuôi với cộng đồng.
- Làm chuồng mới hay sửa chữa khi cần.
- Chuẩn bị đầy đủ thức ăn cho con vật nuôi (cỏ/ hoa màu)
- Giữ lại những con cá lớn để làm giống

### 3.8 Các hội nghị chuyên đề mở rộng cho các thôn khác

Trong năm tài khóa Nhật Bản 2007 và 2008, hội nghị chuyên đề mở rộng được tổ chức tại mỗi thôn mô hình (các xã Pờ Ê, Đăk Pnê, và Đăk Kôi trong năm tài khóa Nhật Bản 2007 và các xã Hiếu và Ngọc Tem trong năm 2008). Những vấn đề liên quan đến các hội nghị chuyên đề được trình bày tóm tắt trong bảng sau.

| Xã          | Thời gian      | Số lượng thôn tham gia<br>(trừ thôn mô hình) | Số người tham gia<br>(gồm cả cán bộ chính quyền) |
|-------------|----------------|----------------------------------------------|--------------------------------------------------|
| Xã Pờ Ê     | 16, 19/11/2007 | 4                                            | 17                                               |
| Xã Hiếu     | 17, 18/6/2008  | 7                                            | 41                                               |
| Xã Ngọc Tem | 4, 5/6/2008    | 7                                            | 22                                               |
| Xã Đăk Pnê  | 14, 15/11/2007 | 2                                            | 18                                               |
| Xã Đăk Kôi  | 12, 13/11/2007 | 7                                            | 17                                               |
| Tổng cộng   |                | 27                                           | 115                                              |

Việc tổ chức các hội nghị chuyên đề nhằm hai mục đích sau:

- Giới thiệu các hoạt động được thực hiện tại các thôn mô hình của dự án đến cho người dân của các thôn khác để họ có thể biết được về các loại hình hoạt động mà dự án đang thực hiện và cách người dân thôn mô hình hưởng được lợi ích từ dự án và cuối cùng là người dân những thôn khác trở nên quan tâm đến việc áp dụng các hoạt động đang được thực hiện tại các thôn mô hình.
- Chọn hai thôn từ mỗi xã liên quan đến việc chuẩn bị dự thảo kế hoạch giảm nghèo cho các thôn khác (sẽ được trình bày ở mục 3.9 'Việc lập dự thảo kế hoạch giảm nghèo tại các thôn khác.')

Cùng với 2 mục đích này, các nhu cầu của những đối tượng tham gia cũng đã được khảo sát tại hội nghị chuyên đề mở rộng.

Một trong những mục tiêu tổng quát của dự án là 'Mở rộng các mô hình thành công tại các thôn mô hình sang các thôn khác tại hai huyện.' Theo đó, các mục đích của dự án nhắm đến một trong những kết quả được cụ thể hóa trong Ma trận dự án, 'Chuẩn bị để thực hiện việc mở rộng các kết quả đầu ra từ các hoạt động của dự án đến các vùng khác' trong suốt quá trình thực hiện dự án để đạt được mục đích dự án, và đó là nền tảng để đạt được mục tiêu tổng quát. Do vậy, hội nghị chuyên đề mở rộng được tổ chức liên quan đến kết quả đầu ra này. Hơn nữa, hội nghị mở rộng liên quan đến việc chuẩn bị

dự thảo kế hoạch cải thiện sinh kế cho các thôn khác và hoạt động này cũng sẽ được thực hiện để chuẩn bị cho việc đạt được mục tiêu tổng quát; trong suốt quá trình thực hiện dự án, dự án sẽ không thực hiện các hoạt động để mở rộng các thành tựu của dự án đến các thôn khác mà chỉ chuẩn bị để đạt được mục tiêu này.

Tại mỗi xã hội nghị kéo dài 2 ngày; vào ngày đầu tiên, dự án thảo luận với chủ tịch UBND xã và các nhân sự liên quan về các nội dung của hội nghị. Dưới đây là tóm tắt các chủ đề được thảo luận trong ngày đầu tiên.

- 1) Đề cương của dự án: các mục tiêu, các hoạt động được thực hiện
- 2) Các mục đích tổ chức hội nghị chuyên đề mở rộng
- 3) Đề xuất tiêu chuẩn để chọn ra các thôn để lập kế hoạch LIP cho các thôn đó
- 4) Đề xuất các thôn được chọn để lập kế hoạch LIP cho các thôn đó
- 5) Thống nhất lịch làm việc của hội nghị chuyên đề (được tổ chức vào ngày thứ hai)

Chủ đề 3 và 4 đã được cân nhắc kỹ càng. Các chủ đề này cuối cùng đã do dân làng quyết định trong suốt hội nghị và dự án giải thích rằng dự án được thực hiện theo phương thức từ dưới lên và các ý kiến và yêu cầu của dân làng nên được ưu tiên; các UBND xã đã nắm rõ các quan điểm này. Sau thảo luận là chuyến viếng thăm các thôn được UBND xã chỉ định lập kế hoạch LIP để biết được điều kiện thực trạng của các thôn đó.

Vào ngày thứ hai, hội nghị chuyên đề mở rộng được tổ chức, có mời tất cả các thôn trong xã; 3 đại diện từ mỗi xã tham gia hội nghị. Sau đây là các vấn đề được thảo luận trong hội nghị chuyên đề mở rộng:

- 1) Giới thiệu dự án JICA
  - i. Khái quát các hoạt động LIP: LIP được chuẩn bị như thế nào, dân làng được dự án hỗ trợ như thế nào để thực hiện các hoạt động LIP và giải thích các hệ thống được áp dụng tại các thôn mô hình (như Ban phát triển thôn và hệ thống ngân hàng vật nuôi)
  - ii. Báo cáo các hoạt động được thực hiện gần đây và tiến độ: CF trình bày các bức ảnh thể hiện các hoạt động LIP được thực hiện tại chỗ.
  - iii. Tiếng nói từ phía dân làng: các đại diện của các thành viên trong Ban phát triển thôn (dân làng) của các thôn mô hình chia sẻ cảm nghĩ của họ về việc tham gia các hoạt động LIP với các đối tượng tham gia hội nghị.
- 2) Tham quan nơi thực hiện các hoạt động tại thôn mô hình: CF và các thành viên Ban phát triển thôn đã dẫn đầu một chuyến tham quan đến hiện trường các hoạt động chăn nuôi heo, nuôi gia súc lớn, nuôi vịt, nuôi cá, canh tác đất dốc, trồng lúa, làm vườn nhà...để quan sát các hoạt động được thực hiện tại các thôn mô hình và hiểu rõ LIP.
- 3) Chuẩn bị dự thảo kế hoạch cải thiện sinh kế:
  - i. Sẽ chọn lựa ra hai thôn để lập kế hoạch như là một bước đầu tiên để mở rộng các thành quả dự án đến các vùng lân cận sau khi dự án kết thúc.
  - ii. Dự án sẽ chỉ chuẩn bị một kế hoạch và không thực hiện kế hoạch hay cung cấp vật tư để thực

hiện kế hoạch.

4) Hội thảo:

- i. Xác định tiêu chuẩn chọn lựa các thôn để lập kế hoạch LIP cho các thôn đó
- ii. Chọn lựa các thôn.

Các kết quả của hội nghị chuyên đề mở rộng tổ chức trong năm tài khóa Nhật Bản 2008 sẽ được miêu tả dưới đây. Vui lòng tham khảo Báo cáo tiến độ (2) để biết các vấn đề liên quan đến hội nghị chuyên đề tổ chức trong năm tài khóa Nhật Bản 2007

Xã Ngọc Tem

Trong số 11 thôn bên cạnh thôn mô hình trong xã, có 7 thôn tham gia hội nghị. Sau khi việc trình bày hoàn tất, các đối tượng tham có cơ hội bày tỏ ý kiến của mình về các hoạt động của dự án và nhu cầu cải thiện đời sống của họ. Dưới đây là tóm tắt các ý kiến của họ.

- i. Đây là một cơ hội quý báu để có hiểu biết về dự án và tất cả các đối tượng tham gia đại diện cho thôn của họ nên tường thuật lại cho người khác những gì mà họ đã nhìn thấy và học hỏi được tại hội nghị sau khi trở về thôn.
- ii. Ban phát triển thôn được thiết lập tại thôn mô hình là một phương thức tốt để quản lý các hoạt động thực hiện tại thôn.
- iii. Trồng rau vườn nhà là rất cần thiết để có thể giúp dân làng không còn phải vào rừng tìm thức ăn và giúp giảm nguy cơ thiếu lương thực.
- iv. Nuôi cá cũng rất cần thiết vì giúp trẻ em không phải ra sông bắt cá và có thể chết đuối.
- v. Nuôi heo cũng cần thiết để bảo đảm thu nhập cho gia đình và cải thiện thu nhập.
- vi. Nuôi gia súc tại chuồng là một việc cần thiết vì giảm được xung đột giữa dân làng.

Liên quan đến việc chọn lựa một số thôn để lập kế hoạch LIP cho các thôn đó, một người dân trong thôn có đề xuất rằng việc chọn lựa các thôn nên tính đến cách thức mở rộng các thành quả của dự án đến các vùng khác như thế nào cho có hiệu quả; đối với việc này, địa điểm của các thôn được chọn là rất quan trọng. Kết quả là, Đak Che (thôn 2) và Đak Tem (thôn 5) được chọn lựa để lập dự thảo kế hoạch LIP vì theo dân làng việc mở rộng xa hơn đến thôn 1 và 3 sẽ được hỗ trợ thông qua thôn 2 và việc mở rộng xa hơn đến thôn 4 và 6 sẽ được hỗ trợ thông qua thôn 5. Cả hai thôn đã thể hiện sự quan tâm của họ trong việc lập dự thảo kế hoạch LIP và do vậy đã chấp nhận quyết định này.

Xã Hiếu:

Trong số 11 thôn bên cạnh thôn mô hình trong xã này, có 7 thôn tham gia hội nghị. Sau khi CF hoàn tất việc trình bày các hoạt động của dự án và một đại diện của thôn mô hình phát biểu ý kiến của mình về việc tham gia dự án, các đối tượng tham gia có cơ hội bày tỏ ý kiến của mình về các hoạt động yêu thích và hoạt động nào có thể giúp họ cải thiện đời sống. Bảng dưới đây tóm tắt các ý kiến từ phía các thôn.



|                          | Các hoạt động yêu thích                                 | Những nhu cầu cải thiện đời sống                                                          |
|--------------------------|---------------------------------------------------------|-------------------------------------------------------------------------------------------|
| Thôn 1<br>(vắng)         |                                                         |                                                                                           |
| Thôn 2                   | Nuôi cá, nuôi trâu, trồng cà phê                        | - Kiến thức để phòng bệnh vật nuôi<br>- Kỹ thuật tăng sản lượng lúa<br>- Kỹ thuật diệt cỏ |
| Thôn 3                   | Nuôi cá, nuôi trâu, trồng cà phê, canh tác trên đất dốc | - Kiến thức tăng sản lượng lúa<br>- Tiền mua cây giống lai                                |
| Thôn 4                   | Nuôi cá, nuôi heo, trồng cà phê, canh tác trên đất dốc  | - Kiến thức chăm sóc vật nuôi<br>- Kỹ thuật phòng sâu bệnh cho lúa                        |
| Thôn 5<br>(thôn mô hình) |                                                         |                                                                                           |
| Thôn 6                   | Nuôi cá, nuôi heo, nuôi trâu, trồng cà phê              | - Thuốc cho vật nuôi<br>- Thuốc trừ sâu cho lúa                                           |
| Thôn 7<br>(vắng)         |                                                         |                                                                                           |
| Thôn 8<br>(vắng)         |                                                         |                                                                                           |
| Thôn 9                   | Nuôi cá, nuôi heo, nuôi trâu                            | - Thuốc cho vật nuôi<br>- Thuốc trừ sâu cho lúa                                           |
| Village #10              | Nuôi cá, nuôi heo, nuôi trâu                            | - Thuốc cho vật nuôi<br>- Thuốc trừ sâu cho lúa                                           |
| Village #11              | Nuôi cá, nuôi heo, nuôi trâu/gia súc lớn, trồng cà phê  | - Thuốc cho vật nuôi<br>- Thuốc trừ sâu cho lúa                                           |

Liên quan đến việc chọn lựa hai thôn để lập dự thảo kế hoạch LIP, có đề xuất rằng nên chọn lựa một thôn tích cực nhất trong các hoạt động dự án giảm nghèo và một thôn ít có cơ hội nhận sự hỗ trợ nhất. Những đối tượng tham gia thống nhất ý kiến này và thảo luận để tìm ra hai thôn phù hợp với tiêu chuẩn này. Kết quả là, Vi Glong (thôn 2) được bầu là thôn tích cực nhất và thôn Kon Klung (thôn 11) được bầu là thôn có ít cơ hội nhận hỗ trợ nhất. Cả hai thôn này đều thể hiện sự quan tâm đến việc tham gia lập dự thảo kế hoạch LIP và do vậy đã chấp nhận quyết định này.

### 3.9 Việc lập dự thảo kế hoạch giảm nghèo tại các thôn khác.

Tiếp theo hội nghị chuyên đề mở rộng, dự thảo kế hoạch cải thiện sinh kế đã được lập cho 2 thôn được chọn ra từ mỗi xã tại hội nghị chuyên đề. Để lập kế hoạch, dự án đã tổ chức một hội thảo tại mỗi thôn; và khuyến khích tất cả các hộ trong thôn tham gia hội thảo. Những thông tin cơ bản về cuộc hội thảo (thời gian, số lượng người tham gia...) được trình bày trong bảng dưới đây.

| Xã       | Thôn nơi hội thảo được tổ chức | Ngày tổ chức hội thảo | Số lượng người tham gia (gồm cả cán bộ chính quyền) |
|----------|--------------------------------|-----------------------|-----------------------------------------------------|
| Pờ Ê     | Thôn 1                         | 6/12/ 2007            | 49                                                  |
|          | Thôn 2                         | 7/12/ 2007            | 48                                                  |
| Hiếu     | Thôn 2                         | 1/7/ 2008             | 64                                                  |
|          | Thôn 11                        | 3/7/ 2008             | 53                                                  |
| Ngọc Tem | Thôn 2                         | 10/6/ 2008            | 38                                                  |
|          | Thôn 5                         | 11/6/ 2008            | 53                                                  |
| Đăk Pnê  | Thôn 2                         | 4/12/ 2007            | 93                                                  |
|          | Thôn 3                         | 5/12/ 2007            | 26                                                  |
| Đăk Kôi  | Thôn 6                         | 28/11/ 2007           | 64                                                  |
|          | Thôn 7                         | 29/11/ 2007           | 36                                                  |

Hoạt động này được thực hiện liên quan đến việc chuẩn bị để đạt được mục tiêu tổng quát, 'các mô hình thành công tại các thôn mô hình được mở rộng đến các thôn khác ở hai huyện'. Tóm lại, dự án lập một kế hoạch cho mỗi thôn được chọn trong suốt quá trình thực hiện nhưng không thực hiện kế hoạch hay cung cấp vật liệu cho việc thực hiện kế hoạch đó. Chính bên đối tác Việt Nam sẽ thực hiện kế hoạch giảm nghèo áp dụng các kết quả của dự án sau khi dự án kết thúc.

Vấn đề liên quan đến việc lập dự thảo kế hoạch giảm nghèo đó là dự án ADB đã lập các kế hoạch phát triển xã (CDP) cho tất cả các xã tại Kon Plong và Kon Rẫy trong giai đoạn từ 2006-2009. CDP thật sự xác định rõ kế hoạch các hoạt động cho tất cả các thôn trong xã. Hơn nữa, CDP đã được lập dựa trên một hội thảo được tổ chức tại mỗi thôn ở Kon Plong và Kon Rẫy và do vậy có thể khẳng định rằng CDP phản ánh được ý kiến từ phía dân làng. Kết quả là, dự án quyết định không lập kế hoạch về các hoạt động cải thiện sinh kế tương tự như kế hoạch ADB, vì có một lúc hai kế hoạch khác nhau như thế có thể khiến dân làng lúng túng. Thay vì đó, dự án thực hiện các công việc sau - các việc không có trong CDP đã chỉnh sửa:

- 1) Lập kế hoạch trao đổi/chuyển giao công nghệ giữa thôn mô hình và các thôn khác;
- 2) Lập kế hoạch cải thiện đời sống dựa trên các hoạt động không có trong CDP đã chỉnh sửa;
- 3) Lập kế hoạch thiết lập và điều hành Ban phát triển thôn và hệ thống ngân hàng vật nuôi.

Dựa trên những điểm cần xem xét như miêu tả ở trên, hội thảo xây dựng bản dự thảo Kế hoạch cải thiện sinh kế đã được triển khai như sau:

#### 1) Giới thiệu dự án JICA:

- i. Khái quát các hoạt động trong kế hoạch giảm nghèo: giải thích các ý tưởng cơ bản về cách thức dự án hỗ trợ dân làng cải thiện đời sống.
- ii. Trình bày các hoạt động trong kế hoạch giảm nghèo: trình bày các hình ảnh thể hiện các hoạt

động LIP thực hiện tại thôn mô hình.

- iii. Tiếng nói của dân làng tại thôn mô hình: những dân làng đại diện cho các thôn mô hình chia sẻ suy nghĩ của họ về việc tham gia các hoạt động của dự án cùng với những người tham gia khác.

2) Hội thảo:

- i. Các đối tượng tham gia được chia thành nhóm dựa vào các loại hình hoạt động mà họ thích.
- ii. Mỗi nhóm hoạt động liệt kê các lợi ích từ hoạt động và các vấn đề khó khăn gặp phải khi thực hiện hoạt động lên một tờ giấy khổ A0.
- iii. Nhóm hoạt động phân tích xa hơn các vấn đề phản ánh nhu cầu cải thiện đời sống của họ và thảo luận các cách thức giải quyết vấn đề.

3) Kết quả của hội thảo:

- i. Việc lập ra một kế hoạch trao đổi/chuyển giao công nghệ
- ii. Kế hoạch giảm nghèo: các hoạt động không có trong kế hoạch phát triển xã
- iii. Kế hoạch phát triển thôn và hệ thống quay vòng vật nuôi

Sau đây là kết quả của việc chuẩn bị dự thảo kế hoạch LIP cho xã Hiếu và Ngọc Tem. Vui lòng tham khảo Báo cáo tiến độ (3) trong năm tài khóa Nhật Bản 2007 để biết được các kết quả về lập kế hoạch cho các xã Pờ Ê, Đăk Pnê, và Đăk Kôl. Ngoài ra, 10 bản dự thảo Kế hoạch cải thiện sinh kế của 10 thôn cho năm 2007 - 2008 được mô tả trong Phụ lục 11 của báo cáo này.

Xã Hiếu:

- Những dân làng tham dự hội thảo tại thôn 11 dường như chỉ thích các hoạt động chăn nuôi gia súc (hầu hết là gia súc lớn)
- Không dân làng nào thích góp vốn để thiết lập hệ thống quay vòng vật nuôi và do vậy hoạt động này không được thực hiện.

Xã Ngọc Tem:

- Có một ít dân làng có thể hướng dẫn được người khác tham gia thảo luận. Và những người này giúp dự án lấy được ý kiến từ phía dân làng.
- Cả hai thôn được chọn đều quan tâm đến Ban phát triển thôn của thôn mẫu và thích lập kế hoạch để thiết lập một hệ thống tương tự như thế.
- Không dân làng nào thích góp vốn để thiết lập hệ thống quay vòng vật nuôi và do vậy hoạt động này không được thực hiện.

### 3.10. Tập huấn RECOFTC

Xuyên suốt quá trình thực hiện dự án, bên đối tác Việt Nam đã có 3 cơ hội để tham gia các đợt tập huấn nghiên cứu hoạt động cùng tham gia để phát triển sinh kế dựa vào cộng đồng do RECOFTC thực hiện. Các thông tin cơ bản của các đợt tập huấn này được tóm tắt trong bảng sau. Vui lòng tham khảo Báo cáo tiến độ (2) trong năm tài khóa Nhật Bản 2006 và Báo cáo tiến độ (3) trong năm tài khóa Nhật Bản 2007 để biết thêm chi tiết.

| Tên khóa tập huấn                                                            | Thời gian              | Thành phần tham gia và số lượng                                                                                                                                                    | Địa điểm          | Ghi chú                                                                      |
|------------------------------------------------------------------------------|------------------------|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------------|------------------------------------------------------------------------------|
| Nghiên cứu hành động có sự tham gia của cộng đồng dựa vào phát triển sinh kế | 9/10/2006 – 20/10/2006 | Tổng số: 4<br>Thành phần tham gia: đại diện của Cục Lâm nghiệp/Bộ NN&PTNT, Sở NN&PTNT Kon Tum, Chi cục Lâm nghiệp Kon Tum; phiên dịch viên của dự án                               | RECOFTC, Bangkok  | Xem chương 3.7.1 và Phụ lục 9 của Báo cáo tiến độ (2) để biết thêm chi tiết. |
|                                                                              | 26/2/2007 – 9/3/2007   | Tổng số: 10<br>Thành phần tham gia: Xúc tác viên; đại diện của Sở NN&PTNT Kon Tum, Chi cục Lâm nghiệp Kon Tum, UBND huyện Kon Plong, UBND huyện Kon Ray; phiên dịch viên của dự án | RECOFTC, Bangkok  | Xem chương 3.7.2 và Phụ lục 9 của Báo cáo tiến độ (2) để biết thêm chi tiết. |
|                                                                              | 16/7/2007 – 27/7/2007  | Tổng số: 19<br>Thành phần tham gia: Xúc tác viên; đại diện của BQL DALN tỉnh Kon Tum, UBND huyện Kon Plong, UBND xã (5 xã), 5 thôn mô hình; phiên dịch viên của dự án              | Kon Tum, Việt Nam | Xem chương 3.10 và Phụ lục 11 của Báo cáo tiến độ (3) để biết thêm chi tiết. |

### 3.11 Hợp JCC và Hội thảo tổng kết

Cuộc họp JCC được mô tả tóm tắt và trình bày trong Bảng dưới đây.

| Cuộc họp                                           | Thời gian     | Địa điểm                                                                                                                                        | Mục đích                                                                                                                                                                         | Thành phần tham gia                                                                 | Ghi chú                           |
|----------------------------------------------------|---------------|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------------------------------------------------------------------------------|-----------------------------------|
| Họp sơ bộ Ban Điều hành phối hợp (JCC)             | 2005/7/7      | Phòng họp, Cục Lâm nghiệp (DoF), Bộ Nông nghiệp và phát triển nông thôn (MARD)                                                                  | 1) Trình bày bản dự thảo Báo cáo khởi động (Ông Kato)<br>2) Thảo luận, Câu hỏi và trả lời, phát biểu ý kiến<br>3) Kết luận phần thảo luận                                        | Cán bộ nhà nước thuộc các cơ quan liên quan (Hanoi, Kontum)<br>JICA<br>Cán bộ dự án | Phụ lục 6 - Báo cáo tiến độ (1)   |
| Họp Ban Điều hành phối hợp lần 1 (JCC) tại Kon Tum | 29-30/10/2007 | <Thăm hiện trường><br>Thôn Tu Ro Bang, xã Dak Koi<br>Thôn Kon K Tau, xã PoE<br><Họp><br>Phòng họp, Khách sạn Đông dương, Thị xã Kon Tum         | 1) Báo cáo tiến độ và kết quả các hoạt động dự án.<br>2) Tổng kết bài học kinh nghiệm từ các hoạt động của dự án<br>3) Thảo luận về chỉnh sửa PDM                                | Cán bộ nhà nước thuộc các cơ quan liên quan (Hanoi, Kontum)<br>JICA<br>Cán bộ dự án | Chương 3.11 - Báo cáo tiến độ (3) |
| Hội thảo tổng kết tại Kon Tum                      | 11-12/9/2008  | <Thăm hiện trường><br>Thôn Vichiring, xã Hiếu<br>Thôn Kon K Tau, xã PoE,<br>Thôn Kon Tuc, xã DakPne<br><Họp><br>Phòng họp, Sở NN & PTNT Kon Tum | 1) Trình bày kết quả các hoạt động của dự án<br>2) Trình bày Hướng dẫn khuyến nông về các hoạt động cải thiện sinh kế (LIP)<br>3) Thảo luận tính bền vững sau khi dự án kết thúc | Cán bộ nhà nước thuộc các cơ quan liên quan (Hanoi, Kontum)<br>JICA<br>Cán bộ dự án | Xem dưới đây                      |
| Hội thảo tổng kết tại Hà Nội                       | 19/9/2008     | <Hội thảo><br>Hội trường tại khách sạn La Thành ở Hà Nội                                                                                        | 1) Trình bày kết quả các hoạt động của dự án<br>2) Thảo luận tính bền vững sau khi dự án kết thúc                                                                                | Cán bộ nhà nước thuộc các cơ quan liên quan (Hanoi, Kontum)<br>JICA<br>Cán bộ dự án | Xem dưới đây                      |

Chi tiết về cuộc họp JCC tổ chức tháng 10 năm 2007 đã được trình bày trong Chương 3.1.1 của Báo cáo tiến độ (3). Như đã đề cập ở bảng trên, kết quả của hội thảo tổng kết tại Kon Tum và Hà Nội tháng 9 năm 2008 được sơ bộ miêu tả như sau.

Hội thảo tổng kết dự án tại Kon Tum được tổ chức từ ngày 11 đến ngày 12 tháng 9 năm 2008 với mục đích để các đại biểu nắm bắt được kết quả, thành quả thực tế của các hoạt động dự án, hiểu về nội dung của Hướng dẫn kỹ thuật nhằm xúc tiến nhân rộng các mô hình của dự án trong tương lai, và thảo luận về tính bền vững của các hoạt động cải thiện sinh kế của người dân. Chương trình hội thảo 2 ngày bao gồm thăm quan thực địa và họp trong phòng nhằm đạt được mục đích hội thảo như đã trình bày ở trên.

Trong ngày đầu tiên, các đại biểu thăm quan 3 thôn mô hình, thôn Vichiring thuộc xã Hiếu, thôn Kon K Tau thuộc xã Poe và thôn Kon Tuc thuộc xã DakPne. Các đại biểu đã trực tiếp thăm quan các thành quả về các hoạt động cải thiện sinh kế và được nghe ý kiến của người dân tại 3 thôn mô hình. Các đại biểu đã được thăm quan hoạt động giao đất, giao rừng cho cộng đồng cho hoạt động quản lý rừng cộng đồng tại thôn Vichiring. Chuyến thăm quan giúp các đại biểu hiểu rõ về các hoạt động LIP và CFM. Chương trình chi tiết cho chuyến thăm quan ngày 1 được trình bày ở Bảng dưới đây.

**Chương trình:(ngày 1)**

| <b>Thời gian</b> | <b>Nội dung</b>                        | <b>Chịu trách nhiệm</b> |
|------------------|----------------------------------------|-------------------------|
| 7:00 - 9:00      | Đi xã PoE                              | VP dự án                |
| 9:00 - 10:00     | Thăm quan thực địa (Các hoạt động LIP) | VP dự án                |
| 10:00 -10:30     | Di chuyển từ xã PoE→Hiếu               | VP dự án                |
| 10:30 - 11:30    | Thăm quan thực địa (Các hoạt động CFM) | VP dự án                |
| 11:30 - 12:15    | Di chuyển từ xã Hiếu→Kon Plong         | VP dự án                |
| 12:15 -13:30     | Ăn trưa (Kon Plong)                    | VP dự án                |
| 13:30 - 14:30    | Di chuyển từ TT. Kon Plong→Dak Pne     | VP dự án                |
| 14:30 –15:30     | Thăm quan thực địa (Các hoạt động LIP) | VP dự án                |
| 15:30– 17:00     | Di chuyển từ Dak Pne→KonTum            | VP dự án                |

Trong ngày thứ 2, hội thảo tổng kết đã được tổ chức tại phòng họp, Sở NN&PTNT Kon Tum. Dự án đã mời đại diện các ban ngành liên quan của tỉnh Kon Tum, các tỉnh khác của khu vực Tây Nguyên, các huyện thuộc tỉnh Kon Tum, và các xã thuộc 2 huyện Kon Plong và Kon Rẫy và một số người dân tới dự.

Chi tiết về thành phần đại biểu được trình bày dưới đây:

<Phía Việt Nam>

- Cán bộ sở NN&PTNT KonTum,
- Đại diện sở NN&PTNT Gia Lai,
- Đại diện TT. Thủy sản - sở NN&PTNT KonTum,
- Đại diện Chi cục Lâm nghiệp Kon Tum,
- Đại diện Chi cục Kiểm lâm Kon Tum,
- Đại diện TT. Giống vật nuôi tỉnh Kon Tum,

- Đại diện sở Tài chính KonTum,
- Đại diện UBND của 2 huyện Kon Plong và Kon Ray,
- Đại diện UBND các huyện Dak Ha , Dak To và Dak Glei,
- Đại diện phòng NN&PTNT Huyện Kon Ray,
- Đại diện UBND của mỗi xã, nơi có các thôn mô hình của dự án,
- Đại diện thị trấn Dak Rve và UBND huyện Kon Ray,
- Đại diện xá Tân Lập - huyện Kon Rẫy,
- Đại diện của mỗi thôn mô hình,
- Cán bộ đối tác - Các xúc tác viên của mỗi thôn mô hình
- Cán bộ dự án

#### <Phía Nhật Bản>

- Chuyên gia Kế hoạch phát triển lâm nghiệp tại Cục Lâm nghiệp
- Cán bộ Văn phòng JICA Việt Nam - phụ trách dự án
- Cố vấn trưởng dự án
- Điều phối viên dự án
- Chuyên gia Kế hoạch phổ cập
- Chuyên gia kế hoạch phát triển nông lâm kết hợp bền vững
- Sinh viên từ trường Đại học Kyoto - Nhật Bản

Ban quản lý dự án lâm nghiệp (FPMB) trình bày về thực hiện dự án và những khía cạnh về tính bền vững sau khi dự án kết thúc. Sau đó các chuyên gia dự án trình bày kết quả, các thành quả và bài học kinh nghiệm của dự án từ tháng 6/2005 đến tháng 9/2008. Các cán bộ đối tác và người dân tham gia các hoạt động dự án trình bày về thực tế các hoạt động LIP tại các thôn mô hình. Tiếp theo, các chuyên gia dự án giải thích và tóm tắt nội dung Hướng dẫn khuyến nông - một trong những thành quả của dự án. Cuối cùng là những ý kiến bình luận, thảo luận của đại biểu về kết quả, hiệu quả của dự án cũng như sách Hướng dẫn khuyến nông.

Nhìn chung ý kiến của các đại biểu cho rằng thái độ/cách suy nghĩ của người dân đã thay đổi đáng kể về các hoạt động cải thiện sinh kế. Người dân thực sự mong muốn ứng dụng các kỹ thuật tiên bộ nhằm cải thiện sinh kế của họ. Năng lực của cán bộ nhà nước về các hoạt động cải thiện sinh kế cũng đã được cải thiện rất nhiều. Nhiều ý kiến đại biểu cho rằng chính quyền địa phương và các ban ngành liên quan đưa ra các giải pháp để duy trì và nhân rộng các hoạt động của dự án sang các thôn bản khác.

Chương trình hội thảo chi tiết (ngày 2) được trình bày dưới đây.

**Chương trình (ngày 2)**

| <b>Thời gian</b>     | <b>Nội dung</b>                                                                                                                | <b>Chịu trách nhiệm</b>                                     |
|----------------------|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------------------------------------------------------|
| 7:30-8:00            | Đăng ký đại biểu và nhận tài liệu                                                                                              | BQL các dự án LN Kon Tum                                    |
| 8:00-8:10            | Tuyên bố lý do và giới thiệu đại biểu                                                                                          | BQL các dự án LN Kon Tum                                    |
| 8:10-8:20            | Phát biểu khai mạc của phía Việt Nam                                                                                           | Ông: Nguyễn Kim Phương – PGĐ Sở Nông nghiệp và PTNT Kon Tum |
| 8:20-8:30            | Phát biểu khai mạc của phía Nhật Bản                                                                                           | Đại diện JICA<br>Ông INOUE                                  |
| 8:30 – 9:15          | Báo cáo tình hình thực hiện và kết thúc dự án tại tỉnh Kontum, những đề xuất về tính bền vững của dự án sau khi dự án kết thúc | Bà: Hồ Thị Quý Phi – Phó BQL các dự án LN Kon Tum           |
| 9:15 – 10:15         | Trình bày kết quả của dự án từ tháng 6/2005 – 9/2008, những thành tựu và bài học kinh nghiệm                                   | Chuyên gia tư vấn – Ông: KaTo                               |
| <b>10:15 – 10:30</b> | <b>Nghỉ giải lao</b>                                                                                                           |                                                             |
| 10:30 – 10:50        | Báo cáo hoạt động cải thiện sinh kế từ một trong các thôn mô hình của dự án.                                                   | Xúc tác viên xã Ngọc Tem - Ông Dũng                         |
| 10:50-11:10          | Phát biểu của đại diện các xã tham gia dự án                                                                                   | Các đại biểu của các xã trong vùng dự án                    |
| <b>11:10 - 13:00</b> |                                                                                                                                |                                                             |
| 13:00 - 13:20        | Trình bày về hoạt động Quản lý rừng cộng đồng                                                                                  | Xúc tác viên của xã Hiếu - Ông: Trần Văn Nhu                |
| 13:20 – 14:00        | Trình bày về phân quản lý trong tài liệu hướng dẫn của dự án (Cách sử dụng Hướng dẫn)                                          | Chuyên gia dự án Ông Chiba                                  |
| 14:00 – 14:40        | Trình bày về phân kỹ thuật trong tài liệu hướng dẫn của dự án (Cách sử dụng Hướng dẫn)                                         | Chuyên gia dự án Ông Ban                                    |
| <b>14:40 – 15:00</b> | <b>Nghỉ giải lao</b>                                                                                                           |                                                             |
| 15:00 -15:30         | Phát biểu của đại diện các sở, ngành của tỉnh Kontum (Sở Kế hoạch đầu tư, Sở Tài nguyên môi trường vvv)                        | BQL các dự án LN Kon Tum                                    |
| 15:30 -15:50         | Phát biểu của đại diện UBND 2 huyện Kon Plong và Kon Ray                                                                       | Đại diện 2 huyện Kon Plong và Kon Ray                       |
| 15:50 - 16:10        | Phát biểu của lãnh đạo sở NN&PTNT tỉnh Kon tum                                                                                 | Đại diện Sở NN&PTNT Kon Tum                                 |
| 16:10 – 16: 25       | Phát biểu của UBND tỉnh Kon Tum                                                                                                | Đại diện UBND tỉnh Kon Tum                                  |
| 16:25 – 17:00        | Phát biểu bế mạc                                                                                                               | Đại diện Sở NN & PTNT Kon Tum                               |

Hội thảo tổng kết của dự án được tổ chức tại Hà Nội ngày 19/9/2008 nhằm mục đích chia sẻ kết quả và các đầu ra của dự án giữa các cơ quan trung ương tại Hà Nội và phía tỉnh Kon Tum. Đại diện tỉnh Kon Tum tham dự hội thảo gồm có đại diện của UBND tỉnh Kon Tum, Ban quản lý các dự án lâm nghiệp Kon Tum (FPMB), đại diện UBND huyện Kon Plong và KonRay, đại diện 2 thôn Tu Ro Bang và Vichiring và 2 xúc tác viên thôn bản. Cục trưởng Cục Lâm nghiệp và các cán bộ khác tham dự đại diện cho phía Cơ quan Trung ương tại Hà Nội. Phía Nhật Bản có sự tham dự của Phó trưởng đại diện thường trực cao cấp của JICA Việt Nam, các cán bộ khác và 2 chuyên gia của dự án. Đại diện của FPMB đã có bài trình bày về kết quả thực hiện dự án và tính bền vững sau khi dự án kết thúc. Hai xúc tác viên lần lượt trình bày về các hoạt động phát triển sinh kế (LIP) và các hoạt động quản lý rừng cộng đồng (CFM). Cục trưởng Cục Lâm nghiệp đã kết luận dự án đạt được các mục tiêu và mục đích

thiết kế ban đầu và bước đầu có nhiều ảnh hưởng tích cực đến khu vực vùng dự án. Cục trưởng cũng đã nhấn mạnh một phần của Kế hoạch CFM do dự án xây dựng đã được Bộ NN&PTNT phê duyệt tháng 9 năm 2008 là một trong những thành công lớn của dự án và phía Việt Nam cần tiếp tục triển khai các hoạt động cần thiết để kế hoạch CFM được thực sự triển khai.

Chương trình chi tiết của Hội thảo tổng kết tại Hà Nội được trình bày ở Bảng dưới đây:

| Thời gian   | Nội dung                                                                                                              | Chịu trách nhiệm          |
|-------------|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------------------------|
| 7:30-8:00   | Đăng ký đại biểu                                                                                                      | Cục LN, JICA              |
| 8:00-8:10   | Tuyên bố lý do, giới thiệu đại biểu                                                                                   | DoF                       |
| 8:10-8:20   | Phát biểu khai mạc bởi phía Việt Nam                                                                                  | Cục trưởng Cục LN         |
| 8:20-8:30   | Phát biểu khai mạc bởi phía Việt Nam                                                                                  | Phó chủ tịch tỉnh Kon Tum |
| 8:30-8:40   | Phát biểu khai mạc bởi phía Nhật Bản                                                                                  | Ông. Tojo (JICA)          |
| 8:40-9:45   | Trình bày kết quả thực hiện dự án, thành quả và tính bền vững của dự án                                               | Bà Phi (Kon Tum FPMB)     |
| 9:45-10:00  | Nghỉ giải lao                                                                                                         |                           |
| 10:00-10:20 | Trình bày về các hoạt động LIP tại xã Dak Koi và những thành quả của hoạt động nâng cao năng lực cho các xúc tác viên | Xã Dak Koi                |
| 10:20-10:40 | Trình bày về các hoạt động CFM tại xã Hiếu                                                                            | Xã Hiếu                   |
| 10:40-11:25 | Thảo luận                                                                                                             | Tất cả đại biểu           |
| 11:25-11:40 | Phát biểu bế mạc                                                                                                      | Cục LN                    |



#### **4. Lịch thực hiện các hoạt động (Kết quả).**

Kết quả thực hiện các hoạt động trong suốt quá trình dự án được diễn tả trong bản biểu thực hiện và biểu đồ cho từng hoạt động trong hình 4.1. Ngoài ra, Dự án quản lý hoạt động bằng cách sử dụng Kế hoạch hoạt động hàng năm (APO) , có biểu đồ kế hoạch và kết quả thực hiện cho từng hoạt động. APO từ tháng Tư, 2008 đến tháng Mười 2008 được chỉ ra trong Phụ lục 13. Bản thực hiện công việc và APO được chuẩn bị theo năm Tài chính Nhật bản (JFY) từ tháng Tư đến tháng Ba năm sau. APO 2005 JFY, APO 2006 JFY và APO 2007 JFY có thể xem ở Phụ lục 5 trong báo cáo tiến độ (1), Phụ lục 10 trong báo cáo tiến độ (2), và Phụ lục 10 trong báo cáo tiến độ (3).





## 5. Thay đổi ma trận thiết kế dự án (PDM)

Dự án đã được Chính phủ Việt Nam chính thức phê chuẩn trong tháng 7/ 2007. Do đó, các thành viên của JCC đã chính thức thừa nhận sự cần thiết phải điều chỉnh lại Ma trận thiết kế dự án (PDM) trong phiên họp chính thức của JCC được tổ chức trong tháng 10/ 2007 (xem Chương 3.11). Kết quả là đã tiến hành quy trình chỉnh sửa để cập nhật phiên bản PDM 1 thành phiên bản PDM 2, được chính thức phê chuẩn tháng 2/ 2008. Chi tiết của phiên bản PDM 1 và phiên bản PDM 2 được trình bày dưới đây.

Những điểm thay đổi chính giữa phiên bản PDM 1 và phiên bản PDM 2 như sau: Để biết chi tiết sự thay đổi, xem Chương 7 trong Báo cáo Tiến độ (3). Để biết lý do/ cơ sở của sự thay đổi, nhất là những “Giả thiết quan trọng”, “Công cụ thẩm định” và một phần của “Chỉ số có thể thẩm định khách quan”, thì xem Chương 7 trong Báo cáo tiến độ (2).

### **Mục tiêu dài hạn, Mục tiêu tổng thể , Mục đích của Dự án và Đầu ra trong bảng Tường trình Tóm tắt :**

Không thay đổi

### **Các hoạt động trong Bảng tường trình tóm tắt :**

- 1) Hoạt động 4-2 “Tiến hành tập huấn cho dân làng, cán bộ nhà nước về việc lập hương ước để phối hợp sử dụng đất sử dụng rừng trong phạm vi thôn bản” trong phiên bản 1 đã được chỉnh sửa thành “Tiến hành tập huấn cho dân làng và cán bộ nhà nước về quản lý rừng cộng đồng và mở rộng kiến thức quản lý rừng cộng đồng đến với các thôn mô hình khác” trong phiên bản 2
- 2) Hoạt động 5-2 “Tổ chức hội thảo ở cấp tỉnh” đã được bổ sung vào phiên bản 2.

### **Các giả thiết quan trọng:**

- 1) Các mục (Items) như “5MHRP được tiến hành như trong kế hoạch” và “Các dự án khác liên quan đến rừng được tiến hành như trong kế hoạch” đã được bổ sung cho phần Giả thiết quan trọng để đạt được mục tiêu dài hạn.
- 2) Một mục như “Các Dự án ADB tại tỉnh Kon Tum được thực hiện hữu hiệu và hiệu quả” đã được bổ sung trong phần các giả thiết quan trọng để đạt được mục tiêu tổng thể.

### **Các chỉ số có thể kiểm chứng khách quan**

- 1) Các giá trị bằng số nhằm mô tả mức độ đạt chỉ tiêu không được giải thích rõ trong cột “các chỉ số có thể kiểm chứng khách quan” mà chỉ được mô tả bằng “xx” trong phiên bản 1. Trong phiên bản 2, những số liệu này đã được làm rõ..
- 2) Chỉ số để đánh giá mức độ nắm bắt nội dung tập huấn kỹ thuật của dân bản trên cơ sở điểm số đã được loại bỏ vì e rằng nó quá khó so với trình độ đọc viết của dân bản. Thay vào đó, mức độ nắm bắt nội dung học tập được đánh giá bằng mức độ vận dụng vào thực tế các kỹ năng đã học được của dân bản.
- 3) Các chỉ số cho Đầu ra 4 đã được đổi thành các chỉ số được xác định dưới hình thức các hoạt động kết hợp với hoạt động quản lý rừng cộng đồng.

- 4) Các chỉ số của Đầu ra 5 đã được điều chỉnh phù hợp với những điểm đã thay đổi trong đợt học chuyên đề mở rộng sẽ tổ chức trong các làng mô hình.

**Ma trận Thiết kế Dự án ( PDM)**

Tên Dự án: Dự án Hỗ trợ Dân bản Quản lý Rừng Bền vững tại Tây Nguyên Tháng 4/2005

Vùng mục tiêu: Năm thôn mô hình : tại huyện Kon Plong: (1) Kon K Tàu (xã PờÊ),  
(2) Vi Chi Ring (xã Hiếu), và (3) Nước Nót (xã Ngọc Tem);  
tại huyện Kon Rẫy: (4) Kon Túc (xã Dak Pnê), và (5) Tu Rơ Bang (xã Dak Kơi); tỉnh  
Kon Tum, CHXHCN Việt Nam

Nhóm mục tiêu: Người dân 5 thôn mô hình, cán bộ Nhà nước và cán bộ khuyến nông-  
lâm cấp tỉnh, huyện, xã và cấp thôn.

Thời gian: 20/6/2005 ~ 19/9/2008

Phiên bản: 1

| <b>Tóm lược</b>                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                             | <b>Các Chỉ số Có thể Kiểm chứng Khách quan</b>                                                                                                                                                                                                                                                                                              | <b>Công cụ Kiểm</b>                                 | <b>Giá thiết quan trọng</b>                                                 |
|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-----------------------------------------------------|-----------------------------------------------------------------------------|
| <b>Mục tiêu Dài hạn</b><br>Giảm sức ép lên tài nguyên rừng do hoạt động du canh của người dân bản trong tỉnh Kon Tum.                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                       | Năm 2016:<br>Độ che phủ rừng ở tỉnh Kon Tum tăng xx% so với năm 2005                                                                                                                                                                                                                                                                        |                                                     |                                                                             |
| <b>Mục tiêu Tổng thể</b><br><br>(1) Các mô hình thành công ở năm thôn mô hình được nhân rộng ra các thôn khác trong hai huyện<br>(2) Cải thiện đời sống người dân bản ở hai huyện có 5 thôn mô hình                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                         | Năm 2011:<br>1.1 Kiến thức và kỹ năng áp dụng ở các thôn mô hình được nhân rộng ra xx% người dân trong hai huyện<br>2.1 Thu nhập Trung bình của các hộ gia đình ở hai huyện tăng xx % so với thời điểm bắt đầu dự án<br>2.2 Số hộ gia đình nghèo ở hai huyện giảm xx % so với thời điểm bắt đầu dự án                                       | Số liệu thống kê Nhà nước<br>Khảo sát dữ liệu cơ sở | - Tỷ lệ gia tăng dân số không tăng quá nhanh                                |
| <b>Mục đích Dự án</b><br>Cải thiện các hoạt động nông nghiệp, lâm nghiệp, chăn nuôi và nông-lâm nghiệp tại các thôn mô hình                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                 | 1.1 Tới thiểu xx % số hộ gia đình tham gia vào Dự án có thể tăng số lượng sản phẩm từ nông nghiệp, lâm nghiệp, chăn nuôi và nông-lâm nghiệp<br>1.2 Tới thiểu xx % số hộ gia đình tham gia vào Dự án đa dạng hoá được các hoạt động sản xuất<br>1.3 Tới thiểu xx % số hộ gia đình tham gia vào Dự án tiếp tục các hoạt động do Dự án đưa vào | Khảo sát dữ liệu cơ sở                              | - Không xảy ra khủng hoảng kinh tế<br>- Dự án hỗ trợ dân bản được tiếp tục. |
| <b>Hoạt động</b><br>0-1 Thực hiện khảo sát dữ liệu cơ sở để thu thập dữ liệu cho việc đánh giá dự án<br><br>1-1 Thực hiện tập huấn kỹ thuật về nông nghiệp, lâm nghiệp, chăn nuôi và nông-lâm nghiệp<br>1-2 Quan sát các thôn khác trong khu vực Tây Nguyên<br>1-3 Thiết lập mô hình thành công về nông lâm<br>1-4 Giám sát, đánh giá kiến thức và kỹ năng kỹ thuật của người dân bản<br><br>2-1 Thực hiện tập huấn về lập kế hoạch dự án, thực hiện, giám sát và đánh giá<br>2-2 Thực hiện tập huấn để cải thiện năng lực hỗ trợ<br>2-3 Huy động cán bộ nhà nước tham gia vào tập huấn kỹ thuật tổ chức cho người dân.<br>2-4 Giám sát, đánh giá mức độ cải thiện năng lực | <b>Đầu vào</b>                                                                                                                                                                                                                                                                                                                              |                                                     |                                                                             |

|                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                         |                                                                                                                                                                                                                                      |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                             |                                                                                       |
|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------------------------------------------------------------------------------------|
| <p>3-1 Khảo sát yêu cầu hiện tại xung quanh thị trường cho các sản phẩm nông, lâm nghiệp và chăn nuôi cũng như phương pháp của người dân để tiếp thị các sản phẩm nông, lâm nghiệp và chăn nuôi</p> <p>3-2 Tập huấn cho người dân bản về các phương pháp tiếp thị sản phẩm nông nghiệp, lâm nghiệp và chăn nuôi</p> <p>3-3 Giám sát và đánh giá mức độ tăng cường năng lực người dân bản</p> <p>4-1 Thực hiện giáo dục môi trường cho người dân bản và cán bộ quản lý nhà nước</p> <p>4-2 Tập huấn cho người dân bản và cán bộ quản lý nhà nước về lập hương ước quản lý đất, rừng</p> <p>4-3 Giám sát, đánh giá kết quả tập huấn</p> <p>5-1 Tổ chức hội thảo kỹ thuật với đối tượng mục tiêu là người dân các thôn khác trong tỉnh Kon Tum</p> <p>5-2 Khảo sát nhu cầu người dân bản dựa trên hội thảo kỹ thuật</p> <p>5-3 Chuẩn bị hướng dẫn mở rộng dựa trên hoạt động dự án và khảo sát nhu cầu</p> | <p>&lt;Phía Việt Nam &gt;</p> <ol style="list-style-type: none"> <li>Nhân sự</li> <li>Văn phòng Dự án</li> <li>Máy móc, trang thiết bị</li> <li>Chi phí quản lý và vận hành</li> <li>Dữ liệu, thông tin, tài liệu hiện có</li> </ol> | <p>&lt;Phía Nhật Bản &gt;</p> <ol style="list-style-type: none"> <li>Nhân sự             <ol style="list-style-type: none"> <li>Cố vấn Trưởng</li> <li>Điều phối viên Dự án</li> <li>Chuyên gia phát triển cộng đồng có sự tham gia</li> <li>Chuyên gia khuyến nông lâm</li> <li>Chuyên gia đào tạo</li> <li>Chuyên gia quản lý rừng</li> </ol> </li> <li>Máy móc, trang thiết bị</li> <li>Một phần phí vận hành</li> </ol> | <p>- Nhân sự được đào tạo tiếp tục tham gia vào dự án</p> <p>- Không có thiên tai</p> |
| <p><b>Điều kiện tiên quyết</b></p> <p>- Người dân thôn mô hình đồng ý tham gia các hoạt động dự án</p>                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                  |                                                                                                                                                                                                                                      |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                             |                                                                                       |

## Thiết kế ma trận dự án (PDM)

Tên Dự án: Dự án Hỗ trợ Dân làng Quản lý Rừng Bền vững tại Tây Nguyên Tháng 2/2008

Vùng mục tiêu: Năm thôn mô hình : tại huyện Kon Plong: (1) Kon K Tàu (xã Pờ Ê), (2) Vi Chi Ring (xã Hiếu), và (3) Nước Nót (xã Ngọc Tem); tại huyện Kon Rẫy: (4) Kon Túc (xã Dak Pnê), và (5) Tu Rơ Bang (xã Dak Koi); tỉnh Kon Tum, CHXHCN Việt Nam

Nhóm mục tiêu: Người dân 5 thôn mô hình, cán bộ Nhà nước và cán bộ khuyến nông-lâm cấp tỉnh, huyện, xã và cấp thôn.

Thời gian: 20/6/2005 ~ 19/9/2008

Phiên bản : 2

| Tóm lược                                                                                                                                                                                             | Các Chỉ số Kiểm chứng                                                                                                                                                                                                                                                                                                                           | Công cụ Kiểm chứng                                    | Giá thiết quan trọng                                                                                                                                                          |
|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------------------------------------------------|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
| <b>Mục tiêu Dài hạn</b><br>Áp lực lên tài nguyên rừng do hoạt động du canh du cư của người dân bản trong tỉnh Kon Tum được giảm thiểu.                                                               | Năm 2016:<br>Độ che phủ rừng ở tỉnh Kon Tum tăng 2 % so với năm 2005                                                                                                                                                                                                                                                                            | Số liệu thống kê của chính phủ (số liệu kiểm kê rừng) |                                                                                                                                                                               |
| <b>Mục tiêu Tổng thể</b><br>(1) Các mô hình thành công ở năm thôn mô hình được nhân rộng ra các thôn khác trong hai huyện<br>(2) Đời sống người dân bản ở hai huyện có 5 thôn mô hình được cải thiện | Năm 2011:<br>1.1 Kiến thức và kỹ năng áp dụng ở các thôn mô hình được nhân rộng ra 10% trong tổng số hộ trong hai huyện<br>2.1 Thu nhập Trung bình của các hộ gia đình ở hai huyện tăng 20 % so với thời điểm bắt đầu Dự án<br>2.2 Số hộ gia đình nghèo ở hai huyện giảm 30 % so với thời điểm bắt đầu Dự án                                    | Số liệu thống kê Nhà nước<br>Khảo sát sau dự án       | - Tỷ lệ gia tăng dân số không tăng quá nhanh<br>- Chương trình 5 triệu ha được thực hiện theo kế hoạch<br>- Các dự án lâm nghiệp khác được xây dựng và thực hiện như kế hoạch |
| <b>Mục đích Dự án</b><br>Các hoạt động nông nghiệp, lâm nghiệp, chăn nuôi và nông-lâm nghiệp tại các thôn mô hình được cải thiện.                                                                    | 1.1 Tối thiểu 70 % số hộ gia đình tham gia vào Dự án có thể tăng số lượng sản phẩm từ nông nghiệp, lâm nghiệp, chăn nuôi và nông-lâm nghiệp<br>1.2 Tối thiểu 70 % số hộ gia đình tham gia vào Dự án đa dạng hoá được các hoạt động sản xuất<br>1.3 Tối thiểu 70 % số hộ gia đình tham gia vào Dự án tiếp tục các hoạt động do Dự án giới thiệu. | Khảo sát cơ sở<br>Báo cáo của dự án                   | - Không xảy ra khủng hoảng kinh tế<br>- Dự án hỗ trợ dân bản được tiếp tục.<br>- Dự án ADB được thực hiện thành công và hiệu quả                                              |



|                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                             |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                         |                                                    |                                                                                                                                                              |
|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|----------------------------------------------------|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
| <p><b>Đầu ra</b></p> <p>(1) Kiến thức và kỹ năng của người dân bán về nông nghiệp, lâm nghiệp, chăn nuôi và nông-lâm nghiệp được cải thiện.</p> <p>(2) Năng lực cán bộ chính phủ trong thực hiện và quản lý các Dự án cải thiện sinh kế được nâng cao.</p> <p>(3) Năng lực của người dân bán về tiếp thị các sản phẩm nông nghiệp, lâm nghiệp, và chăn nuôi được nâng cao.</p> <p>(4) Kiến thức của người dân bán và cán bộ chính phủ về sử dụng rừng và đất bền vững được nâng cao.</p> <p>(5) Chuẩn bị để nhân rộng kết quả Dự án sang các vùng khác.</p> | <p>1.1 Tối thiểu 70 % số hộ gia đình tham gia vào Dự án áp dụng kiến thức và kỹ năng vào các hoạt động sản xuất hàng ngày</p> <p>2.1 Cán bộ đối chính phủ tham gia vào tập huấn hiểu được hơn 80 % nội dung tập huấn</p> <p>2.2 Cán bộ chính phủ tham gia vào tập huấn chuẩn bị được 10 kế hoạch thực hiện cho các Dự án cải thiện sinh kế</p> <p>3.1 Kế hoạch tiếp thị nông sản, lâm sản, và chăn nuôi được chuẩn bị tại mỗi thôn</p> <p>4.1 Người tham gia trong khóa tập huấn hiểu hơn 70% nội dung tập huấn về quản lý rừng cộng đồng.</p> <p>4.2 Kế hoạch quản lý rừng cộng đồng được chuẩn bị ít nhất cho một thôn mô hình</p> <p>5.1 Các hội thảo kỹ thuật được tổ chức tại mỗi thôn mô hình với sự tham gia của dân làng ở ít nhất 20 thôn khác thuộc huyện Kon Plong và Kon Ray.</p> <p>5.2 Tài liệu hướng dẫn mở rộng được chuẩn bị dựa trên các hoạt động Dự án và nhu cầu của người dân</p> | <p>Khảo sát dữ liệu cơ sở</p> <p>Báo cáo dự án</p> | <p>- Các thể chế chính trị không thay đổi nhiều và không thay đổi một cách tiêu cực</p> <p>- Điều phối giữa các bộ phận không thay đổi một cách tiêu cực</p> |
| <p><b>Hoạt động</b></p> <p>0-1 Thực hiện khảo sát dữ liệu cơ sở để thu thập dữ liệu cho việc đánh giá Dự án</p> <p>1-1 Thực hiện tập huấn kỹ thuật về nông nghiệp, lâm nghiệp, chăn nuôi và nông-lâm nghiệp</p> <p>1-2 Tham quan các thôn khác trong khu vực Tây Nguyên</p> <p>1-3 Thiết lập mô hình thành công về nông lâm</p>                                                                                                                                                                                                                             | <p><b>Đầu vào</b></p>                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                   |                                                    |                                                                                                                                                              |

|                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                   |                                                                                                                                                                                                  |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                             |                                                                                       |
|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------------------------------------------------------------------------------------|
| <p>1-4 Giám sát và đánh giá kiến thức và kỹ năng của người dân bản</p> <p>2-1 Thực hiện tập huấn về lập kế hoạch Dự án, thực hiện, theo dõi và đánh giá</p> <p>2-2 Thực hiện tập huấn để cải thiện năng lực hỗ trợ</p> <p>2-3 Huy động cán bộ chính phủ tham gia vào tập huấn kỹ thuật tổ chức cho người dân.</p> <p>2-4 Giám sát, đánh giá mức độ cải thiện năng lực</p> <p>3-1 Khảo sát các điều kiện hiện có liên quan đến các sản phẩm nông, lâm nghiệp và chăn nuôi cũng như phương pháp của người dân để tiếp thị các sản phẩm nông, lâm nghiệp và chăn nuôi</p> <p>3-2 Tập huấn cho người dân bản về các phương pháp tiếp thị sản phẩm nông nghiệp, lâm nghiệp và chăn nuôi</p> <p>3-3 Theo dõi và đánh giá mức độ tăng cường năng lực người dân bản</p> <p>4-1 Thực hiện giáo dục môi trường cho người dân bản và cán bộ đối tác</p> <p>4-2 Thực hiện tập huấn cho dân làng và cán bộ đối tác về quản lý rừng cộng đồng và mở rộng kiến thức quản lý rừng cộng đồng sang các thôn khác.</p> <p>4-3 Theo dõi và đánh giá kết quả tập huấn</p> <p>5-1 Tổ chức hội thảo kỹ thuật với đối tượng là người dân trong các thôn khác của huyện Kon Plong và Kon Rẫy, tỉnh Kon Tum.</p> <p>5-2 Tổ chức hội thảo ở cấp Tỉnh.</p> <p>5.3 Khảo sát nhu cầu của người dân dựa vào những cuộc hội thảo kỹ thuật.</p> <p>5-4 Chuẩn bị hướng dẫn mở rộng dựa trên hoạt động Dự án và khảo sát nhu cầu</p> | <p>&lt;Phía Việt Nam &gt;</p> <p>1. Nhân sự</p> <p>2. Văn phòng Dự án</p> <p>3. Máy móc, trang thiết bị</p> <p>4. Chi phí quản lý và vận hành</p> <p>5. Dữ liệu, thông tin, tài liệu hiện có</p> | <p>&lt;Phía Nhật Bản &gt;</p> <p>1. Nhân sự</p> <p>1.1 Cố vấn Trưởng</p> <p>1.2 Điều phối viên Dự án</p> <p>1.3 Chuyên gia phát triển cộng đồng có sự tham gia</p> <p>1.4 Chuyên gia khuyến nông lâm</p> <p>1.5 Chuyên gia đào tạo</p> <p>1.6 Chuyên gia quản lý rừng</p> <p>2. Máy móc, trang thiết bị</p> <p>3. Một phần phí vận hành</p> | <p>- Nhân sự được đào tạo tiếp tục tham gia vào Dự án</p> <p>- Không có thiên tai</p> |
| <p><b>Điều kiện tiên quyết</b></p> <p>- Người dân thôn mô hình đồng ý tham gia các hoạt động Dự án</p>                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                            |                                                                                                                                                                                                  |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                             |                                                                                       |

## 6. Hồ sơ đầu vào

### 6.1 Hồ sơ chuyên gia

Trong suốt quá trình thực hiện dự án (từ năm tài khóa Nhật bản 2005 - 2008), sáu chuyên gia Nhật bản được phái đến để làm việc, và ông Kazuhisa Kato là Tư vấn trưởng. Trách nhiệm công việc của mỗi chuyên gia được nêu lên trong bản 6.1.1.

Bản 6.1.1 Trách nhiệm công việc của mỗi chuyên gia trong suốt quá trình công tác.

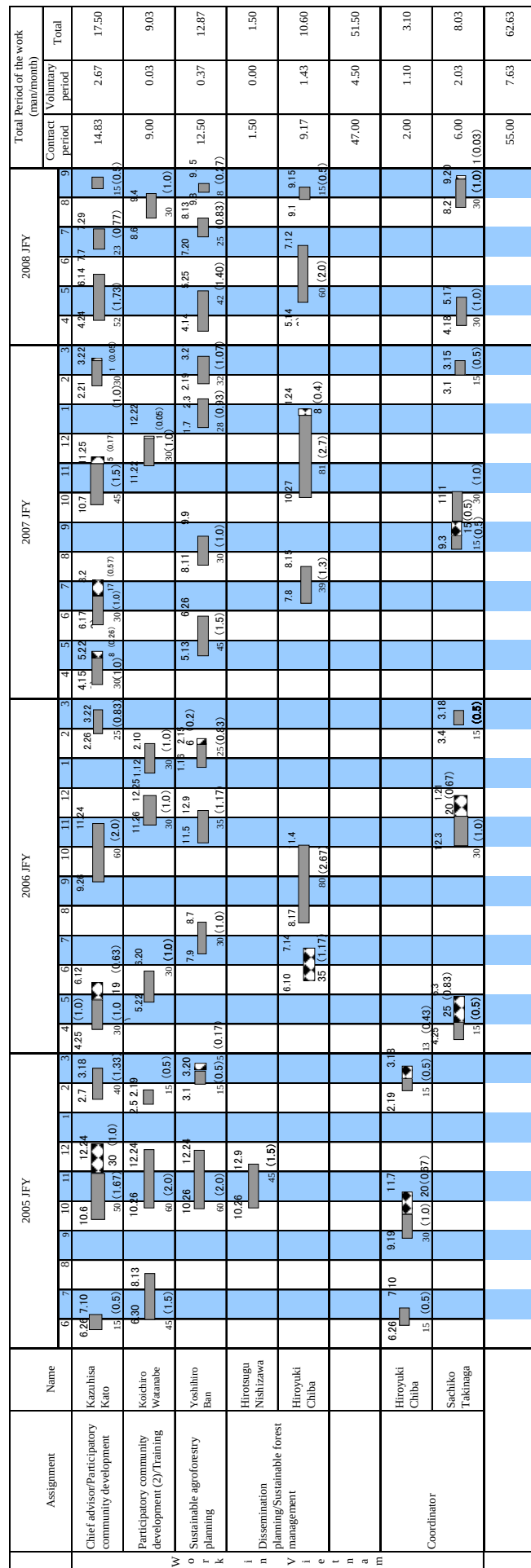
| Tên           | Trách nhiệm                                          | Giai đoạn                                                                                                                                                                                                                                                                         | Công việc                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                       |
|---------------|------------------------------------------------------|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
| Kazuhisa Kato | Tư vấn trưởng/Phát triển cộng đồng cùng tham gia (1) | <p>2005 Năm Tài khóa Nhật bản (JFY)<br/>26/6-10/7<br/>6 /10-24/12<br/>7 /2 – 18/3</p> <p>2006 JFY<br/>25/4-12/6<br/>26/9-24/11<br/>26/2-22/3</p> <p>2007 JFY<br/>15/4-22/5<br/>17/6-2/8<br/>7/10-25/11<br/>21/2-22/3</p> <p>2008 JFY<br/>24/4-14/6<br/>7 /7-29/7<br/>6/9-20/9</p> | <ul style="list-style-type: none"> <li>• Thu thập thông tin và phân tích hiện trạng</li> <li>• Chuẩn bị báo cáo khởi động</li> <li>• Thảo luận với các bên liên quan</li> <li>• Tiến hành khảo sát cơ bản</li> <li>• Chuẩn bị bản thảo kế hoạch cải thiện sinh kế và kế hoạch xây dựng năng lực</li> <li>• Giám sát và hướng dẫn thực hiện hợp đồng phụ chương trình hỗ trợ dân làng (kế hoạch cải thiện sinh kế và kế hoạch xây dựng năng lực) *năm thứ nhất</li> <li>• Thực hiện kế hoạch cải thiện sinh kế</li> <li>• Cung cấp Giáo dục môi trường</li> <li>• Chuẩn bị tập huấn quản lý rừng cộng đồng</li> <li>• Chuẩn bị bản thảo kế hoạch quản lý rừng cộng đồng</li> <li>• Tổ chức hội thảo chuyên đề mở rộng cho các thôn khác</li> <li>• Chuẩn bị bản thảo kế hoạch cải thiện sinh kế cho các thôn khác.</li> <li>• Chuẩn bị báo cáo tiến độ hàng năm</li> <li>• Theo dõi và đánh giá các hoạt động</li> <li>• Thực hiện các hoạt động PR</li> <li>• Chuẩn bị tập huấn RECOFTC</li> <li>• Chuẩn bị và tiến hành khóa tập huấn RECOFTC tại KonTum</li> <li>• Tổ chức hội nghị ban điều phối.</li> <li>• Hỗ trợ khảo sát đánh giá cuối kỳ</li> <li>• Chuẩn bị hướng dẫn mở rộng</li> <li>• Chuẩn bị tài liệu về các bài học đã học được từ dự án</li> <li>• Tổ chức hội thảo cuối kỳ để tổng kết dự án</li> <li>• Chuẩn bị báo cáo hoàn thành</li> </ul> |

|                   |                                                 |                                                                                                                                                                                                                                    |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                     |
|-------------------|-------------------------------------------------|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
| Koichiro Watanabe | Phát triển cộng đồng cùng tham gia (2)/Tập huấn | <p>2005 JFY<br/>30/6-13/8<br/>26/10-24/12<br/>5/2-19/2</p> <p>2006 JFY<br/>22/5-20/6<br/>26/11-25/12<br/>12/1-10/2</p> <p>2007 JFY<br/>22/11-22/12</p> <p>2008 JFY<br/>6/8-4/9</p>                                                 | <ul style="list-style-type: none"> <li>• Thu thập thông tin và phân tích hiện trạng</li> <li>• Thảo luận với các bên liên quan</li> <li>• Mua sắm thiết bị</li> <li>• Tiến hành khảo sát cơ bản</li> <li>• Chuẩn bị bản thảo kế hoạch cải thiện sinh kế và kế hoạch xây dựng năng lực</li> <li>• Giám sát và hướng dẫn thực hiện hợp đồng phụ chương trình hỗ trợ dân làng (kế hoạch cải thiện sinh kế và kế hoạch xây dựng năng lực) *năm thứ nhất</li> <li>• Thực hiện kế hoạch cải thiện sinh kế</li> <li>• Cung cấp Giáo dục môi trường</li> <li>• Tổ chức hội nghị chuyên đề mở rộng cho các thôn khác</li> <li>• Chuẩn bị bản thảo kế hoạch cải thiện sinh kế cho các thôn khác</li> <li>• Chuẩn bị báo cáo tiến độ hàng năm</li> <li>• Theo dõi và đánh giá các hoạt động</li> <li>• Tổ chức hội nghị ban điều phối</li> <li>• Chuẩn bị hướng dẫn mở rộng</li> <li>• Chuẩn bị tài liệu về các bài học đã học được từ dự án</li> <li>• Chuẩn bị báo cáo hoàn thành</li> </ul> |
| Yoshihiro Ban     | Kế hoạch nông lâm bền vững                      | <p>2005 JFY<br/>26/10-24/12<br/>1/3-20-3</p> <p>2006 JFY<br/>9/7-7/8<br/>5/11-9/12<br/>16/1-15/2</p> <p>2007 JFY<br/>13/5-26/6<br/>11/8-9/9<br/>7/1-3/2<br/>19/2-21/3</p> <p>2008 JFY<br/>14/4-24/5<br/>20/7-13/8<br/>6/9-13/9</p> | <ul style="list-style-type: none"> <li>• Thu thập thông tin và phân tích hiện trạng</li> <li>• Chuẩn bị báo cáo khởi động</li> <li>• Tiến hành khảo sát cơ bản</li> <li>• Chuẩn bị bản thảo kế hoạch cải thiện sinh kế và kế hoạch xây dựng năng lực</li> <li>• Giám sát và hướng dẫn thực hiện hợp đồng phụ chương trình hỗ trợ dân làng (kế hoạch cải thiện sinh kế và kế hoạch xây dựng năng lực) *năm thứ nhất</li> <li>• Thực hiện kế hoạch cải thiện sinh kế</li> <li>• Tiến hành khảo sát thị trường để xác định các cơ hội thị trường</li> <li>• Hỗ trợ nâng cao năng lực thị trường</li> <li>• Chuẩn bị báo cáo tiến độ hàng năm</li> <li>• Theo dõi và giám sát hoạt động</li> <li>• Hỗ trợ khảo sát đánh giá cuối kỳ</li> <li>• Chuẩn bị hướng dẫn mở rộng</li> <li>• Chuẩn bị tài liệu về các bài học đã học được từ dự án</li> <li>• Tổ chức hội thảo cuối kỳ để tổng kết dự án</li> <li>• Chuẩn bị báo cáo hoàn thành</li> </ul>                                      |

|                              |                                        |                                                                                                                                |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                     |
|------------------------------|----------------------------------------|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
| Hirotsugu<br>Nishizawa       | Tuyên truyền /Quản lý<br>rừng bền vững | 2005 JFY<br>26/10/9/12                                                                                                         | <ul style="list-style-type: none"> <li>• Thu thập thông tin và phân tích hiện trạng</li> <li>• Chuẩn bị bản thảo kế hoạch cải thiện sinh kế và kế hoạch xây dựng năng lực</li> <li>• Giám sát và hướng dẫn thực hiện hợp đồng phụ chương trình hỗ trợ dân làng (kế hoạch cải thiện sinh kế và kế hoạch xây dựng năng lực) *năm thứ nhất</li> <li>• Thực hiện kế hoạch cải thiện sinh kế</li> <li>• Tổ chức tập huấn quản lý rừng cộng đồng</li> <li>• Chuẩn bị bản thảo kế hoạch quản lý rừng cộng đồng</li> <li>• Tổ chức hội nghị chuyên đề mở rộng cho các thôn khác</li> <li>• Chuẩn bị bản thảo kế hoạch cải thiện sinh kế cho các thôn khác</li> <li>• Tiến hành các hoạt động PR</li> <li>• Chuẩn bị tập huấn RECOFTC</li> <li>• Chuẩn bị và tiến hành tập huấn RECOFTC</li> <li>• Chuẩn bị báo cáo tiến độ hàng năm</li> <li>• Theo dõi và giám sát hoạt động</li> <li>• Chuẩn bị hướng dẫn mở rộng</li> <li>• Tổ chức hội thảo cuối kỳ để tổng kết dự án</li> <li>• Chuẩn bị báo cáo hoàn thành</li> </ul> |
| .....<br>Hiroyuki<br>Chiba   | .....                                  | 2006 JFY<br>10/6-14/7<br>17/8-4/11<br><br>2007 JFY<br>8 /8-15/8<br>27/11-24/1<br><br>2008 JFY<br>14/5-12/7<br>31/8-14/9        |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                     |
| Hiroyuki<br>Chiba            | Điều phối                              | 2005 JFY<br>26/6-10/7<br>19/9-7/11<br>19/2-18/3                                                                                | <ul style="list-style-type: none"> <li>• Thảo luận với các bên liên quan</li> <li>• Mua sắm thiết bị</li> <li>• Kế toán và thanh toán</li> <li>• Thực hiện kế hoạch cải thiện sinh kế</li> <li>• Tiến hành các hoạt động PR</li> <li>• Chuẩn bị báo cáo tiến độ hàng năm</li> <li>• Theo dõi và đánh giá các hoạt động</li> <li>• Tổ chức hội nghị ban điều phối</li> <li>• Chuẩn bị tập huấn RECOFTC</li> <li>• Hỗ trợ khảo sát đánh giá cuối kỳ</li> <li>• Tổ chức hội thảo cuối kỳ để tổng kết dự án</li> <li>• Chuẩn bị báo cáo hoàn thành</li> </ul>                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                           |
| .....<br>Sachiko<br>Takinaga | .....                                  | 2006 JFY<br>2/4-3/6<br>3/12-21/1<br>4/3-18/3<br><br>2007 JFY<br>3/9-1/11<br>1/3-15/3<br><br>2008 JFY<br>18/4-17/5<br>21/8-20/9 |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                     |

Chuyên gia dự án được phái đến theo bản.6.1.1 dưới đây.

Hình 6.1.1 Lịch chuyên gia Nhật làm việc



Legend  Period of the work  Period of the work on voluntary base

Nhằm bảo đảm hoàn tất các công việc trong toàn thời gian dự án, nhóm dự án đã gửi chuyên gia đến làm việc tự nguyện trong một số thời gian. Suốt trong thời gian dự án, có 7.60 công/tháng làm việc tự nguyện..

## 6.2 Hồ sơ thiết bị của dự án

Bản sau đây mô tả thiết bị, máy móc nhóm dự án đã mua sắm và sẽ được chuyển giao lại cho Chi cục lâm nghiệp Kontum sau khi thực hiện hoàn thành dự án..

Bảng 6.2.1 Danh sách thiết bị

Danh sách thiết bị liệt kê trong mẫu A4

| Items                  | Nhãn hiệu           | Đơn giá   | Số lượng | Thành tiền | Ngày bắt đầu sử dụng | Đơn vị sử dụng            |
|------------------------|---------------------|-----------|----------|------------|----------------------|---------------------------|
| 1 Máy photo            | Ricoh FT 5632       | 2,615 USD | 3        | 7,845 USD  | 19. October, 2005    | Văn phòng dự án, văn      |
| 2 Khay giấy tự động    | Ricoh DF44          | 1,150 USD | 3        | 3,450 USD  | 19. October, 2005    | phòng ở 2 huyện Kon Plong |
| 3 Máy xếp bộ tự động   | Ricoh CS220         | 1,090 USD | 3        | 3,270 USD  | 19. October, 2005    | và Kon Rẫy                |
| 4 Máy tính xách tay    | DELL Latitude D510  | 1,790 USD | 3        | 5,370 USD  | 19. October, 2005    | Văn phòng dự án           |
| 5 Máy in Laser         | HP LaserJet 1160 A4 | 340 USD   | 3        | 1,020 USD  | 19. October, 2005    | Văn phòng dự án, văn      |
| 6 Máy in màu           | HP Deskjet 1280C    | 270 USD   | 1        | 270 USD    | 19. October, 2005    | phòng ở 2 huyện Kon Plong |
| 7 Máy quay kỹ thuật số | SONY DCR-HC32E      | 750 USD   | 3        | 2,250 USD  | 19. October, 2005    | và Kon Rẫy                |
| 8 Máy chiếu            | Panasonic PT-LM2E   | 1,280 USD | 1        | 1,280 USD  | 19. October, 2005    | Văn phòng dự án           |
| 9 Máy scan             | HP Scanjet 5590C    | 460 USD   | 1        | 460 USD    | 19. October, 2005    | Văn phòng dự án           |
| 10 Màn chiếu           |                     | 215 USD   | 1        | 215 USD    | 20. October, 2005    | Văn phòng dự án           |
| 11 GPS                 | Garmin eTrex Vista  | 411 USD   | 3        | 1,233 USD  | 31. October, 2005    | Văn phòng dự án           |

|    |               |                                  |            |   |             |                    |                   |
|----|---------------|----------------------------------|------------|---|-------------|--------------------|-------------------|
| 12 | Xe bán tải    | Mitsubishi L200 Pick-up 2.5L 4WD | 21,350 USD | 2 | 42,700 USD  | 27. March, 2006    | Văn phòng dự án   |
| 13 | Xe Bus        | Toyota Coaster 3.7K 26 seats     | 36,250 USD | 1 | 36,250 USD  | 27. March, 2006    | Văn phòng dự án   |
| 14 | Xe máy        | Honda Future II 125              | 1,530 USD  | 8 | 12,240 USD  | 19. December, 2005 | CF và BQL DA tỉnh |
| 15 | Máy phát điện | Honda SH4500 3kw                 | 761 USD    | 1 | 761 USD     | 16. March, 2006    | Văn phòng dự án   |
|    |               |                                  |            |   | 118,614 USD |                    |                   |

Các thiết bị không liệt kê trong mẫu A4

| Danh mục             | Nhãn hiệu                   | Đơn giá   | Số lượng | Thành cộng | Ngày mua           | Đơn vị sử dụng   |
|----------------------|-----------------------------|-----------|----------|------------|--------------------|------------------|
| 1 Máy tính xách tay  | DELL Latitude D600          | 1,795 USD | 1        | 1,795 USD  | 12. July, 2005     | Văn phòng dự án  |
| 2 Điện thoại di động | Nokia 1108                  | 84 USD    | 4        | 336 USD    | 28. June, 2005     | Văn phòng dự án  |
| 3 Ổn áp              | 1kw                         | 34 USD    | 3        | 102 USD    | 23. November, 2005 | Văn phòng dự án  |
| 4 Ổn áp              | 2kw                         | 49 USD    | 3        | 147 USD    | 23. November, 2005 | Văn phòng dự án  |
| 5 Máy tính để bàn    | HP Compaq DX7200 P4 3.06GHZ | 1,019 USD | 5        | 5,095 USD  | 16. August, 2006   | 5 Commune office |
| 6 Phần mềm           | Office Pro 2003             | 164 USD   | 5        | 820 USD    | 16. August, 2006   | 5 Commune office |
| 7 Máy in Laser       | HP LaserJet 1320            | 462 USD   | 5        | 2,310 USD  | 16. August, 2006   | 5 Commune office |
| 8 UPS                | UPS SANTAK 1000VA           | 126 USD   | 5        | 630 USD    | 16. August, 2006   | 5 Commune office |

Tình trạng sử dụng

A: Thường xuyên (Hầu như hàng ngày)

B: Thỉnh thoảng (1-3 lần 1 tuần)

C: Chủ yếu sử dụng trong những dịp đặc biệt

D: Ít dùng (1-3 lần 1 năm)

E: Không sử dụng vì những lý do đặc biệt

Tình trạng quản lý

A: Có thể sử dụng thường xuyên, bảo dưỡng đầy đủ

B: Hầu như không có sự cố gì trong quá trình sử dụng

C: Có thể sử dụng sau khi sửa chữa

D: Khó sử dụng



### 6.3 Hồ sơ mua sắm

Bản sau đây mô tả toàn bộ ngân sách trong suốt thời gian thực hiện dự án

Bảng 6.3.1 Ngân sách và thanh toán do phía Nhật bản cung cấp (DVT: US\$)

| Hạng mục                          | JFY 2005  |         | JFY 2006  |         | JFY 2007  |         | JFY 2008  |             | Hạng mục sử dụng tài chính                                                                                                                                                                                               |
|-----------------------------------|-----------|---------|-----------|---------|-----------|---------|-----------|-------------|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
|                                   | Ngân sách | Chi     | Ngân sách | Chi     | Ngân sách | Chi     | Ngân sách | Chi dự kiến |                                                                                                                                                                                                                          |
| Tập huấn                          | 21,616    | 5,692   | 67,800    | 65,100  | 58,720    | 44,450  | 21,352    | 13,375      | Cán bộ tập huấn (tiền công tập huấn, công tác phí, tiền tàu xe), Học viên (trợ cấp), tài liệu tập huấn, tập huấn RECOFTC                                                                                                 |
| Vật tư cho LIP                    | 4,839     | 4,802   | 18,000    | 19,960  | 17,100    | 20,658  | 3,722     | 3,500       | Các vật tư và thiết bị để thực hiện các hoạt động như: Chăn nuôi, canh tác trên đất dốc, thủy sản, lâm nghiệp, v.v... (dựa trên kết quả thảo luận với người dân trong các hội thảo chuẩn bị kế hoạch phát triển sinh kế) |
| Hoạt động khác                    | 136,288   | 108,808 | 98,800    | 96,260  | 100,820   | 88,300  | 93,231    | 80,684      | Nhân viên văn phòng dự án, Văn phòng phẩm, Phương tiện, Trợ cấp đi lại, Vé máy bay đi lại tại Việt Nam, Hợp đồng với NGO, thông tin liên lạc, in ấn tài liệu, chi phí khấu hao tài sản, lệ phí vận chuyển                |
| Chuyên gia Nhật Bản               | 347,493   | 322,797 | 330,000   | 318,420 | 350,840   | 348,317 | 271,180   | 271,052     | Phí tư vấn, vé máy bay, công tác phí, thuế thu nhập, các chi phí gián tiếp                                                                                                                                               |
| Máy móc và thiết bị               | 129,163   | 120,994 | 8,800     | 8,430   | -         | -       | -         | -           | Xem chi tiết ở bảng 6.2.1                                                                                                                                                                                                |
| Xây dựng văn phòng tại địa phương | 9,165     | 11,395  | -         | -       | -         | -       | -         | -           | Văn phòng ở 5 xã                                                                                                                                                                                                         |
| Tổng cộng                         | 648,564   | 574,488 | 523,400   | 508,170 | 527,480   | 501,725 | 389,485   | 368,611     |                                                                                                                                                                                                                          |

## 7. Đầu ra của dự án

Sau đây là danh sách đầu ra của dự án.

1) Đầu ra của dự án nêu trong hợp đồng với JICA

| Tên của đầu ra                                           | Ngôn ngữ(số lượng bản in)                            | Chú thích                        |
|----------------------------------------------------------|------------------------------------------------------|----------------------------------|
| <b>Năm thứ nhất (2005)</b>                               |                                                      |                                  |
| Báo cáo khởi động                                        | Tiếng Anh (10)<br>Tiếng Nhật (10)<br>Tiếng Việt (10) |                                  |
| Báo cáo Khảo sát cơ bản                                  | Tiếng Anh (10)<br>Tiếng Việt (10)                    | Phụ lục 1 của Báo cáo Tiến độ(1) |
| Báo cáo Tiến độ(1)                                       | Tiếng Anh (5)<br>Tiếng Nhật (5)<br>Tiếng Việt (10)   |                                  |
| <b>Năm thứ hai (2006)</b>                                |                                                      |                                  |
| Báo cáo Khảo sát thị trường                              | Tiếng Anh (10)<br>Tiếng Việt (10)                    |                                  |
| Báo cáo Tiến độ (2)                                      | Tiếng Anh (5)<br>Tiếng Nhật (5)<br>Tiếng Việt (10)   |                                  |
| <b>Năm thứ ba (2007)</b>                                 |                                                      |                                  |
| Báo cáo tiến độ(3)                                       | Tiếng Anh (5)<br>Tiếng Nhật (5)<br>Tiếng Việt (10)   |                                  |
| <b>Năm thứ Tư (2008)</b>                                 |                                                      |                                  |
| Báo cáo hoàn thành                                       | Tiếng Anh (10)<br>Tiếng Nhật (10)<br>Tiếng Việt (10) |                                  |
| Hướng dẫn khuyến nông (cho cán bộ hành chính)            | Tiếng Anh (20)<br>Tiếng Việt (100)                   |                                  |
| Hướng dẫn khuyến nông (cho dân làng)                     | Tiếng Việt (500)                                     |                                  |
| Í tưởng về phương pháp tiếp thị mới cho các thôn mô hình |                                                      | Phụ lục 5, Báo cáo Hoàn thành    |
| Kế hoạch 5 năm CFM thôn Vichring                         |                                                      | Phụ lục 8, Báo cáo Hoàn thành    |
| Kế hoạch hàng năm CFM 2008 thôn Vichiring                |                                                      | Phụ lục 9, Báo cáo Hoàn thành    |
| Quy ước Bảo vệ và phát triển rừng thôn Vichiring         |                                                      | Phụ lục10, Báo cáo Hoàn thành    |
| Kế hoạch Phát triển sinh kế (LIP) cho 10 thôn khác       |                                                      | Phụ lục11, Báo cáo Hoàn thành    |
| Bài học kinh nghiệm                                      |                                                      | Chương10, Báo cáo Hoàn thành     |

2) Đầu ra không nêu lên trong hợp đồng với JICA

| Tên của đầu ra                                                                                                                   | Ngôn ngữ                | Chú thích                      |
|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------------------|--------------------------------|
| <b>Năm thứ hai (2006)</b>                                                                                                        |                         |                                |
| Tờ rơi về hoạt động PR                                                                                                           | Tiếng Việt              |                                |
| Báo cáo Khóa Tập huấn Giáo dục Môi trường                                                                                        | Tiếng Anh<br>Tiếng Việt | Phụ lục 5, Báo cáo Tiến độ(2)  |
| Báo cáo kết thúc Khóa học chuyên biệt nghiên cứu cùng tham gia để phát triển sinh kế dựa vào cộng đồng.                          | Tiếng Anh<br>Tiếng Việt | Phụ lục 9, Báo cáo Tiến độ(2)  |
| <b>Năm thứ ba (2007)</b>                                                                                                         |                         |                                |
| Báo cáo tập huấn Kỹ năng cơ bản về kinh tế và tiếp thị, sử dụng các cơ hội thị trường để xác định các nguồn thu nhập ở miền núi. | Tiếng Anh<br>Tiếng Việt | Phụ lục 5, Báo cáo Tiến độ(3)  |
| Báo cáo Khóa học chuyên biệt RECOFTC về nghiên cứu cùng tham gia để phát triển sinh kế dựa vào cộng đồng.                        | Tiếng Anh<br>Tiếng Việt | Phụ lục 11, Báo cáo Tiến độ(3) |
| Lịch cho hoạt động PR                                                                                                            | Vietnamese              |                                |
| Tờ rơi cho hoạt động PR                                                                                                          | Tiếng Anh<br>Tiếng Việt |                                |
| <b>Năm thứ tư (2008)</b>                                                                                                         |                         |                                |
| Báo cáo Khóa Giáo dục môi trường cho người lớn                                                                                   | Tiếng Anh<br>Tiếng Việt | Phụ lục 6, Báo cáo Hoàn thành  |
| Hồ sơ khai thác gỗ năm 2008, thôn Vichiring                                                                                      | Tiếng Anh<br>Tiếng Việt |                                |
| Hướng dẫn Giao đất giao rừng                                                                                                     | Tiếng Anh<br>Tiếng Việt |                                |
| Hướng dẫn chuẩn bị Kế hoạch CFM                                                                                                  | Tiếng Anh<br>Tiếng Việt |                                |
| Hướng dẫn thiết lập Quy ước Bảo vệ và Phát triển rừng                                                                            | Tiếng Anh<br>Tiếng Việt |                                |
| Hướng dẫn Kỹ thuật lâm sinh đơn giản cho rừng Tự nhiên                                                                           | Tiếng Anh<br>Tiếng Việt |                                |

3) Đầu ra do hợp đồng phụ đề nghị

| Tên của đầu ra                                        | Ngôn ngữ                              | Chú thích                     |
|-------------------------------------------------------|---------------------------------------|-------------------------------|
| Năm thứ nhất (2005)                                   |                                       |                               |
| Báo cáo Khóa sát cơ bản*                              | Tiếng Anh<br>Tiếng Việt               | Phụ lục1, Báo cáo Tiến độ(1)  |
| Kế hoạch cải thiện sinh kế ở mỗi thôn mô hình         | Tiếng Anh<br>Tiếng Việt               | Phụ lục 4, Báo cáo Tiến độ(1) |
| Kết quả kế hoạch cải thiện sinh kế ở mỗi thôn mô hình | Tiếng Anh<br>Tiếng Nhật<br>Tiếng Việt | Chương 3.5 Báo cáo Tiến độ(1) |
| Phác thảo kế hoạch xây dựng năng lực                  | Tiếng Anh<br>Tiếng Nhật<br>Tiếng Việt | Chương 3.6 Báo cáo Tiến độ(1) |
| Năm thứ hai (2006)                                    |                                       |                               |
| Báo cáo nghiên cứu Thị trường*                        | Tiếng Anh<br>Tiếng Việt               |                               |

\* Trùng với mục 1) các đầu ra nêu lên trong hợp đồng

## **8. Bộ máy để quản lý và thực hiện Dự án tốt hơn.**

Chương này đề cập đến Bộ máy để quản lý và thực hiện Dự án tốt hơn nhằm đưa ra mục tiêu mẫu đề cập trong Chương 2.1 và nhất là nhằm thực hiện Chương trình hỗ trợ cho dân làng (VSP) đề cập ở chương 2.2.

### **8.1. Phân công nhiệm vụ cho Xúc tác viên xã (CF) tại làng mẫu**

Như đề cập trong chương 10.3 (4) dưới đây, phương pháp điều hành. Chương trình hỗ trợ dân làng (VSP) đã được thay đổi từ phương pháp hợp đồng phụ sang phương pháp điều hành trực tiếp vào tháng 6/2006 (Đề nghị xem chương 10.3 (4) để biết chi tiết). Về mặt thực hiện Dự án, bằng cách dùng phương pháp điều hành trực tiếp, Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn đã phân công 5 cán bộ thuộc bên đối ứng có nhiệm vụ phụ trách các làng mẫu/mô hình và đóng vai Xúc tác viên cộng đồng. Các cán bộ này dành khoảng 70% thời gian mỗi tháng sinh hoạt tại làng mẫu để giúp tạo điều kiện thuận lợi cho việc thực hiện Kế hoạch cải thiện sinh kế (LIP) cho dân làng. Công tác đào tạo tập huấn sẽ được đẩy mạnh qua việc thực hiện Kế hoạch xây dựng năng lực, mà ở đây chủ yếu là xây dựng năng lực quản lý và phát triển có sự tham gia cho bên đối tác.

Sự phân nhiệm đó đã có những tác dụng sau:

- Việc phân công một CF hoạt động tại mỗi làng mẫu đã tạo nên mối quan hệ tin tưởng với dân làng và làm cho vai trò xúc tác viên được phát huy hiệu quả hơn.
- Công tác hỗ trợ theo sau các đợt tập huấn kỹ thuật đã đóng góp cho việc hình thành các yếu tố kỹ thuật trong thôn làng.
- Bằng việc truyền thông thường xuyên liên tục đã giúp chuyển giao kỹ năng quản lý cho Ban Phát triển thôn (VDB).

### **8.2 Việc hình thành Ban Phát triển thôn (VDB)**

Ban Phát triển thôn đã được hình thành ở mỗi thôn mẫu/mô hình nhằm mục đích sau:

- 1) Để tạo điều kiện thuận lợi cho dân bản thực hiện và duy trì hoạt động của Dự án tại thôn bản.
- 2) Để tìm ra và giải quyết các trở ngại, vấn đề khó khăn, mâu thuẫn nhằm đảm bảo sự tiến triển tốt của Dự án.
- 3) Nhằm tuyên truyền mở rộng các mô hình chăn nuôi, canh tác tại thôn bản.
- 4) Nhằm đảm bảo lợi ích từ Dự án đến với cộng đồng một cách công bằng bình đẳng.
- 5) Nhằm tăng cường kiến thức, kỹ thuật thực hành về nông nghiệp, lâm nghiệp, chăn nuôi cá, gia súc và cách quản lý như phương pháp theo dõi giám sát.
- 6) Nhằm quản lý hệ thống ngân hàng vật nuôi.

Mỗi Ban Phát triển thôn có 5 đến 6 người, bao gồm các đại diện lãnh đạo thôn, và các trưởng của các hoạt động, đồng thời ít nhất có một người (như cán bộ khuyến nông, lâm nghiệp, chăn nuôi gia súc và nuôi cá của UBND xã căn cứ vào khả năng mở rộng các hoạt động trong tương lai).

Việc thành lập Ban Phát triển thôn đã có các tác dụng sau:

- Dân làng đã bắt đầu thể hiện thái độ cố gắng phát hiện những vấn đề khó khăn nảy sinh trong quá trình thực hành các hoạt động và tìm cách giải quyết khắc phục.
- Những người tham gia các hoạt động của dự án đã bắt đầu mở rộng kỹ năng mình có cho người khác trong làng, đây gọi là “khuyến nông giữa nông dân-nông dân”.
- Dân làng đã bắt đầu theo dõi quản lý các hoạt động trên cơ sở nhận thức rằng hoạt động canh tác là nhằm cải thiện sinh kế cho cả thôn.
- Dân làng bắt đầu quan tâm đến vấn đề phân chia công bằng những lợi ích do các hoạt động Dự án mang lại cho cộng đồng.
- Quản lý hệ thống ngân hàng vật nuôi đã được khởi động.

### **8.3 Việc đưa vào Hệ thống Ngân hàng Vật nuôi (Giới thiệu ngân hàng vật nuôi)**

Như đã đề cập ở Chương 3.1.1, Dự án đã giới thiệu hệ thống ngân hàng vật nuôi với mục đích là: 1) làm đầu cách công bình cho cộng đồng, 2) gây vốn cho thôn bản trong cộng đồng, nhất là khi vật nuôi lớn (trâu, bò, dê) được giới thiệu cho thôn bản.

Việc đưa vào hệ thống ngân hàng vật nuôi đã có những tác dụng sau:

- Trong trường hợp vật nuôi là trâu bò, dê..., ví dụ, bò cái, thì con bò sẽ phải chuyển từ người nuôi này sang người nuôi khác sau khi đẻ một con; hệ thống này, với một khoản đầu tư nhỏ, đã giúp cho nhiều hộ gia đình muốn tham gia nuôi bò đều có cơ hội nuôi bò.
- Trong trường hợp nuôi lợn, mỗi lứa lợn đẻ, chủ nuôi có nhiệm vụ giao một nửa số lợn con cho Ban Phát triển thôn; hệ thống này đã tạo điều kiện cho Ban Phát triển thôn tự gây quỹ.
- Tác dụng của việc khởi động mở rộng các hoạt động được giới thiệu tại thôn bản. (Giới thiệu với thôn bản tác dụng của việc khởi động các hoạt động)

### **8.4 Theo dõi, giám sát Dự án bằng việc tổ chức các cuộc họp/ hội thảo định kỳ**

Như đề cập trong Chương 3.6, để theo dõi giám sát các hoạt động, Dự án đã tổ chức các cuộc hội thảo hàng tháng tại các thôn mẫu, cuộc họp hàng quý tổ chức luân phiên ở các thôn mẫu nơi có thể cung cấp chỗ họp, còn cuộc họp hàng năm tổ chức để báo cáo tổng kết các hoạt động và xét duyệt kế hoạch hoạt động LIP của năm kế tiếp (chi tiết, xem Chương 3.6).

Hoạt động theo dõi, giám sát đã có các tác dụng sau:

- Tổ chức hội thảo định kỳ (ví dụ như hội thảo năm, hội thảo quý và hội thảo tháng) giúp cho các cán bộ đối tác như CF và dân làng hiểu được vai trò của mình trong hội thảo, kết quả là có thể quản lý dự án một cách suôn sẻ.
- Các hội thảo đặc biệt trong tháng tăng cường nhận thức của dân làng đối với việc tham gia, thúc đẩy các hoạt động.
- Bởi lẽ các cuộc họp cũng được coi là sự tham quan kiểm tra chéo giữa các thôn mẫu/ mô hình nên những người ngoài thôn có thể quan sát, nhận xét các hoạt động canh tác trong thôn

thuộc các xã tổ chức cuộc họp quý và tìm ra sự khác nhau giữa các hoạt động và phát hiện gương để học tập.

### **8.5 Việc đưa vào hình thức Theo dõi Giám sát có sự tham gia.**

Dự án đã sử dụng phương pháp tiếp cận có sự tham gia của cộng đồng nhằm tạo sức mạnh cho dân bản. Nhằm tăng cường sự tham gia của dân bản, Dự án đã đưa vào áp dụng hình thức Theo dõi đánh giá có sự tham gia của người dân đối với các hoạt động. Đặc biệt, như đã đề cập ở 8.4, hội thảo/ cuộc họp được tổ chức hằng tháng ở mỗi làng mẫu và hàng quý ở mỗi xã để cho dân làng có thể theo dõi và nhìn lại sự tiến triển của Kế hoạch Cải thiện sinh kế một cách chủ động. Phương pháp này nhằm hỗ trợ cho dân làng xây dựng năng lực, hiểu và phân tích tình hình hiện tại và tìm ra biện pháp giải quyết vấn đề. Hơn thế nữa, như đã đề cập trong chương 3.7, Dự án tạo điều kiện thuận lợi để phát huy tinh thần tự đánh giá có sự tham gia ở mỗi một thôn mô hình nhằm chia sẻ những thành công và các bài học kinh nghiệm bằng cách tự đánh giá kế hoạch cải thiện sinh kế trong giai đoạn cuối cùng, và lập kế hoạch cho các hoạt động phát triển bền vững trong tương lai.

Việc đưa vào áp dụng hình thức theo dõi, giám sát có sự tham gia đã có những tác dụng sau:

- Việc dân bản chủ động theo dõi tiến độ các hoạt động LIP trong các hội thảo tháng, quý, năm bắt đầu có tác dụng nâng cao khả năng hiểu biết, phân tích của dân bản đối với tình hình hiện tại để tìm ra biện pháp giải quyết vấn đề khó khăn, vướng mắc.
- Nâng cao nhận thức, động cơ của dân bản đối với việc tham gia các hoạt động như đã đề cập trong Chương 8.4

## 9. Đánh giá dự án

Việc đánh giá dự án do các bên thứ ba của Nhóm đánh giá chung chính thức thực hiện vào tháng 5/2008 và các kết quả đánh giá đã được tóm tắt trong bản báo cáo tổng kết dự án. Do vậy, phần này chỉ trình bày những đánh giá từ phía dự án.

### 9.1 Thành tựu

Phần này trình bày các thành tựu được xác định qua mức độ mục tiêu đạt được của dự án và các kết quả trong ma trận dự án được đánh giá dựa trên các chỉ số mục tiêu có thể kiểm tra trong ma trận dự án và kết quả. Sau đây là bảng tóm lược tổng quan, các chỉ số kiểm chứng khách quan, mục tiêu đạt được, và mỗi kết quả.

| Tóm lược tổng quan                                                                                                                                                        | Các chỉ số kiểm chứng khách quan                                                                                                                                                                                                                                                                                  | Các thành tựu                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                              |
|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
| <b>Mục tiêu dự án:</b><br>Nông nghiệp, lâm nghiệp, chăn nuôi gia súc, và các hoạt động nông lâm nghiệp được cải thiện trong các thôn mô hình.                             | <ol style="list-style-type: none"><li>1. Ít nhất 70% hộ gia đình tham gia dự án có số lượng nông-lâm sản và vật nuôi tăng lên</li><li>2. Ít nhất 70% các hộ tham gia dự án đã đa dạng hóa các hoạt động sản xuất.</li><li>3. Ít nhất 70% các hộ tham gia dự án tiếp tục các hoạt động do dự án đưa vào.</li></ol> | <p>Tính đến ngày 31/7/2008, có tổng số 218 hộ gia đình tham gia vào các hoạt động canh tác bền vững nằm trong kế hoạch cải thiện sinh kế ở 5 thôn mô hình. Bên cạnh đó, có 13-16 loại hình hoạt động được thực hiện tại mỗi thôn mẫu. Hầu hết dân làng tham gia các hoạt động canh tác bền vững lần đầu tiên. Do vậy, sản lượng từ các hoạt động này có thể được xem như sản lượng gia tăng thực và số lượng các hoạt động đưa vào có thể được xem như số hoạt động gia tăng trong đa dạng các hoạt động sản xuất. Đối với việc sinh sản của gia súc, có nhiều gia súc chưa có thai, nên không thể tính mức phát triển của chúng. Tuy nhiên, nhờ vào các hoạt động chăn nuôi mà gia súc đã lớn lên. Điều này được xem như sự tăng trưởng trong sản xuất, cho dù không thể tính bằng số được.</p> <p>Bên cạnh đó, cho đến cuối tháng 7/2008 tổng cộng có 883 hoạt động đã được thực hiện tại 5 thôn mẫu. Tuy nhiên, đã không thực hiện được 120 hoạt động. Do vậy, có thể thấy rằng chỉ có 85% hoạt động đã được dân làng thực hiện liên tục. Nói cách khác, hầu hết 100% hộ tham gia đã tiếp tục một số các hoạt động.</p> |
| <b>Các thành quả:</b><br>1. Trình độ hiểu biết và các kỹ năng của dân làng về Nông nghiệp, lâm nghiệp, chăn nuôi gia súc, và các hoạt động nông lâm nghiệp được nâng cao. | Ít nhất 70% các hộ tham gia dự án vận dụng những kiến thức và các kỹ năng vào các hoạt động sản xuất hàng ngày của họ.                                                                                                                                                                                            | Như đã được trình bày bên trên, có thể đánh giá được rằng kiến thức và kỹ năng đã được người dân vận dụng, bằng chứng là mọi hộ dân đều tiếp tục thực hiện các hoạt động.                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                  |



|                                                                                                                         |                                                                                                                                                                                                                                         |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                           |
|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
| <p>2. Năng lực của cán bộ chính quyền trong việc thực hiện và quản lý các dự án cải thiện đời sống được tăng cường.</p> | <p>2-1.Cán bộ chính quyền tham gia tập huấn hiểu được hơn 80% nội dung tập huấn.</p> <p>2-2.Các bộ chính quyền tham gia tập huấn lập 10 kế hoạch thực hiện dự án cải thiện đời sống.</p>                                                | <p>Đã không tổ chức được một buổi thi để đánh giá mức độ hiểu nội dung tập huấn của các đối tượng tham gia, nhưng cũng đã phát bảng câu hỏi cho các cán bộ chính quyền tham gia tập huấn để họ điền thông tin vào; và dựa vào thông tin đó đã đánh giá được rằng họ đã hiểu được khoảng 95% nội dung tập huấn.</p> <p>Kế hoạch cải thiện đời sống đã được chuẩn bị cho 10 thôn ngoài dự án - và đã đạt được chỉ số kiểm chứng khách quan là 2-2</p>                                                                                                                                                                                                                                                                                       |
| <p>3. Năng lực bán các sản phẩm nông lâm nghiệp và gia súc của dân làng được tăng cường.</p>                            | <p>3.1 Lập kế hoạch bán hàng cho các nông-lâm sản và vật nuôi tại mỗi thôn mẫu.</p>                                                                                                                                                     | <p>Vì không thể xác định được 'các sản phẩm có tiềm năng thương mại', nên khó chuẩn bị 'kế hoạch sản xuất và tiếp thị các nông-lâm sản, và chăn nuôi gia súc'. Trước tình hình đó, chúng tôi đã quyết định chuẩn bị 'những ý tưởng về các phương pháp bán hàng linh hoạt' thay vì 'kế hoạch tiếp thị', khuyến khích dân làng nghĩ ra phương pháp bán hàng nào có thể thực hiện được và mang tính khả thi. Sự thay đổi này dẫn đến khó có thể đạt được chỉ số với ý nghĩa đúng đắn của nó. Hơn nữa, liên quan đến tình hình hiện tại về việc bán sản phẩm, khó để có thể chuẩn bị 'những ý tưởng về các phương pháp bán hàng linh hoạt' cho tất cả 5 thôn mô hình và kết quả là, kế hoạch này chỉ được thực hiện trong 4 thôn mô hình.</p> |
| <p>4. Trình độ hiểu biết của dân làng và cán bộ chính quyền về việc sử dụng bền vững đất và rừng được nâng cao.</p>     | <p>4.1 Các đối tượng tham gia tập huấn hiểu hơn 70% nội dung tập huấn về quản lý rừng có sự tham gia của cộng đồng.</p> <p>4.2 Kế hoạch quản lý rừng được lập tại ít nhất một thôn mẫu.</p>                                             | <p>Đã không tổ chức được một buổi thi để đánh giá mức độ hiểu nội dung tập huấn của các đối tượng tham gia, nhưng cũng đã phát bảng câu hỏi cho các cán bộ hành chính tham gia tập huấn để họ điền thông tin vào; và dựa vào thông tin đó đã đánh giá được rằng họ đã hiểu được khoảng 87% nội dung tập huấn.</p> <p>'Lập kế hoạch quản lý rừng có sự tham gia của cộng đồng' được thực hiện tại thôn Vichring- xã Hiếu, và dự thảo kế hoạch đã được hoàn thành trong Năm tài khóa Nhật Bản 2007. Để kế hoạch được chính thức, phải đệ trình chính quyền phê duyệt.</p> <p>Ngoài ra, có kế hoạch xúc tiến việc thực hiện các hoạt động và kết quả là, đầu ra có thể vượt các chỉ số hiện tại.</p>                                         |
| <p>5. Chuẩn bị để mở rộng các kết quả đạt được từ dự án sang các vùng khác.</p>                                         | <p>5.1 Các hội nghị chuyên đề về kỹ thuật được tổ chức tại mỗi thôn và có mời ít nhất 20 thôn khác ở huyện Kon Plong và Kon Rẫy.</p> <p>5.2 Các hướng dẫn Khuyến nông được chuẩn bị dựa trên các hoạt động của dự án và nhu cầu của</p> | <p>Hội nghị chuyên đề mở rộng được tổ chức tại 5 xã nơi có các thôn mô hình, mời các người dân các thôn khác đến các thôn mẫu; có 28 thôn khác đã tham gia hội nghị. Có thể kết luận rằng có hơn 28 thôn tham gia và đạt được chỉ số kiểm chứng khách quan là 5-1.</p> <p>Các hướng dẫn mở rộng bao gồm các kỹ năng cơ bản cho từng hoạt động canh tác, các kỹ năng tiên tiến bao gồm các điểm cần lưu ý</p>                                                                                                                                                                                                                                                                                                                              |

|  |           |                                                                                                                                                                                                                                                                                                           |
|--|-----------|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
|  | dân làng. | để thực hiện mỗi hoạt động và quản lý việc thực hiện các hoạt động cải thiện đời sống. Các hướng dẫn liên quan đến chính quyền bao gồm tất cả 3 phần trên trong khi các hướng dẫn dành cho dân làng chỉ gồm các kỹ năng cơ bản. Tài liệu hướng dẫn này đã được chuẩn bị trong năm tài khóa Nhật Bản 2008. |
|--|-----------|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|

## 9.2 Tính hiệu quả

Trong phần này, tính hiệu quả được đánh giá dựa theo mức độ hiệu quả của mỗi đầu ra trong việc đạt được mục đích của dự án. Tuy nhiên, các kết quả 3,4, và 5 không được đưa vào để cho thấy chúng có vai trò trong việc đạt được mục đích của dự án; mà đúng hơn là chúng được đưa vào để đảm bảo cho việc đạt được khoản thứ 2 trong các mục tiêu tổng quát - 'cải thiện mức sống của dân làng trong 2 huyện có 5 thôn mô hình', mục tiêu cao nhất là 'Giảm nhẹ áp lực lên nguồn tài nguyên rừng từ dân làng ở tỉnh Kontum' - các hoạt động phát đốt chọt tria sẽ giảm xuống tại Kontum" và khoản đầu tiên của các mục tiêu là 'Mở rộng các mô hình thành công của các thôn mô hình đến các thôn khác ở hai huyện'. Do vậy, 'những kết quả' này được trình bày dựa trên mối liên hệ của chúng với thành tựu của các mục tiêu tổng quát hoặc mục tiêu dài hạn hơn là mục đích của dự án.

| Mức độ đóng góp của mỗi kết quả vào mục đích của dự án |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                           | Các yếu tố tích cực/tiêu cực đối với việc đạt được mục đích của dự án                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                         |
|--------------------------------------------------------|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
| <b>Các đầu ra</b><br>1.                                | Kết quả này có được thông qua việc Trình độ thực hiện kế hoạch nâng cao đời sống. Với mục đích nâng cao trình độ hiểu biết và các kỹ năng của dân làng về Nông nghiệp, lâm nghiệp, chăn nuôi gia súc, và các hoạt động nông lâm nghiệp không chỉ thông qua tập huấn, mà còn thông qua quá trình và kết quả việc thực hiện các hoạt động canh tác thực tế về trồng trọt và chăn nuôi... Việc các hoạt động canh tác này đã được thực hiện gắn liền với thành tựu của mục tiêu dự án trong một phạm vi lớn. | <p><b>&lt;Các yếu tố tích cực&gt;</b><br/>Nhìn chung, dân làng ở một số thôn mô hình có động cơ cao trong việc tham gia các hoạt động và tiếp tục thực hiện chúng.</p> <p>Bên cạnh đó, về cơ bản dân làng tin tưởng dự án về kế hoạch cải thiện đời sống được thiết lập phản ánh các ý tưởng của dân làng và dự án chắc chắn hỗ trợ dân làng thực hiện kế hoạch.</p> <p><b>&lt;Các yếu tố tiêu cực&gt;</b><br/>Dân làng một số thôn mô hình được yêu cầu di dời đến nơi ở hiện tại. Điều này khiến họ phải mất nhiều thời gian hơn trước đây để đến được cánh đồng của họ. Do vậy, họ khó có thể tham gia vào các hoạt động mới được đưa vào. Mặc khác, nhìn chung động cơ của dân thôn này thấp hơn so với các thôn khác.</p> <p>Có trường hợp tại một số thôn nhà của dân làng cách xa nhau khiến họ khó có thể trao đổi thông tin với nhau và cũng khiến những người không tham gia các hoạt động dự án không thể biết được tiến độ của các hoạt động.</p> |

|                                                                                                                                               |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                               |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                               |
|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
| <p><b>Đầu ra:</b></p> <p>2. Năng lực của cán bộ chính quyền trong việc thực hiện và quản lý các dự án cải thiện đời sống được tăng cường.</p> | <p>Kết quả này có được thông qua việc thực hiện kế hoạch nâng cao năng lực. Theo nguyên tắc, công tác viên được bổ nhiệm vào nhiệm vụ Xúc tác viên (CF) tại mỗi thôn mô hình tham gia vào mọi khóa tập huấn về kế hoạch tăng cường năng lực. Kinh nghiệm này được củng cố thông qua việc thực hiện các công việc hàng ngày có tư vấn thường xuyên từ phía các chuyên gia Nhật Bản... và do vậy năng lực của họ trong việc hỗ trợ dân làng thực hiện các hoạt động cải thiện đời sống của mình được nâng cao.</p> <p>Nâng cao năng lực của các cán bộ chính quyền, đặc biệt có cả CF, về lập kế hoạch, giám sát, quản lý và hỗ trợ thực hiện nâng cao đời sống đã được gắn liền với thành tựu các mục tiêu trong một phạm vi rộng lớn.</p> <p>Tuy nhiên, vì sự trì hoãn việc phê duyệt dự án bên phía chính phủ Việt Nam, nên sự tham gia của cán bộ hành chính bên cạnh CF (nhân sự của UBND huyện chẳng hạn) bị hạn chế.</p> | <p><b>&lt;Các yếu tố tích cực&gt;</b></p> <p>Việc nâng cao năng lực giúp cho mỗi CF có khả năng thúc đẩy động cơ của dân làng thông qua việc trao đổi thẳng thắn với họ và hỗ trợ họ tiếp tục thực hiện các hoạt động canh tác.</p> <p><b>&lt;Các yếu tố tiêu cực &gt;</b></p> <p>Ngoại trừ các cán bộ chính quyền tham gia vào việc thực hiện dự án (như CF, cán bộ đối tác của Chi cục lâm nghiệp, Ban quản lý dự án lâm nghiệp tỉnh, cán bộ UBND xã gắn liền với thôn mô hình), việc tham gia của các cán bộ chính quyền còn rất ít cho đến khi dự án được phê duyệt vào tháng 7/2007.</p> |
|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|

|                                                                                                                     |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                         |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                        |
|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
| <p><b>Đầu ra:</b></p> <p>3. Năng lực tiếp thị sản phẩm nông lâm nghiệp và gia súc của dân làng được tăng cường.</p> | <p>Trong thực tế, các thôn mô hình không có 'những người dân cố gắng đạt được những kĩ năng bán hàng thông qua thực hành các hoạt động để tạo một cơ chế mà nhờ đó những sản vật họ làm được bán ra ngoài thị trường', mà thực trạng là rất khó để có thể đạt được một chỉ số như đã nêu là 'lập được kế hoạch tiếp thị' trong biểu đồ dự án như một thành quả được mong đợi để nâng cao năng lực bán các nông-lâm sản cho người dân.</p> <p>Trước tình hình đó, các mục tiêu được đặt ra về việc học tập các kiến thức cơ bản về tiếp thị và các kĩ năng để xác định cơ hội bán hàng dưới sự hỗ trợ của các cộng tác viên như CF và việc nắm bắt kiến thức của người làng về tình trạng bán hàng của địa phương và học tập các kĩ năng để phân tích các điều kiện nhằm cải thiện khả năng bán được các sản vật sẵn có. Trong thực tế, không thể thay đổi cung cách bán hàng và do vậy khó để lập 'kế hoạch tiếp thị'. Thay vì đó, dự án nhắm đến việc chuẩn bị 'ý tưởng/tâm nhìn trong tương lai của dân làng về cách bán hàng hiệu quả hơn.'</p> <p>Thật khó để nói rằng tình trạng này có thể dẫn đến việc cải thiện đời sống (hoặc tăng thu nhập) như đã được trình bày trong mục tiêu tổng quát đến một phạm vi rộng. Nếu các điều kiện bán hàng không được đáp ứng, thì rất khó để có thể đạt được kết quả liên quan đến bán hàng. Bên cạnh đó, dân làng vẫn còn xem hầu hết các sản vật họ làm ra được chỉ để tiêu thụ trong nhà và ý nghĩ này của họ không thể phủ nhận.</p> <p>Vì việc đạt được kết quả này không trực tiếp dẫn đến thành tựu mục đích của dự án, nên việc không đạt được kết quả gì cũng không có ảnh hưởng gì tiêu cực đến thành tựu mục đích của dự án.</p> | <p><b>&lt;Các yếu tố tích cực&gt;</b></p> <p>Không có yếu tố chính nào trong việc thúc đẩy kết quả đạt được. Tuy nhiên, có một kế hoạch cải thiện đường sá với mong muốn trong tương lai việc đi lại trong các thôn được dễ dàng mặc dù công việc này có thể sẽ không trôi chảy.</p> <p><b>&lt;Các yếu tố tiêu cực &gt;</b></p> <p>Ngay từ khi mới bắt đầu dự án, chúng tôi cũng có suy nghĩ rằng các sản vật được bán ra sẽ rất hiếm vì các hoạt động canh tác được thực hiện chủ yếu để tiêu thụ trong nhà tại 5 thôn mô hình. Mặc dù dự án đã mong đợi rằng dân làng sẽ muốn thay đổi cung cách bán những lượng sản vật ít đa dạng mà họ làm ra được, nhưng kết quả của nghiên cứu bán hàng 2006 nhận ra một thực tế rằng các tư thương đến tận nơi thu mua sản vật và dân làng không gặp khó khăn gì trong việc bán hàng. Bên cạnh đó, mặc dù đã có kế hoạch tổ chức một khóa tập huấn cho các thôn mô hình - các thôn có cơ hội bán hàng nhiều hơn vì đường sá đi lại dễ dàng hơn... để giúp dân làng phân tích và lập kế hoạch các hoạt động để tạo một cơ chế nhằm bán được các sản phẩm họ làm ra, và chúng tôi cũng đã mong rằng có thể có sản phẩm dư thừa từ các hoạt động canh tác mới được dự án đưa vào, nhưng kết quả lại cho thấy sản phẩm có được từ những hoạt động canh tác mới này lại không nhiều và do vậy chỉ đủ để dùng trong nhà và bán loanh quanh trong thôn hoặc thôn lân cận. Kết quả là dân làng không phải suy nghĩ nhiều về việc bán đi các sản phẩm họ làm ra.</p> <p>Mặc khác, một vài thôn ở cách đường lộ ít nhất là 30km, các thôn khác thì khó đến được bằng xe cộ vì đường sá lổ. Với điều kiện đường sá như vậy, việc buôn bán được xem như là không khả thi. Thêm vào đó, các dịch vụ vận tải và thông tin liên lạc không phát triển và việc sản xuất lại có qui mô quá nhỏ để có thể có sản phẩm để bán.</p> |
|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|

|                                                                                                                                           |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                      |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                       |
|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
| <p><b>Đầu ra:</b></p> <p>4. Trình độ hiểu biết của dân làng và cán bộ chính quyền về việc sử dụng bền vững đất và rừng được nâng cao.</p> | <p>Tuy nhiên, để đạt được mục tiêu dài hạn, còn phải xét đến nhiều khía cạnh khác nhau và vì vậy khó để có thể đánh giá mức độ đóng góp của thành tựu mục tiêu dài hạn vào kết quả này.</p> <p>Tuy nhiên, liên quan đến 'đầu ra' này, có thể đánh giá cao việc giao đất rừng đã được làm rõ để quản lý rừng cộng đồng, và kế hoạch CFM 5 năm được thiết lập tại một trong các thôn mô hình bên cạnh việc nắm bắt kiến thức về CFM của dân làng thông qua thử nghiệm đầu tiên - giới thiệu ý tưởng về CFM tại Kontum và tập huấn về nó.</p> <p>Vì hoạt động này bắt đầu trong năm tài khóa Nhật Bản 2007, nên nó không thể là một mô hình bao gồm cả việc thực hiện hoạt động trên cơ sở kế hoạch CFM. Do vậy, phía Việt Nam cần phải tiếp tục hỗ trợ hoạt động này và nỗ lực hoàn thiện mô hình.</p> | <p><b>&lt;Các yếu tố tích cực&gt;</b></p> <p>Việc quản lý rừng có sự tham gia của cộng đồng (CFM) được bắt đầu thực hiện như một chính sách quan trọng của Cục lâm nghiệp dưới sự quản lý của chính phủ và do vậy phía chính phủ Việt Nam đặt nhiều hi vọng vào việc nhận thức về quản lý rừng bền vững thông qua hoạt động các hoạt động liên quan đến CFM.</p> <p><b>&lt;Các yếu tố tiêu cực &gt;</b></p> <p>CFM được thực hiện với giả định rằng đất rừng được giao cho cộng đồng và qui trình giao đất rừng không phải là hoạt động do Sở NN&amp;PTNT phê duyệt mà là các đơn vị khác như TN&amp;MT, UBND tỉnh và UBND huyện. Tuy nhiên, hệ thống quản lý hành chính theo chiều dọc của Việt Nam có thể lại là một trở ngại cho sự hợp tác giữa các đơn vị này. Bên cạnh đó, dân làng không dễ dàng gì để có thể tự mình lập được kế hoạch CFM. Như vậy cần có sự giúp đỡ ngân sách từ chính quyền hay các tư vấn nếu họ cần.</p> |
| <p><b>Đầu ra:</b></p> <p>5. Chuẩn bị để mở rộng các kết quả đạt được từ dự án sang các vùng khác.</p>                                     | <p>Mức độ của đạt được của 'kết quả' này được đánh giá là khá cao. Tuy nhiên, xét đến khía cạnh mở rộng thực sự đến các vùng khác trong tương lai thì bên cạnh các đầu ra này còn cần có các đầu ra khác. Khó để có thể đánh giá mức độ đóng góp của đầu ra này vào việc mở rộng trong tương lai. Có thể đánh giá cao việc kế hoạch nâng cao đời sống đã được chuẩn bị cho 10 thôn khác và năng lực của cán bộ chính quyền đã được tăng cường thông qua quá trình lập kế hoạch, và đã thực hiện xem xét việc phổ biến đến các vùng khác.</p>                                                                                                                                                                                                                                                         | <p><b>&lt;Các yếu tố tích cực&gt;</b></p> <p>Ngân hàng phát triển Châu Á ADB đã thực hiện một dự án để cải thiện đời sống hầu như khắp tỉnh Kontum. Bên cạnh đó, ADB còn có kế hoạch thực hiện một dự án cải thiện đời sống khác liên quan đến trồng rừng từ năm 2008.</p> <p><b>&lt;Các yếu tố tiêu cực &gt;</b></p> <p>Sở Kế hoạch &amp; Đầu tư phụ trách dự án của ADB về cải thiện đời sống đang thực hiện, trong khi Sở NN&amp;PTNT cũng phụ trách dự án này. Như vậy thì hệ thống hành chính theo chiều dọc của Việt Nam có thể là một trở ngại.</p>                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                            |

### 9.3 Tác động

#### (1) Những tác động trực tiếp

Dưới đây là những tác động trực tiếp đến mức độ đạt được mục đích dự án thông qua việc thực hiện các hoạt động của dự án.

- 1) Thông qua việc thực hiện cải thiện đời sống cho dân làng tại các thôn mô hình, khả năng thực hiện các hoạt động canh tác được nâng cao và họ có động cơ ngày càng cao trong việc tiếp tục các hoạt động mà họ thấy được các ích lợi của chúng.

2) Liên quan đến việc thực hiện kế hoạch cải thiện đời sống, việc áp dụng các cơ chế được trình bày trong phần 8 đã giúp đạt được mục tiêu của dự án được một cách đáng kể. Sau đây là các tác động đến việc xây dựng mô hình thành công tại các thôn mô hình.

- i) Bổ nhiệm CF tại mỗi thôn mô hình
- ii) Thiết lập ban phát triển thôn tại mỗi thôn mô hình
- iii) Áp dụng hệ thống ngân hàng vật nuôi
- iv) Quản lý dự án bằng các hội thảo định kì...
- v) Áp dụng phương pháp giám sát và đánh giá cùng tham gia

3) Việc thực hiện kế hoạch nâng cao năng lực cho cộng tác viên như CF và các cán bộ hành chính khác liên quan đến dự án đã nâng cao năng lực của họ (đặc biệt là năng lực của CF) trong việc lập kế hoạch, giám sát và đánh giá các hoạt động cải thiện đời sống ở các thôn.

## **(2) Những tác động gián tiếp**

Dưới đây là những tác động trực tiếp đến mức độ đạt được mục tiêu tổng quát và mục tiêu dài hạn thông qua việc thực hiện các hoạt động của dự án.

1. Việc thực hiện các hoạt động canh tác tại các thôn mô hình, tổ chức hội nghị chuyên đề mở rộng cho dân các thôn khác và lập kế hoạch cải thiện đời sống cho các thôn khác giúp dự án có thể định được hướng đi để đạt được mục tiêu tổng quát (1) - 'Nhân rộng các mô hình thành công trong các thôn dự án đến các thôn khác trong 2 huyện.'

Mỗi CF thực hiện một cuộc khảo sát về mức độ mở rộng của các hoạt động canh tác từ thôn mô hình sang các thôn khác. Cuộc khảo sát tập trung vào hai khía cạnh sau.

- (i) Số dân làng bắt đầu tự ý họ làm theo các hoạt động mà không có hỗ trợ từ phía dự án, đây là hình mẫu quen thuộc nhất - 'khuyến nông giữa nông dân với nông dân'
- (ii) Số thôn khác nơi mà dân bắt đầu làm theo các hoạt động và số dân làng này cho thấy được mức độ mở rộng của các hoạt động đến các thôn khác như thế nào.

Bảng 9.3.1 bên dưới cho thấy các kết quả của cuộc khảo sát. (để biết chi tiết có thể tham khảo phụ lục 14)

Bảng 9.3.1 Mức độ mở rộng từ các thôn mô hình sang các thôn khác

| Hoạt động            | Huyện Kon Plong |        |           |        |          |        | Huyện Kon Rẫy |   |            |       |
|----------------------|-----------------|--------|-----------|--------|----------|--------|---------------|---|------------|-------|
|                      | Kon K Tau       |        | Vichiring |        | Nước Nốt |        | Kon Túc       |   | Tu Rơ Bang |       |
|                      | A               | B      | A         | B      | A        | B      | A             | B | A          | B     |
| Nuôi gia súc         |                 |        |           |        | 1        | 21 (2) |               |   |            |       |
| Nuôi trâu            | 28              |        |           |        |          |        |               |   |            |       |
| Nuôi heo             | 4               | 15 (5) |           |        | 2        | 5 (4)  | 8             |   | 8          | 5 (4) |
| Nuôi dê              |                 |        |           |        | 1        | 4 (3)  |               |   |            |       |
| Nuôi vịt             | 1               |        |           | 2 (1)  | 9        | 98 (3) |               |   |            |       |
| Nuôi cá              |                 |        | 2         | 20 (6) | 6        | 15 (2) | 7             |   | 10         | 8 (2) |
| Làm phân ủ           |                 |        |           | 3 (2)  | 2        |        | 2             |   |            |       |
| Làm vườn rau tại nhà |                 |        | 4         | 5 (2)  | 14       | 13 (5) | 10            |   | 7          |       |
| Trồng cây keo        |                 |        |           |        | 3        | 2 (2)  |               |   |            |       |
| Trồng cau            |                 |        |           |        | 3        | 2 (2)  |               |   |            |       |
| Trồng cây Bời lời    |                 |        |           |        |          |        | 16            |   |            |       |
| Trồng cây ăn quả     |                 |        |           |        | 4        | 1 (1)  |               |   |            |       |
| Trồng cây tre        |                 |        |           |        | 5        |        |               |   |            |       |

Ghi chú: A là số dân trong thôn mô hình làm theo các hoạt động.

B là số dân các thôn khác làm theo các hoạt động.

Con số trong ngoặc đơn ở B là số thôn khác nơi người dân ở đó làm theo các hoạt động.

Mặc dù có nhiều khác nhau về mức độ mở rộng, nhưng bảng trên cho thấy rằng các hoạt động tại các thôn mô hình đã bắt đầu mở rộng. Nó cũng khẳng định việc mở rộng các hoạt động đã thành công ở xã Ngọc Tem. Rõ ràng hoạt động nuôi cá, vịt, và trồng rau trong vườn nhà cũng được mở rộng. Các hoạt động này đòi hỏi ít vốn đầu tư ban đầu. Có thể là hoạt động trồng cây, như cây keo và Bời lời có tiềm năng cao.

Ngoài ra, khó để có thể đánh giá được mức độ mở rộng tại các thôn mẫu vì tổng số hộ trong thôn và số hộ được hỗ trợ trong suốt quá trình thực hiện dự án ảnh hưởng đến số hộ trong các thôn mô hình làm theo các hoạt động.

(Ví dụ, nếu tổng số hộ là 50 và 40 hộ được nhận hỗ trợ, thì các hoạt động có thể được mở rộng đến chỉ 10 hộ còn lại. Trong trường hợp này, số hộ mà các hoạt động được mở rộng đến còn khá ít.) Tuy nhiên, trong thực tế, hình thức “khuyến nông giữa nông dân với nông dân” có thể thấy rõ trong hoạt động trồng Bời lời (gồm có ươm cây giống trong vườn ươm qui mô nhỏ) tại thôn Kon Túc, xã Đắk Pơ và trong hoạt động làm chuồng trâu nhằm mục đích ủ phân tại thôn Kon K Tau, xã Pờ Ê. Số các hộ làm theo các hoạt động này tương ứng là 16 (trồng bời lời) và 28 (làm chuồng trâu).

2. Việc thăm dò 'ý tưởng/tầm nhìn tương lai về cách bán hàng hiệu quả hơn' thông qua việc thực hiện nghiên cứu thị trường và tập huấn theo phương thức cầm tay chỉ việc để hỗ trợ dân làng và CF nâng cao năng lực tiếp thị đã giúp dự án có thể xác định hướng đi nhằm đạt được mục tiêu tổng quát (2) - 'cải thiện đời sống của dân làng hai huyện có 5 thôn mô hình.'

3. Dự án đã không chỉ khiến người lớn mà còn giúp trẻ em - người chủ tương lai của đất nước - nhận thức được tầm quan trọng của rừng thông quan khóa giáo dục ý thức về môi trường và lập kế

hoạch CFM và các qui định về bảo vệ và phát triển rừng thông qua tập huấn về CFM. Nhờ đó, dự án đã có thể xác định hướng đi để đạt được mục tiêu dài hạn, mục tiêu như sau: “tại Kontum, áp lực lên tài nguyên rừng vì các hoạt động phá đốt chột tria của dân làng sẽ giảm nhẹ”

Đặc biệt là, các hoạt động liên quan đến CFM đang được thực hiện theo phương thức cầm tay chỉ việc không chỉ giới hạn trong phạm vi tập huấn mà còn có tác động lớn đến tỉnh Kontum và dân làng vì đây là trường hợp CFM đầu tiên tại Kontum cũng như thực hành CFM tại thôn mô hình.

Tuy nhiên, không may là các hoạt động CFM bền vững trong dự án bắt đầu vào tháng 5/2007, khi mà còn ít lâu nữa là kết thúc dự án. Đây chính là lí do khiến việc thực hiện CFM bị hạn chế chỉ trong hoạt động trồng cây làm giàu rừng bằng cách sử dụng các khoảng trống dưới tán cây để trồng các loài cây bản địa, tre nhằm phát triển lâm sản ngoài gỗ.

Khai thác rừng sẽ được thực hiện sau khi hoàn thành dự án này. Về mặt này, phía đối tác Việt Nam chịu trách nhiệm thực hiện.

## **9.4 Tính bền vững**

### **(1) Về mặt kĩ thuật**

#### **1) Tiếp tục và mở rộng các hoạt động canh tác**

Đã đưa vào hơn 20 loại hình hoạt động canh tác trong kế hoạch cải thiện đời sống. Do vậy, thật khó để có thể tiếp tục tất cả các hoạt động đó. Tuy nhiên, ít ra các hoạt động đã được thiết lập mang đến ấn tượng tốt cho dân làng sẽ được tiếp tục thực hiện trong tương lai. Ngoài ra, ngay cả các hoạt động chưa được thiết lập cũng có thể được thiết lập và tiếp tục nếu thành quả/kết quả/lợi ích của các hoạt động đó bắt đầu xuất hiện. Do vậy, có thể đánh giá rằng hầu hết các hoạt động có thể tiếp tục được thực hiện.

Liên quan đến tính bền vững của các hoạt động canh tác này, đã yêu cầu CF ước tính có bao nhiêu người tham gia sẽ tiếp tục các hoạt động của họ ngay cả sau khi dự án kết thúc. Ước tính của họ được sắp xếp theo mức độ từ A đến E (A có nghĩa là tất cả hay hầu hết các người tham gia sẽ tiếp tục các hoạt động của họ; B có nghĩa là nhiều người tham gia sẽ tiếp tục; C có nghĩa là khoảng một nửa; D có nghĩa là chỉ một ít; và E có nghĩa là không có ai.) Các kết quả được tóm tắt trong bảng 9.4.1 dưới đây. Những kết quả này không phải là đánh giá của một người trên cùng một quan điểm, bởi vì mỗi CF tự đánh giá cho riêng mình. Một vài CF tỏ ra lạc quan nhưng những gì họ đánh giá xuất phát từ thực tiễn trong các hoạt động hằng ngày tại các thôn mẫu mà họ là CF ở đó. Các hoạt động được bắt đầu trong năm tài khóa Nhật Bản 2008 không được đưa vào.



Bảng 9.4.1 Tính bền vững của các hoạt động được dân làng thực hiện và các hoạt động

| Hoạt động                     | Huyện Kon Plong |           |          | Huyện Kon Rẫy |            |
|-------------------------------|-----------------|-----------|----------|---------------|------------|
|                               | Kon K Tau       | Vichiring | Nước Nốt | Kon Tuc       | Tu Ro Bang |
| Nuôi gia súc                  | A               | A         | B        | A             | A          |
| Gia súc (chỉ cung cấp chuồng) |                 | A         |          | A             | B          |
| Nuôi trâu                     | A               | A         |          |               |            |
| Nuôi heo nái                  | D               | A         | B        | B             | C          |
| Nuôi heo đực lấy thịt         | A               | A         | A        | A             | A          |
| Nuôi heo F1                   | A               | A         | B        | A             | D          |
| Nuôi dê                       |                 |           | B        | D             | B          |
| Nuôi thỏ                      |                 |           | B        | D             | A          |
| Nuôi vịt                      | A               | A         | C        | A             | C          |
| Nuôi cá                       | A               | A         | B        | A             | A          |
| Làm phân ủ                    | A               | B         | C        | A             | B          |
| Canh tác đất dốc              | B               | A         | B        | A             | A          |
| Trồng rau trong vườn nhà      | A               | B         | B        | A             | B          |
| Trồng cây keo                 |                 |           | B        |               |            |
| Trồng cau                     |                 |           | B        |               |            |
| Trồng cây Bời lời             |                 |           |          | A             | A          |
| Trồng cây ăn quả              | A               | A         | B        | A             | A          |
| Trồng cây tre                 | A               | A         | D        |               | B          |
| Trồng cây quế                 |                 |           |          |               | A          |

Khi phân tích các kết quả này, ta có thể hiểu như sau:

- Trước hết, không CF nào chọn mức E và tất cả CF chọn chỉ một ít mức C và/hoặc D. Như vậy, trong chừng mực nào đó các CF đánh giá cao tính bền vững của các hoạt động đang thực hiện.
- Khi có nhiều dân làng tham gia ngay từ đầu, thì mức A rất hiếm. Khi chỉ có một người tham gia và nếu người đó được đánh giá là sẽ tiếp tục, thì được xếp mức A. Chẳng hạn, như được miêu tả trong 3.1.1., thôn Nước Nốt tại xã Ngọc Tem được đánh giá là rất tích cực dựa vào số dân tham gia. Do vậy, khó để có thể mong đợi được mức A, hoặc tất cả hay hầu hết người tham gia tiếp tục hoạt động của họ. Tuy nhiên, ngay cả nếu mức B được xếp thì toàn bộ số người tham gia sẽ tiếp tục các hoạt động của họ có thể là cao nhất so với các thôn khác
- Gia súc đặc biệt là nuôi gia súc lớn thường được đánh giá thấp. Khuynh hướng này đặc biệt phổ biến ở các thôn gặp khó khăn về việc đảm bảo lượng thức ăn cho chúng. Cũng có thể bởi vì CF đã phải chứng kiến nhiều cái chết của gia súc và đi đến kết luận rằng mức độ rủi ro từ gia súc cao hơn mức độ rủi ro từ các hoạt động trồng trọt.

Để biết kết quả chi tiết về cuộc khảo sát này, xem phụ lục 15. Khi các mức C, D, E được chọn, các lí do cho các chọn lựa này được đưa ra và cả những điều kiện để khuyến khích những người có thể cảm thấy không thích tiếp tục tham gia trong tương lai nữa. Hi vọng rằng những ý kiến này sẽ có ích cho việc cân nhắc đến sự hỗ trợ từ phía chính phủ sau khi dự án kết thúc.

Sau đó, một khảo sát tương tự được thực hiện bằng cách phát các câu hỏi cho CF để điều tra xem mỗi hoạt động có thể được mở rộng theo hình thức nào đến những dân làng không tham gia các hoạt động tại các thôn mô hình hay các thôn khác. Ở mỗi hoạt động, CF được yêu cầu đánh dấu theo các mức độ A, B hay C (A có nghĩa là hoạt động này có thể mở rộng mà không cần đến hỗ trợ từ phía chính quyền

hay Ủy ban phát triển xã; B có nghĩa là có thể mở rộng nếu có hỗ trợ; và C có nghĩa là khó để mở rộng ngay cả nếu có hỗ trợ)

Bảng 9.4.2 Khảo sát tính khả thi của việc mở rộng các hoạt động theo đơn vị thôn và hoạt động

| Hoạt động                     | Huyện Kon Plong |           |          | Huyện Kon Rẫy |            |
|-------------------------------|-----------------|-----------|----------|---------------|------------|
|                               | Kon K Tau       | Vichiring | Nước Nót | Kon Tuc       | Tu Ro Bang |
| Nuôi gia súc                  | B               | A         | A        | B             | B          |
| Gia súc (chỉ cung cấp chuồng) |                 | B         |          | A             | A          |
| Nuôi trâu                     | A               | A         |          |               |            |
| Nuôi heo nái                  | A               | A         | B        | B             | B          |
| Nuôi heo đực                  | C               | B         | A        | B             | B          |
| Nuôi heo F1                   | B               |           | C        | B             | B          |
| Nuôi dê                       |                 |           | A        | C             | B          |
| Nuôi thỏ                      |                 |           | C        | C             | B          |
| Nuôi vịt                      | A               | A         | A        | A             | C          |
| Nuôi cá                       | A               | A         | A        | A             | A          |
| Làm phân ủ                    | A               | B         | C        | A             | A          |
| Nông lâm kết hợp trên đất dốc | B               | B         | C        | A             | B          |
| Trồng rau trong vườn nhà      | B               | A         | A        | A             | A          |
| Trồng cây keo                 |                 |           | A        |               |            |
| Trồng cau                     |                 |           | A        |               |            |
| Trồng cây Bời lời             |                 |           |          | A             | A          |
| Trồng cây ăn quả              | B               | B         | A        | B             | B          |
| Trồng cây tre                 | A               | C         | C        |               | A          |
| Trồng cây quế                 |                 |           |          |               | B          |

Từ các kết quả trên, rõ ràng là theo các CF có thể mở rộng mà không cần hỗ trợ nếu hoạt động nào có thể được thực hiện mà không tốn kém nhiều, ví dụ như trồng Bời lời hoặc nếu việc tái sản xuất tương đối dễ dàng như nuôi cá và vịt và các người làng khác có thể mua cá giống và gà con với giá khá thấp. Ngược lại, theo họ cần phải hỗ trợ các hoạt động đòi hỏi chi phí cao và yêu cầu được hỗ trợ kỹ thuật và vật tư từ chính quyền và hỗ trợ quản lý từ các tổ chức quản lý trong thôn như ban phát triển thôn.

Đương nhiên, các câu trả lời của họ liên quan chặt chẽ đến các hoạt động cho tới thời điểm này đã được thực hiện thành công, hoặc các hoạt động phải đương đầu với nhiều khó khăn.

Ngoài ra, khi so sánh các kết quả này với thực trạng mở rộng hiện tại được trình bày trong mục 9.3 (2), ta có thể thấy rõ ràng có một tập hợp các hoạt động trong đó mức độ mở rộng là cơ sở cho các câu trả lời của CF và đó chỉ phản ánh những mong đợi của họ trong tương lai. Liên quan đến các hoạt động đã bắt đầu được mở rộng, về cơ bản các CF chọn mức A và điều đó cho thấy việc mở rộng đang tiến triển tốt đẹp. Trong khi đó, có những hoạt động mà mỗi CF có một ý kiến khác nhau. Chẳng hạn, trong trường hợp trồng tre, một vài CF cho rằng hoạt động này sẽ được mở rộng nếu tre trồng đều sống và dễ kiếm giống tre. Cùng lúc đó, các CF khác lại không hi vọng gì vào việc mở rộng đó dựa trên thực trạng hiện tại. Ở Ngọc Tem, có nhiều hơn những câu trả lời thực tế theo hướng này vì việc mở rộng thực sự đang có tiến triển tốt như trình bày ở mục 9.3 (2).

Để biết chi tiết về các kết quả của cuộc khảo sát này, xem phụ lục 15. Hi vọng rằng những lí do được trình bày trong các câu trả lời của họ sẽ có ích trong việc cân nhắc đến sự hỗ trợ từ phía chính phủ về việc mở rộng các hoạt động sau khi dự án kết thúc.

## **2) Tính bền vững của Ban phát triển thôn và ngân hàng vật nuôi**

Có thể nhận thấy rằng các hoạt động của Ban phát triển thôn và việc quản lí hệ thống ngân hàng vật nuôi đã được thực hiện để đảm bảo tính tiếp tục của các hoạt động nêu trên. Hi vọng rằng tính bền vững sẽ được đảm bảo hơn khi ban phát triển và hệ thống ngân hàng vật nuôi hoạt động tốt. Vấn đề là tại tất cả các thôn mô hình, cả ban phát triển thôn và hệ thống ngân hàng vật nuôi đều không hoạt động tốt. Nhưng trái lại, thôn mô hình nào cũng muốn các hoạt động của ban phát triển thôn được tiếp tục. Dự án hi vọng rằng, hạt giống tiếp tục đã được gieo và nó sẽ nảy mầm cho dù các hoạt động của Ban phát triển thôn hay của hệ thống ngân hàng vật nuôi có giảm xuống.

## **3) Tính bền vững của CFM**

Liên quan đến CFM, dự án không chỉ thiết lập kế hoạch CFM và qui định về việc bảo vệ và phát triển rừng thông qua phương thức cầm tay chỉ việc tại thôn mô hình, mà còn soạn ra các hướng dẫn cho việc thực hiện CFM. Do vậy, tính bền vững của CFM đối với sự mở rộng đến các cộng đồng khác cũng như việc tiếp tục thực hiện tại thôn Vichiring đã gia tăng về phương diện kỹ thuật. Tuy nhiên, chắc chắn là phía đối tác Việt Nam cần nhiều nỗ lực, bao gồm việc hỗ trợ từ phía chính quyền để thiết lập một mô hình cho việc thực hiện bền vững CFM như được trình bày ở mục 9.2 and 9.3 (2) 3). Đường như dân làng không có khả năng mấy trong việc thực hiện CFM. Do vậy, chúng tôi cho rằng họ cần được hỗ trợ từ các chuyên gia bên ngoài và các hỗ trợ viên cộng đồng (một vài người có thể đảm nhận 2 vai trò cùng một lúc) ở mỗi giai đoạn thực hiện CFM cho đến khi dân làng có thể thực sự tự mình quản lí rừng cộng đồng của họ.

### **(2) Về mặt tổ chức**

Có thể đánh giá được rằng khả năng quản lí của đối tác (đặc biệt là CF) đã được nâng cao trong việc lập kế hoạch, giám sát và đánh giá trong dự án cải thiện đời sống. Như trình bày dưới đây, trong mục 10. 'kiến nghị', mức độ bền vững như thế nào sẽ liên quan đến cách xem xét vai trò của các CF sau khi kết thúc dự án.

Năng lực quản lí, giám sát các hoạt động canh tác và tổ chức hội thảo của một số thành viên ban phát triển thôn đã được nâng cao. Theo quan điểm này, có thể đánh giá rằng tính ổn định của các hoạt động cải thiện đời sống tại các thôn mô hình đã được nâng lên.

### **(3) Về mặt tài chính**

Việc gây quỹ từ hệ thống ngân hàng vật nuôi ở các thôn mô hình đã được khởi động mặc dù số tiền huy động được chưa nhiều lắm. Có thể nói rằng, sử dụng quỹ cho các hoạt động sẽ góp phần bảo đảm tính bền vững.

Trong thực tế, tự bản thân tỉnh Kontum khó có thể bảo đảm được nguồn ngân sách để gia tăng đầu ra cho dự án, đặc biệt là về cải thiện đời sống, từ các thôn mẫu đến các thôn khác sau khi dự án kết thúc. Do vậy, cần xem xét đến việc tìm kiếm nguồn quỹ bên ngoài. Xét về triển vọng và tính khả thi, hai dự án sau của ADB có thể được xem như các nguồn tài chính.

- Dự án cải thiện sinh kế Miền trung (CRLIP) dưới sự quản lí của Sở Kế hoạch và đầu tư, sẽ được tiếp tục cho đến năm 2009.
- Dự án trồng rừng để cải thiện sinh kế ở Tây nguyên dưới sự quản lí của Sở NN&PTNT sẽ được bắt đầu từ năm 2008.

Tuy nhiên, vẫn có các vấn đề cần lưu ý trong các dự án của ADB. Do vậy, cần áp dụng một số phương pháp để khắc phục các vấn đề đó.

- Vì phạm vi của CRLIP hoàn toàn khác so với dự án này, nên khó có thể chỉ đơn giản áp dụng các đầu ra của dự án này. Do vậy, cần xem xét đầu ra nào có thể được áp dụng. Có thể áp dụng theo các cách thức sau 1) các thôn mô hình sẽ được sử dụng cho mục đích tham quan học tập kinh nghiệm, 2) các hướng dẫn kĩ thuật do dự án soạn ra có thể được sử dụng trong CRLIP.
- Dự án ADB do Sở NN & PTNT quản lí không được thực hiện trên khắp tỉnh Kontum và các xã nơi có các thôn mô hình của dự án thì không nằm trong khuôn khổ các hoạt động của Dự án ADB. Do vậy, cần nhận thấy rằng dự án này không thể phụ thuộc vào dự án ADB về tài chính để mở rộng các hoạt động được thực hiện tại các thôn mô hình đến các thôn lân cận. Tuy nhiên, nó có thể được sử dụng cho các hoạt động cải thiện đời sống trong khuôn khổ dự án ADB bằng cách sử dụng các đầu ra của dự án này. Mặc khác, bên cạnh các vấn đề về các hoạt động cải thiện đời sống, cần xác định liệu dự án ADB có thể hỗ trợ tài chính cho CFM trong khuôn khổ dự án ADB không.

### **9.5 Mức độ thành quả và những vấn đề quan tâm trong thiết lập thôn mô hình**

Các điều kiện của các thôn mô hình được duy trì như là một mục đích được mô tả trong tám mục dưới đây như đã miêu tả trong chương 2.1

- 1) Thiết bị và vật tư đầu vào để thực hiện các hoạt động là đầu tư ban đầu với số lượng chỉ ở mức tối cần, bền vững về tài chính, phương pháp thực hiện ngân hàng vật nuôi có thể chuyển giao được....và đầu tư ban đầu phải kết nối với phương pháp thực hiện.
- 2) Ban Phát triển thôn gồm có dân làng và cán bộ đại diện trong xã phải làm việc tốt để quản lý ngân

hàng vật nuôi đồng thời theo dõi các hoạt động đẻ ra....

- 3) Thay vì tất cả các hộ gia đình trong thôn đều thực hiện các hoạt động như nhau, nên khuyến khích những hộ nào ham thích các hoạt động và thực hiện tốt các hoạt động tham gia vào việc tuyên truyền các thông tin cho các hộ khác trong thôn.
- 4) Thực hiện được các hoạt động đã được giới thiệu về nông nghiệp, lâm nghiệp, chăn nuôi và nông lâm kết hợp. Những hoạt động này sẽ góp phần làm tăng tính đa dạng và số lượng sản phẩm bán ra thị trường.
- 5) Các hoạt động đã được giới thiệu về nông nghiệp, lâm nghiệp, chăn nuôi và nông lâm kết hợp trở thành mô hình có hiệu quả trông thấy, và lan tỏa sang các hộ khác trong thôn mô hình chủ yếu bằng phương thức “khuyến nông giữa nông dân-nông dân”.
- 6) Dân làng quan tâm đến ý tưởng bền vững về sử dụng đất và rừng, đặt ra luật lệ để duy trì được môi trường rừng chung quanh thôn bản. Chấp thuận việc giao đất giao rừng dựa vào khung Quản lý rừng cộng đồng là điều kiện cơ bản cho việc này.
- 7) Thông qua thực hiện các hoạt động từ 1) đến 6), việc trao quyền cho dân làng sẽ được thúc đẩy, năng lực lập kế hoạch và giải quyết vấn đề cũng sẽ được cải thiện.
- 8) Tất cả các hoạt động ở trên, từ 1) đến 7) trở thành một khối và được nhìn nhận như một phương pháp để chuyển giao cho các thôn khác.

Nhằm duy trì tám điều kiện trên, rất nhiều phương pháp đã được áp dụng như là một cơ chế để quản lý và thực hiện tốt hơn trong chương trình hỗ trợ dân làng (VSP) (miêu tả trong chương 2.2). Bảng dưới đây mô tả những giải pháp trong cơ chế và kế hoạch thuộc VSP đã đóng góp cho những thành quả cũng như việc duy trì mỗi điều kiện trên.

| Công cụ thực hiện                                  |                                                         | Những điều kiện mà các công cụ góp phần duy trì |
|----------------------------------------------------|---------------------------------------------------------|-------------------------------------------------|
| Giải pháp cơ chế nhằm quản lý và thực hiện tốt hơn | Bổ nhiệm CF tại các thôn mô hình                        | 1), 2), 3), 4), 5)                              |
|                                                    | Thiết lập Ban phát triển thôn (VDB)                     | 2), 3), 5), 7)                                  |
|                                                    | Áp dụng hệ thống ngân hàng vật nuôi                     | 1)                                              |
|                                                    | Quản lý dự án thông qua tổ chức hội thảo định kỳ        | 3), 5), 7)                                      |
|                                                    | Áp dụng phương pháp giám sát và đánh giá có sự tham gia | 5), 7)                                          |
| Chương trình hỗ trợ dân làng                       | Kế hoạch canh tác bền vững                              | 1), 3), 4), 5)                                  |
|                                                    | Tập huấn tại thực địa để thực hành kỹ thuật             | 4)                                              |
|                                                    | Tập huấn thông qua thăm quan học tập tại các thôn       | 4), 5)                                          |
|                                                    | Tập huấn nâng cao năng lực                              | 2), 8)                                          |

Từ bảng trên cho thấy cơ chế nhằm quản lý và thực hiện tốt hơn chương trình hỗ trợ dân làng đã đóng góp cho việc thiết lập các thôn mô hình mà dự án hướng tới. Mặc dù vậy, trong thực tế việc thiết lập các thôn mô hình vẫn còn đang trong quá trình hoàn thiện. Do vậy, mức độ thành công và những vấn đề cần quan tâm được tóm tắt trong bảng dưới đây. Có sự khác nhau về mức độ thành công giữa các thôn mô hình (như đã mô tả trong chương 10.3).

| Điều kiện | Mức độ thành công và những vấn đề cần quan tâm                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                           |
|-----------|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
| 1)        | <p>Tổng kinh phí hỗ trợ mua trang thiết bị và vật tư cho mỗi thôn mô hình chỉ giới hạn ở 10.000 USD trong giai đoạn thực hiện dự án; nguồn kinh phí hạn chế này được giải ngân theo như kế hoạch do vậy nguồn kinh phí hỗ trợ ban đầu chỉ đáp ứng nhu cầu tối thiểu. Đối với hệ thống ngân hàng vật nuôi, quy chế quản lý được xây dựng cho mỗi thôn mô hình và tuân thủ quy trình hành chính với sự ký kết của cả đại diện thôn và đại diện xã, do vậy hệ thống có thể được duy trì hiệu lực sau khi dự án kết thúc. Liên quan đến quản lý ngân hàng vật nuôi, vẫn còn những tồn tại sau đây trong giai đoạn thực hiện dự án.</p> <p>(1) Liên quan đến hệ thống quay vòng gia súc mẹ sau khi sinh con như Dê ..., thời gian dê có sữa kéo dài hơn dự tính, do vậy việc luân chuyển dê mẹ cho hộ gia đình khác trong thôn đã không được thực hiện trong giai đoạn dự án. Mặc dù vậy, gia súc con đã được sinh ra ở một số thôn làng và số con giống này sẽ sớm trải qua giai đoạn bú mẹ và sau đó sẽ được luân chuyển cho hộ gia đình khác trong thôn.</p> <p>(2) Đối với ngân hàng vật nuôi lợn nái: lợn nái ở tất cả các thôn mô hình đã sinh sản và lợn con F1 đã được chia sẻ với các hộ gia đình khác và VDB. Do vậy, có thể nói rằng hệ thống ngân hàng vật nuôi lợn nái đã bắt đầu thực sự hoạt động. Mặc dù vậy, tỷ lệ chết yếu ở lợn con F1 tương đối cao và đây có thể trở thành yếu tố làm cản trở sự nhiệt huyết của người dân quan tâm đến nuôi lợn F1.</p> |
| 2)        | <p>Ban phát triển thôn bản (VDB) đã được thiết lập ở tất cả các thôn mô hình nhằm hướng dẫn người dân thực hành các hoạt động sinh kế. Giai đoạn thực hiện dự án được coi là thời gian VDB thực hành các nội dung quản lý. Thực tế cho thấy mức độ hoạt động và sự nhiệt huyết của các thành viên là không như nhau giữa các thôn mô hình và giữa các thành viên trong một thôn. Mặc dù vậy, VDB được mong đợi sẽ tiếp tục hoạt động sau khi dự án kết thúc bởi vì VDB được thiết kế nhằm tiếp tục giám sát các hoạt động sinh kế của người dân và duy trì hệ thống ngân hàng vật nuôi như đã trình bày trong mục 3.7 (2). Các hoạt động của VDB được coi là mãi mãi, do vậy rất khó để đánh giá VDB thông qua những hoạt động đã kết thúc trong giai đoạn thực hiện dự án.</p>                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                          |
| 3)        | <p>Trong khi xây dựng kế hoạch canh tác bền vững, lựa chọn ra những hoạt động hỗ trợ bởi dự án và lựa chọn ra người dân tham gia các hoạt động dự án đã được thực hiện thông qua việc tổ chức các cuộc hội thảo với phương pháp tiếp cận "từ dưới lên", tôn trọng những ý kiến của người dân. Thực tế cho thấy vai trò rất lớn của CF và các thành viên VDB cũng như việc thảo luận tại các cuộc hội thảo trong việc duy trì các hoạt động tại các mô hình thành công. Dự án đã thử nghiệm 22 hoạt động sinh kế và không phải tất cả các hoạt động này đều thành công. Ngoài ra, giai đoạn thực hiện dự án là quá ngắn để thấy được sản phẩm đối với những hoạt động như trồng cây ăn quả. Mặc dù vậy có thể nhận định rằng đứng trên quan điểm kỹ thuật, một tỷ lệ tương đối lớn các hoạt động sinh kế đã trở thành các mô hình thành công. Đối với những hoạt động mang lại sản phẩm sau này như đã mô tả ở trên, cần thiết phải có giám sát hợp lý và hỗ trợ kỹ thuật bởi UBND xã. ..</p>                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                             |
| 4)        | <p>Như đã mô tả trong mục 3) ở trên, có thể nhận thấy rằng một số lượng lớn các hoạt động sinh kế đã được thiết lập tại các thôn mô hình và năng suất của những hoạt động này cũng đã có sự tăng rõ rệt. Mặc dù vậy, như đã miêu tả trong chương 3.3 và 9.2, việc bán hàng hệ thống các sản phẩm nông lâm nghiệp đã trở thành hiện thực. Những vấn đề và bài học kinh nghiệm về bán các sản phẩm nông lâm nghiệp đã được mô tả trong chương 9.2 và 10.2 (2).</p>                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                         |
| 5)        | <p>Tất cả các hoạt động sinh kế tại các thôn mô hình đã trở thành những mô hình trực quan bởi chúng được thực hành trên thực địa và có thể quan sát trực diện. Do vậy có thể nhận thấy rằng các hoạt động thành công đã trở thành những hiệu ứng trực quan tích cực, có thể dễ dàng hình dung rằng người dân sẽ không muốn áp dụng những hoạt động thất bại bởi vì họ nhìn thấy những hoạt động không thành công là những hình ảnh không tốt. Ngoài ra, đã có rất nhiều nỗ lực để thực hiện phương pháp khuyến nông "nông dân với nông dân" đối với rất nhiều các hoạt động sinh kế thực hiện bởi người dân tại mỗi thôn mô hình như</p>                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                 |

|    |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                          |
|----|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
|    | đã đề cập ở chương 9.3 (2). Mặc dù vậy, để xúc tiến hơn nữa việc nhân rộng các hoạt động sinh kế, sự hỗ trợ của VDB, UBND xã .. đối với người dân là rất cần thiết.                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                      |
| 6) | Thực hiện chương trình hỗ trợ dân làng (VSP) hay cơ chế quản lý và thực hiện dự án không trực tiếp đóng góp cho thành quả của mục này, trong khi việc tổ chức các khóa tập huấn về giáo dục môi trường và tập huấn về quản lý rừng cộng đồng (CFM) đã góp phần đáng kể cho những thành quả mục này. Như đã mô tả trong chương 3.5, hương ước bảo vệ và phát triển rừng chỉ được xây dựng ở một thôn Vichiring nơi hội đủ điều kiện để đạt được mục này, "giao đất, giao rừng dựa trên CFM đã được phê duyệt". Mặc dù vậy, việc áp dụng các hoạt động CFM mới được bắt đầu tại một thôn Vichiring của tỉnh Kon Tum, có rất nhiều vấn đề cần giải quyết liên quan đến nội dung này như đã đề cập ở chương 9.2, 9.4 (1) 3) và 11 (3).                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                       |
| 7) | Có thể nhận thấy rằng việc củng cố năng lực cho người dân đã được cải thiện đáng kể so với giai đoạn đầu của dự án thông qua việc áp dụng phương pháp tiếp cận có sự tham gia như hội thảo hàng tháng và giám sát và đánh giá có sự tham gia. Mặc dù vậy, rất cần thiết phải quan sát cẩn thận xem người dân có tự lập kế hoạch phát triển thôn bản và tự tìm ra các giải pháp khắc phục khó khăn mà không cần đến sự hỗ trợ từ các nguồn lực bên ngoài hay không. Do nhu cầu của người dân ngày càng tăng, nên người dân cần được hỗ trợ về kỹ thuật và các kỹ năng quản lý từ các nguồn lực bên ngoài như UBND xã. Một điểm rất quan trọng, việc nâng cao năng lực cho người dân nên tiếp tục thực hiện lâu dài. Do vậy, Thật khó khăn khi đánh giá thành quả nâng cao năng lực trong khoảng thời gian thực hiện dự án và rất cần thiết phải giám sát mức độ nâng cao năng lực của người dân trong khoảng thời gian dài. Một điều quan trọng nữa là nên đánh giá người dân về khả năng "tự đi trên đôi chân của mình". Xem xét quan điểm này, nên nhận thức rằng những hỗ trợ từ bên ngoài có thể trở thành "con dao hai lưỡi" đối với người dân, đặc biệt là những sự trợ giúp về vật chất của chính phủ có thể làm xói mòn năng lực cải thiện sinh kế của người dân. |
| 8) | Sự nhân rộng các hoạt động cải thiện sinh kế đến các thôn làng khác mới vừa bắt đầu và chưa có nhiều thành quả về sự nhân rộng. Mặc dù vậy, trong thực tế, để có thể xúc tiến sự nhân rộng các hoạt động sinh kế như đã đề cập trong chương 9.3 (2), và những mong đợi mô tả trong chương 9.4 (1) rằng sự nhân rộng các hoạt động sinh kế hầu như không gặp phải những khó khăn nghiêm trọng nào. Trong bối cảnh này, mặc dù việc nhân rộng các mô hình cải thiện sinh kế là không dễ dàng, đã được minh chứng rằng các hoạt động của dự án tại các thôn mô hình đã đi đúng hướng về mặt nhân rộng các hoạt động. Nhưng trong thực tế, rất cần thiết hỗ trợ một lượng vật tư, thiết bị đầu vào tối thiểu để có thể nhân rộng một số hoạt động cải thiện sinh kế.                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                         |